

LỰC BÁN TĂNG DẦN



THỊ TRƯỜNG

Top large cap tác động lên VNIndex: VHM
STB VIC GAS VCB

Diễn biến ngành trên HOSE hôm nay: 18
Tăng vs 23 Giảm

Vị thế VNIndex hiện nay: tăng (kể từ đáy gần
nhất 27/06)

Diễn biến ngành trên HOSE từ 27/06: 32
Tăng vs 25 Giảm

GIAO DỊCH

Xu hướng VNIndex hiện tại: Tăng Điểm hỗ
trợ 995 -> kháng cự 1035

Xu hướng hiện tại nhóm vốn hóa Tỷ USD:
12 Tăng & 14 Sideway vs 0 Giảm

Khuyến nghị kỹ thuật mới: 8 Mua

ĐẦU TƯ

Danh mục PTĐT Rổng Việt: 54 cp, chiếm tỷ
trọng 44.1% vốn hóa toàn thị trường

Top3 kỳ vọng: LHG (+63%), PAC (+43%) &
PC1 (+41%)

Nhóm ngành: Nuôi trồng nông & hải sản
(xếp hạng 16/85)

Cổ phiếu hôm nay: VHC, Khuyến nghị: Mua,
giá mục tiêu của Rổng Việt: 101 k/cp



HỘI THẢO ONLINE - CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ THÁNG 11 “CÚ HÍCH TỪ DÒNG TIỀN NGOẠI”



15h00 thứ Năm, ngày 07/11/2019

tại Fanpage CTCP Chứng khoán Rồng Việt

»» Đón xem và luận bàn cùng chuyên gia <<<

NỘI DUNG CHÍNH

Dưới đây là một số nội dung QUÝ VỊ có thể quan tâm:

TIN TỨC & BÌNH LUẬN

Một số Tin quốc tế và trong nước nổi bật
Diễn biến 1 số chỉ số chứng khoán và giá hàng hóa thế giới
Tin chứng khoán: HPG HT1 REE NTP HDG...

THỊ TRƯỜNG

Large cap nổi bật hôm nay: VHM STB VIC GAS VCB
Diễn biến ngành trên HOSE hôm nay: 18 Tăng vs 23 Giảm
Dòng tiền hôm nay (3 sàn): Ra (tăng)

VNIndex +0.92% so với cuối tuần trước
Diễn biến ngành trên HOSE trong tuần: 25 Tăng vs 28 Giảm
Cổ phiếu tốt nhất trong tuần: C71 IDJ PXS VRC TLH
Cổ phiếu tệ nhất trong tuần: C69 VCR DS3 SCI PTMB

Vị thế VNIndex hiện nay: tăng (kể từ đáy gần nhất 27/06)
Diễn biến ngành trên HOSE từ 27/06: 32 Tăng vs 25 Giảm
Cổ phiếu tốt nhất trong kỳ: MBG NHF ICTR IDJ TSC
Cổ phiếu tệ nhất trong kỳ: FTM VCR MPC HVH DRH

GIAO DỊCH

Xu hướng VNIndex hiện tại: Tăng
Điểm hỗ trợ 995 -> kháng cự 1035
Xu hướng hiện tại nhóm vốn hóa Tỷ USD: 12 Tăng & 14 Sideway vs 0 Giảm
Xu hướng hiện tại của Top10 tuần này: PXS VHG AMV hướng
Xu hướng hiện tại của Top10 'con sóng' gần đây: MBG CTR MPC (FA)
Khuyến nghị kỹ thuật mới: 8 Mua

ĐẦU TƯ

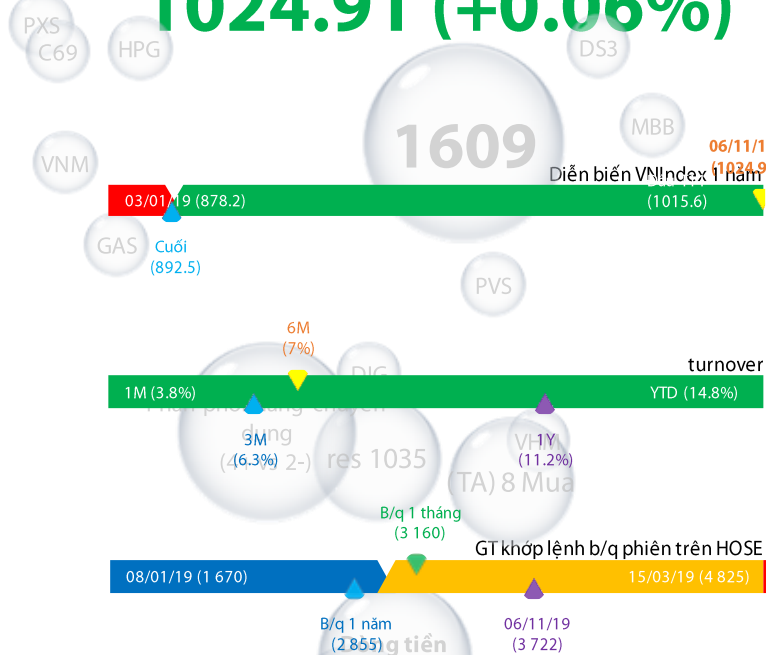
Danh mục PTĐT Rừng Việt: 54 cp
 Kỳ vọng tốt nhất: LHG (+63%), PAC (+43%), PC1 (+41%)
 Dự phóng tốt nhất về tăng trưởng Doanh thu: HDG CTG AST
 Dự phóng tốt nhất về tăng trưởng lợi nhuận: PHR VIC CTG
 Khuyến nghị MUA với P/E 2019F thấp nhất: LTG LHG HAH

Nhóm ngành hôm nay: Nuôi trồng nông & hải sản
Đứng thứ 16/85 ngành về quy mô vốn hóa
Tổng giá trị vốn hóa: 62 735 tỷ đồng
B/q ngành (trọng số vốn hóa) ->: P/E trail 7.7, P/B 1.4

Cổ phiếu hôm nay: VHC
 Ngành: Nuôi trồng nông & hải sản
 HOSE - Mid cap
 Khuyến nghị: Mua, giá mục tiêu của Rồng Việt: 101 k/cp đầu

VNINDEX

1024.91 (+0.06%)



HNXINDEX

106.75 (+0.03%)

UOM INDEX

56.6 (-0.02%)

Nếu QUÝ VỊ có bất kỳ yêu cầu ngoài những nội dung trên
Làm ơn gửi đến ngay cho chúng tôi tại
<https://www.facebook.com/vdsc.com.vn/>

TIN TỨC & BÌNH LUẬN ► TIN QUỐC TẾ

07/11/19 7:15 AM

Stock indexes		Daily	Weekly	Monthly
Dow Jones	27,482	-0.03%	1.08%	3.79%
S&P 500	3,076	0.07%	0.97%	4.68%
FTSE 100	7,391	0.05%	0.83%	2.69%
NIKKEI 225	23,280	0.17%	1.91%	8.91%
SHANGHAI	2,979	-0.43%	1.34%	2.23%
KOSPI	2,139	-0.26%	2.65%	4.52%
Hang Seng	27,673	-0.03%	3.77%	6.87%

Commodities		Daily	Weekly	Monthly
WTI	56.4	-1.57%	2.48%	6.97%
Brent	61.7	-2.02%	1.80%	5.74%
Natural gas	2.8	-1.29%	5.18%	22.90%
Gold	1,492.4	0.46%	-0.20%	-0.08%
Milk	20.3	0.15%	0.59%	10.01%
Coffee	107.9	1.98%	8.71%	11.34%
Sugar	12.6	-1.26%	1.21%	0.32%
Rubber	157.1	0.77%	2.48%	5.44%
Copper	2.7	-1.24%	-0.71%	3.48%
Steel	3,600.0		2.83%	-1.34%
Coal	69.8	-0.82%	-0.33%	1.07%
Lead	2,158.5	-0.60%	-5.59%	-1.49%
Zinc	2,498.0	-1.61%	-1.81%	9.13%



Khả năng việc ký kết thỏa thuận thương mại Mỹ-Trung bị trì hoãn. Cuộc gặp thượng đỉnh được mong chờ từ lâu giữa lãnh đạo Mỹ và Trung Quốc để ký kết một thỏa thuận thương mại có thể sẽ bị hoãn đến tháng 12. Đây là thông tin được một quan chức cấp cao Nhà Trắng tiết lộ ngày 6/11. Nguồn tin giấu tên này cho biết việc trì hoãn là do hai bên vẫn đang thảo luận về các điều khoản trong thỏa thuận cũng như địa điểm diễn ra cuộc gặp thượng đỉnh. Quan chức này nhận định vẫn có khả năng hai bên không đạt được thỏa thuận giai đoạn 1, song khả năng đạt thỏa thuận vẫn lớn hơn. [Xem thêm](#)

Vàng thế giới sụt gần 2% xuống thấp nhất trong 3 tuần.

Trong thông tin kinh tế, chỉ số hoạt động ngành dịch vụ tại Mỹ của Viện Quản lý Nguồn cung (ISM) tăng từ 52.6% trong tháng 9 lên 54.7% trong tháng 10. Thông tin kinh tế lạc quan, cùng với chỉ số dịch vụ ISM mạnh hơn dự báo, đã làm giảm nhu cầu trú ẩn an toàn của vàng, khiến giá vàng chạm đáy mới trong phiên ngay sau khi dữ liệu được công bố. Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Ba, hợp đồng vàng giao tháng 12 lùi 27.40 USD (tương đương 1.8%) xuống 1,483.70 USD/oz, mức đóng cửa thấp nhất kể từ ngày 15/10/2019. Đây cũng là phiên giảm mạnh nhất của hợp đồng này kể từ ngày 30/09/2019, dữ liệu từ FactSet cho thấy. Giá vàng cũng rớt mốc quan trọng 1,500 USD/oz lần đầu tiên trong 4 phiên. [Xem thêm](#)



Lãi suất tại Mỹ đột nhiên vào xu hướng tăng nhờ tin vui về thỏa thuận thương mại. Trong bối cảnh Mỹ và Trung Quốc tiến gần hơn tới một thỏa thuận thương mại tiềm năng, nhà đầu tư cảm thấy ít lo sợ hơn về suy thoái và lãi suất đang bước vào xu hướng tăng mới. Theo đó, lợi suất trái phiếu đã biến động lên xuống mạnh kể từ cuộc họp của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) trong tuần trước, nhưng gần đây, lãi suất lại tăng nhờ các thông tin Mỹ và Trung Quốc đang tiến gần tới thỏa thuận thương mại giai đoạn một. Ngoài ra, khi nỗi lo ám ảnh nhất về cuộc chiến thương mại đã tiêu tan, đường cong lợi suất dần dần trở nên dốc hơn – khoảng cách giữa các kỳ hạn đang ở mức rộng nhất kể từ tháng 3/2019. [Xem thêm](#)

Kim ngạch thương mại Mỹ - Trung sụt giảm nghiêm trọng. Theo số liệu thương mại được Mỹ công bố hôm qua (5/11), trong 9 tháng đầu năm nay kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ Trung Quốc đã sụt giảm 53 tỷ USD so với cùng kỳ năm ngoái. Ở chiều ngược lại, kim ngạch xuất khẩu từ Mỹ sang Trung Quốc chỉ giảm 14,5 tỷ USD. So với 9 tháng đầu năm 2017, tức là trước khi cuộc chiến thương mại được châm ngòi, kim ngạch xuất khẩu quặng và khoáng sản đã sụt giảm 65%; các sản phẩm lâm nghiệp giảm 39% và gia súc giảm 35%. Kim ngạch xuất khẩu nông sản giảm 2 tỷ USD, thiết bị vận tải giảm 5,8 tỷ USD mà chủ yếu là do những sự cố liên quan đến Boeing 737 Max. [Xem thêm](#)



Ngân hàng Thái Lan giảm lãi suất cơ bản xuống mức thấp kỷ lục. Theo phóng viên TTXVN tại Thái Lan, ngày 6/11, Ngân hàng Trung ương Thái Lan (BoT) đã cắt giảm lãi suất cơ bản xuống mức 1,25%. Đây là đợt giảm lãi suất cơ bản lần thứ hai trong 3 tháng qua nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và kiềm chế đà tăng giá của đồng baht so với đồng USD. Năm trong số 7 thành viên Ủy ban Chính sách tiền tệ trực thuộc BoT đã biểu quyết thông qua quyết định này. Chính phủ Thái Lan đang tăng cường các biện pháp điều hành tiền tệ và tài chính để thúc đẩy nền kinh tế, hiện đang ở mức tăng trưởng thấp. Giá trị đồng baht của Thái Lan đã tăng khoảng 9% so với đồng USD trong vòng một năm qua và trở thành đồng tiền tăng giá mạnh nhất tại các thị trường mới nổi. [Xem thêm](#)

TIN TỨC & BÌNH LUẬN ► VIETNAM VS GLOBAL INDEXES

Số lượng chỉ số: 23

tradingeconomics.com/stocks Nov.07.2019 07:15 AM

Daily (+14 vs -9)		Weekly (+22 vs -1)	
U.S		U.S	
Dow Jones	-0.03%	+1.08%	Dow Jones
S&P 500	+0.07%	+0.97%	S&P 500
NASDAQ 100	-0.16%	+1.41%	NASDAQ 100
S&P MidCap 400	-0.45%	+1.04%	S&P MidCap 400
NYSE Composite	+0.09%	+0.81%	NYSE Composite
Europe		Europe	
FTSE 100	+0.05%	+0.83%	FTSE 100
DAX	+0.18%	+2.02%	DAX
CAC 40	+0.29%	+1.65%	CAC 40
Euronext 100	+0.37%	+1.69%	Euronext 100
Euro Stoxx 50	+0.28%	+1.81%	Euro Stoxx 50
Asia		Asia	
NIKKEI 225	+0.17%	+1.91%	NIKKEI 225
SHANGHAI	-0.43%	+1.34%	SHANGHAI
SENSEX	+0.55%	+1.04%	SENSEX
KOSPI	-0.26%	+2.65%	KOSPI
TAIEX	+0.08%	+2.4%	TAIEX
SET 50	-0.30%	+1.63%	SET 50
FKLCI	-0.22%	+1.47%	FKLCI
Hang Seng	-0.03%	+3.77%	Hang Seng
PSEi	-2.32%	+0.07%	PSEi
HNX	+0.04%	+0.81%	HNX
VN	+0.06%	+2.4%	VN
Australia		Australia	
ASX 50	+0.14%	+0.49%	ASX 50
NZX 50	-0.25%	+0.11%	NZX 50

TIN TỨC & BÌNH LUẬN ► TIN TRONG NƯỚC



HSBC: 97% doanh nghiệp Việt lạc quan về tăng trưởng doanh số năm tới. HSBC vừa công bố Báo cáo thường niên HSBC Navigator: Hiện tại, tương lai và ý nghĩa với doanh nghiệp, dựa trên cuộc khảo sát toàn cầu đối với các nhà quản lý tại 9.131 công ty tại 35 thị trường. Kết quả cho thấy gần như toàn bộ các công ty Việt Nam (97%) tin rằng doanh số bán sẽ tăng trưởng trong năm tiếp theo. Con số này cao hơn trung bình toàn cầu và tại châu Á Thái Bình Dương (lần lượt là 79% và 77%). 39% các công ty tại Việt Nam được coi là các công ty kỳ vọng tăng trưởng cao với mức kỳ vọng tăng trưởng ít nhất là 15% trong năm tới, gần gấp đôi con số trung bình toàn cầu (22%). Quan điểm trong trung hạn tại Việt Nam thậm chí còn tươi sáng hơn với 100% các công ty kỳ vọng doanh số bán sẽ tăng trong vòng 5 năm tới. [Xem thêm](#)

Tăng trưởng tín dụng có đạt mục tiêu 14% năm 2019? Báo cáo của Công ty Chứng khoán Rồng Việt (VDSC) cho biết, tính đến hết tháng 9/2019, tăng trưởng tín dụng ước đạt 9%, thấp hơn mức 10,3% cùng kỳ năm trước. Và so với mục tiêu tăng trưởng tín dụng cả năm 2019, dư địa có thể tăng lên tới 5%. "Trong bối cảnh hiện nay, diễn biến kinh tế trong và ngoài nước đều khá tích cực đi kèm với mặt bằng lãi suất liên ngân hàng quay trở về giai đoạn 2017-2018, chúng tôi đánh giá Ngân hàng Nhà nước có đủ điều kiện để cân nhắc điều chỉnh trần tín dụng cho các nhà băng. Hiện tại chúng tôi ghi nhận một số nhà băng đang tiến hành xin thêm room từ phía NNHN", VDSC nhận định. [Xem thêm](#)



Xuất khẩu 10 tháng tiệm cận mục tiêu tăng trưởng 7-8% trong năm nay. Đại diện Bộ Công Thương cho biết, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu trong 10 tháng qua ước đạt 217,05 tỷ USD, tăng 7,4% so với cùng kỳ năm 2018. Thống kê cho thấy trong 10 tháng đã có 29 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 91,2% tổng kim ngạch xuất khẩu. Đáng chú ý, kim ngạch xuất khẩu của nhóm hàng công nghiệp chế biến tiếp tục đóng góp lớn nhất cho tăng trưởng chung khi đem về 182,93 tỷ USD. Trong đó có 5 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 10 tỷ USD đều thuộc nhóm công nghiệp chế biến. Tuy tăng trưởng có phần chậm lại so với cùng kỳ năm ngoái nhưng cơ bản đã bám sát chỉ tiêu đưa tăng trưởng xuất khẩu tăng 7-8% trong năm nay. [Xem thêm](#)

Việt Nam đủ điều kiện xuất khẩu sản phẩm cá và cá da trơn sang Hoa Kỳ. Ngày 5/11, Văn phòng Đăng ký liên bang Mỹ chính thức công bố văn bản Luật từ Cục kiểm tra An toàn Thực phẩm (FSIS) về tính hợp lệ của cá da trơn và sản phẩm từ cá da trơn Việt Nam đủ điều kiện xuất khẩu vào Mỹ. Văn bản có hiệu lực từ ngày 5/12. Theo đó, sau khi xem xét hệ thống luật, quy định và hệ thống giám sát của Việt Nam, FSIS kết luận các sản phẩm cá da trơn (bao gồm cả cá tra) được cơ quan có thẩm quyền Việt Nam chứng nhận sẽ đủ điều kiện vào Mỹ. FSIS sẽ kiểm tra lại hàng hóa tại các điểm nhập cảnh của Mỹ để đánh giá tình trạng của lô hàng, đồng thời lấy mẫu phân tích. [Xem thêm](#)



70% doanh nghiệp Hong Kong chọn Việt Nam để mở nhà máy ở Đông Nam Á. Theo phóng viên TTXVN tại Hong Kong (Trung Quốc), kể từ khi căng thẳng thương mại Trung-Mỹ nổ ra, ngày càng có nhiều doanh nghiệp Khu hành chính đặc biệt Hong Kong (Trung Quốc) có ý định mở các nhà máy ở khu vực ASEAN. Theo một khảo sát của Hội đồng năng suất Hong Kong (HKPC), 73% người được phỏng vấn dự định mở thêm các nhà máy mới ở ASEAN, trong đó nước được lựa chọn đầu tiên là Việt Nam, tiếp theo là Campuchia và Myanmar. Nhân tố cân nhắc đầu tiên khi lựa chọn vị trí để đặt dây chuyền sản xuất hoặc nhà máy chính là sự ổn định chính trị, tiếp theo là các yêu cầu và ưu đãi về thuế cũng như chi phí vận hành. [Xem thêm](#)

Giá heo hơi vượt mốc 70.000 đồng/kg. Giá heo hơi tại 3 miền tiếp tục tăng mạnh, miền Bắc đã vượt mốc 70.000 đồng/kg, trước thời điểm được dự báo đến 2 tháng. Với tình hình này, nhiều dự báo đưa ra, giá heo hơi tiếp tục tăng cao nữa, không loại trừ vượt 75.000 đồng/kg, sát mốc 80.000 đồng/kg. Ngoài ra, một số ý kiến cho rằng, heo "chạy" sang Trung Quốc nhiều nên giá tăng. Bộ NN-PTNT đã có lệnh siết xuất khẩu heo theo đường tiểu ngạch bởi lo ngại giá heo trong nước tăng phi mã, ảnh hưởng đến người tiêu dùng. Trong diễn biến khác, Thủ tướng Canada Justin Trudeau thông tin trên trang Twitter rằng xuất khẩu thịt bò và thịt heo từ Canada sang Trung Quốc sẽ được khôi phục. Việc Canada phát tín hiệu sẽ nối việc xuất thịt heo sang Trung Quốc lại khiến nhiều dự báo đưa ra giá heo trong nước cũng sẽ giảm nhiệt trong thời gian tới. [Xem thêm](#)



TIN TỨC & BÌNH LUẬN ► TIN CHỨNG KHOÁN

HPG

HOSE

Tỷ USD

22.00

EPS (ttm): 2.66

1N: +0.5%

P/E: 8.26

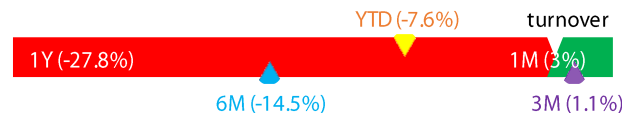
1Thg: +3%

BV: 16.61

YTD: -7.6%

P/B: 1.32

10 tháng, sản lượng thép xây dựng Hòa Phát tăng 12,5% so với cùng kì. Theo tin từ CTCP Tập đoàn Hòa Phát, sản lượng bán hàng của tập đoàn tại khu vực miền Nam tăng mạnh nhất, đạt 328.100 tấn, tăng 91% so với cùng kì năm ngoái. Đáng chú ý, thép cuộn nguyên liệu cho rút dây tăng đột biến gấp 4 lần so với cùng kì. Khu vực miền Trung đạt 329.800 tấn, tăng gần 50% so với sản lượng 10 tháng 2018. Ở thị trường quốc tế, trong 10 tháng đầu năm nay nay, tổng lượng xuất khẩu thép Hòa Phát đạt 205.800 tấn, tăng 10% so với cùng kì, chiếm 9,3% tổng sản lượng bán hàng. [Xem thêm](#)



Nhóm ngành: Thép và sản phẩm thép (42 cp), HPG xếp hạng 1 vốn hóa trong ngành

Chuỗi vốn hóa: **HPG** TVN HSG VIS DTL TIS POM NKG SHI SMC TMG

HT1

HOSE

Mid cap

16.60

EPS (ttm): 1.92

1N: +0.6%

P/E: 8.65

1Thg: +3.1%

BV: 14.7

YTD: +21.6%

P/B: 1.13

Biên lợi nhuận gộp cải thiện, Xi măng Hà Tiên 1 báo quý III lãi tăng 82%. CTCP Xi măng Vicem Hà Tiên báo cáo doanh thu hợp nhất quý III đạt 2.187 tỷ đồng, tăng 9% cùng kỳ. Sau 9 tháng đầu năm, doanh thu và LNST tăng trưởng lần lượt 8% và 20%. Như vậy, công ty hoàn thành 73% kế hoạch doanh thu và 73% kế hoạch lợi nhuận năm. Về sản lượng tiêu thụ, theo CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, HT1 có kết quả tích cực trong bối cảnh thị trường nội địa yếu. Sản lượng tiêu thụ đạt 1,8 triệu tấn, tăng 10,5%, do công ty tiếp tục thúc đẩy hoạt động bán xi măng rời lên 32% tổng doanh số. Trong khi, sản lượng xi măng trong nước giảm 1,7% quý III/2018 nhưng mảng xuất khẩu tăng 33,2% nhờ thị trường Trung Quốc tiêu thụ mạnh hơn khiến tổng lượng tiêu thụ xi măng tăng 2,7%. [Xem thêm](#)



Nhóm ngành: Vật liệu xây dựng & Nội thất (104 cp), HT1 xếp hạng 3 vốn hóa trong ngành

Chuỗi vốn hóa: **VCS** VGC **HT1** BMP PTB NTP FIC MBG DNP VLB NNC

REE

HOSE

Large cap

37.90

EPS (ttm): 5.61

1N: 0%

P/E: 6.75

1Thg: +1.3%

BV: 32.08

YTD: +29.6%

P/B: 1.18

REE tăng tỷ lệ sở hữu tại Phong điện Thuận Bình lên 49.1%. Cụ thể, ngày 28/10 vừa qua, REE đã trúng đấu giá mua cổ phần của CTCP Phong điện Thuận Bình và ngày 04/11 REE đã thực hiện thanh toán tiền mua và chính thức nâng tỷ lệ sở hữu của REE tại Công ty này từ 25% lên 49.1% trên tổng số vốn thực góp 163 tỷ đồng. Trước đó, vào ngày 28/10/2019, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) cũng đã bán hết hơn 4 triệu cp sở hữu tại Phong điện Thuận Bình, với giá đấu thành công bình quân 17,946 đồng/cp, thu về hơn 73 tỷ đồng. [Xem thêm](#)



Nhóm ngành: Máy công nghiệp (34 cp), REE xếp hạng 2 vốn hóa trong ngành

Chuỗi vốn hóa: **VEA** **REE** LLM MIE CKD SRF CTB FT1 L10 SDK PMS

NTP

HNX

Mid cap

32.20

EPS (ttm): 4.18

1N: +0.3%

P/E: 7.7

1Thg: -9.2%

BV: 25.08

YTD: -10.3%

P/B: 1.28

NTP nâng vốn điều lệ lên gần 982 tỷ đồng. Cụ thể, Công ty đã đăng ký phát hành hơn 8.9 triệu cp NTP, tương đương tổng giá trị theo mệnh giá 89 tỷ đồng. Tỷ lệ phát hành 10%, tương ứng cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 1 cổ phiếu phát hành. Số cổ phiếu phát hành sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị, phần cổ phiếu lẻ phát sinh do việc làm tròn sẽ được hủy bỏ không phát hành. Theo phương thức trên, số lượng cổ phiếu NTP thực tế đã được phân phối là gần 9 triệu cp. [Xem thêm](#)



Nhóm ngành: Vật liệu xây dựng & Nội thất (104 cp), NTP xếp hạng 6 vốn hóa trong ngành

Chuỗi vốn hóa: **VCS** VGC **HT1** BMP PTB **NTP** FIC MBG DNP VLB NNC

TIN TỨC & BÌNH LUẬN ► TIN CHỨNG KHOÁN

HDG

HOSE

Mid cap

35.65

EPS (ttm): 9.31

1N: -0.6%

P/E: 3.83

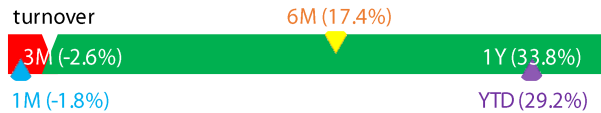
1Thg: -1.8%

BV: 19.06

YTD: +29.2%

P/B: 1.87

Tập đoàn Hà Đô hoàn thành kế hoạch lợi nhuận sau 3 quý đầu năm. KQKD Q3/2019 của CTCP Tập đoàn Hà Đô tiếp tục khả quan nhờ đà tăng trưởng doanh thu. Cụ thể, trong Q3/2019, HDG lãi ròng gần 239 tỷ đồng, tăng gần 132% so với kết quả cùng kỳ. Bên cạnh đó, chi phí tài chính của HDG trong Q3 ghi nhận tăng mạnh gần 267% lên hơn 83 tỷ đồng. Lũy kế 9T đầu năm, HDG có tổng doanh thu gần 3,118 tỷ đồng, tăng gần 132% so cùng kỳ. Trong đó, doanh thu từ BĐS chiếm gần 2,061 tỷ đồng; doanh thu xây lắp chiếm hơn 400 tỷ đồng; doanh thu từ thủy điện và điện mặt trời chiếm hơn 424 tỷ đồng. [Xem thêm](#)



Nhóm ngành: Bất động sản (117 cp), HDG xếp hạng 18 vốn hóa trong ngành

Chuỗi vốn hóa: VPI IDC HPX TID DIG **HDG** FLC ITA KOS NTC LDG

CEO

HNX

Mid cap

9.20

EPS (ttm): 2.25

1N: -1.1%

P/E: 4.09

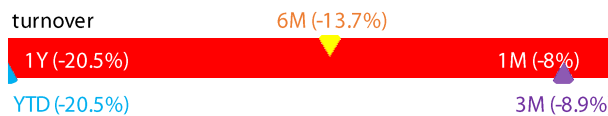
1Thg: -8%

BV: 11.18

YTD: -20.5%

P/B: 0.82

9 tháng CEO Group lãi hơn 435 tỷ đồng, hoàn thành 98% kế hoạch năm. Theo báo cáo tài chính quý 3/2019 của CEO Group vừa công bố, lũy kế 9 tháng công ty đạt doanh thu 3.166 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 435,3 tỷ đồng; hoàn thành 99% kế hoạch doanh thu và 98% kế hoạch lợi nhuận sau thuế của năm 2019. Bất động sản nghỉ dưỡng tại Phú Quốc và đất nền liên kế biệt thự các dự án ở Hà Nam, Hà Nội đem lại nguồn thu chính cho CEO Group trong những tháng đầu năm nay. Với kết quả này cũng như những kế hoạch trong quý 4, theo dự báo của nhiều công ty chứng khoán dự phóng Tập đoàn CEO sẽ vượt kế hoạch năm 2019 với tốc độ tăng trưởng 2 con số. [Xem thêm](#)



Nhóm ngành: Bất động sản (117 cp), CEO xếp hạng 24 vốn hóa trong ngành

Chuỗi vốn hóa: FLC ITA KOS NTC LDG **CEO** IJC SCR TLP CRE NBB

GDT

HOSE

Small cap

30.00

EPS (ttm): 4.39

1N: +0.3%

P/E: 6.84

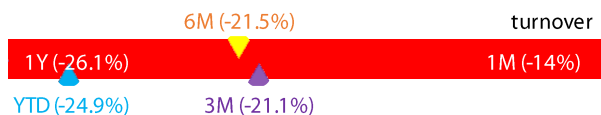
1Thg: -14%

BV: 17.21

YTD: -24.9%

P/B: 1.74

Cổ phiếu lao dốc, Gỗ Đức Thành (GDT) chuẩn bị chi trả cổ tức đợt 1/2019 tỷ lệ 20%. Ngày 18/12 tới đây CTCP Chế biến gỗ Đức Thành sẽ chốt danh sách cổ đông thực hiện chi tạm ứng cổ tức đợt 1/2019 bằng tiền tỷ lệ 20%. Thời gian thanh toán 27/12/2019. Kết thúc 9 tháng đầu năm 2019 GDT ghi nhận doanh thu thuần 239 tỷ đồng, giảm 16% và lợi nhuận sau thuế gần 52 tỷ đồng, giảm 23% và hoàn thành được 55% mục tiêu kế hoạch năm. [Xem thêm](#)



Nhóm ngành: Thiết bị gia dụng (8 cp), GDT xếp hạng 3 vốn hóa trong ngành

Chuỗi vốn hóa: MEG RAL **GDT** XHC DQC TMW DCS FBA

SMB

HOSE

Small cap

41.20

EPS (ttm): 6.09

1N: +5.6%

P/E: 6.76

1Thg: +3.5%

BV: 17.7

YTD: +34.8%

P/B: 2.33

Bia Sài Gòn – Miền Trung tạm ứng cổ tức bằng tiền tỷ lệ 35%. CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung tạm ứng cổ tức năm 2019 bằng tiền, tỷ lệ 35%. Ngày đăng ký cuối cùng là 25/11, ngày giao dịch không hưởng quyền là 22/11 và ngày thanh toán là 6/12. Lũy kế 9 tháng, doanh nghiệp đạt doanh thu 1.141 tỷ đồng, tăng 5% cùng kỳ do sản lượng tiêu thụ bia (chủ yếu là bia lon tiger 330ml và bia tự doanh) tăng. Lợi nhuận sau thuế 159 tỷ đồng, tăng 36%. Công ty hoàn thành 72% kế hoạch doanh thu và vượt chỉ tiêu lợi nhuận. [Xem thêm](#)



Nhóm ngành: Sản xuất bia (24 cp), SMB xếp hạng 4 vốn hóa trong ngành

Chuỗi vốn hóa: SAB BHN BSQ **SMB** WSB BSL BSH BSP HLB SBL THB

RONG VIET
SECURITIES



Bản tin 6 giờ



Bản tin phái sinh



Báo cáo công ty



Báo cáo chiến lược



Báo cáo chuyên đề



Báo cáo thị trường chứng khoán



Phân tích cổ phiếu theo yêu cầu

**DỊCH VỤ
PHÂN TÍCH**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh

+84 28 6299 2020

✉ cskh@vdsc.com.vn

🌐 www.vdsc.com.vn

THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG HÔM NAY (06/11/2019)

Top large cap tác động lên VNIndex: VHM VCB STB VIC GAS
Nhóm vốn hóa tỷ USD: 11 tăng giá & 4 đứng giá vs 16 giảm giá
Diễn biến ngành trên HOSE hôm nay: 18 Tăng vs 23 Giảm

THỊ TRƯỜNG TRONG TUẦN

VNIndex +0.92% so với cuối tuần trước
Diễn biến ngành trên HOSE trong tuần: 25 Tăng vs 28 Giảm
Cổ phiếu tốt nhất trong tuần: C71 IDJ PXS VRC TLH
Cổ phiếu tệ nhất trong tuần: C69 VCR DS3 SCI TVB

XU HƯỚNG GẦN ĐÂY

Vị thế VNIndex hiện nay: tăng (kể từ đáy gần nhất 27/06)
Diễn biến ngành trên HOSE từ 27/06: 32 Tăng vs 25 Giảm
Cổ phiếu tốt nhất trong kỳ: MBG NHH CTR IDJ TSC
Cổ phiếu tệ nhất trong kỳ: FTM VCR MPC HVH DRH

DÒNG TIỀN

Dòng tiền hôm nay (3 sàn): Ra (tăng)
Dòng tiền trên HOSE: Ra (tăng)
Dòng tiền 5 phiên (3 sàn): Ra (tăng)
Dòng tiền 5 phiên trên HOSE: Ra (tăng)
Top5 dòng tiền VÀO: VHM FPT MBB VCB GAS
Top5 dòng tiền RA: ROS VNM FLC PHR KBC

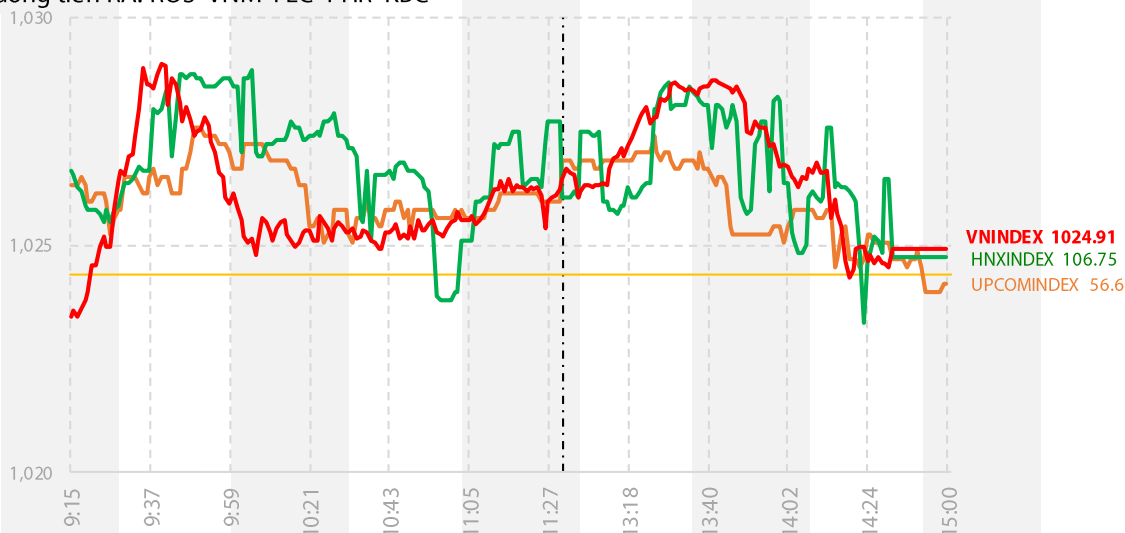
Tổng số cổ phiếu **1609**

số cổ phiếu tăng giá **330**
giảm giá **286**

số phiên VNIndex tăng liên tiếp

số phiên HNX Index tăng liên tiếp

4
4



Công nghệ Thông tin	Dầu khí	Dược phẩm và Y tế	Ngân hàng	Tài chính	Viễn thông
4 tăng giá	1	12	5	60	2 tăng giá
16	4 đứng giá	32	7	59 đứng giá	3
9	6	10 giảm giá	6 giảm giá	49	3
Công nghiệp	Dịch vụ Tiêu dùng	Hàng Tiêu dùng	Nguyên vật liệu	Tiện ích Cộng đồng	
106 tăng giá	24	55	41	20 tăng giá	
448	84 đứng giá	145	102 đứng giá	92	
89	19	41 giảm giá	31	23	

THỊ TRƯỜNG ► **NGÀNH HOT HÔM NAY**

Số lượng nhóm ngành HOT hôm nay (phạm vi cả 3 sàn): 0

Tên ngành (số cp tăng giá x mức tăng b/q)

Một số nhóm ngành khác có cổ phiếu tăng tích cực

Phân phối hàng chuyên dụng (4 x +2.5%)

Dịch vụ truyền thông (3 x +2.7%)

COM	53.00	+6%
VNX	67.73	+7.7%

Một số cp tăng nóng trong các nhóm ngành khác:

Nhóm ngành Hot là nhóm ngành có nhiều cổ phiếu tăng giá với mức tăng bình quân từ +5%/cp

Số lượng nhóm ngành HOT trong tuần này (phạm vi cả 3 sàn): 0

Tên ngành (số cp tăng giá x mức tăng b/q so với cuối tuần trước)

Một số nhóm ngành khác có cổ phiếu tăng tích cực

Phân phối hàng chuyên dụng (6 x +2%)

Sản xuất ô tô (6 x +2.5%)

Ngân hàng (14 x +2.2%)

Sản xuất giấy (5 x +3.5%)

Quỹ đầu tư (3 x +3.1%)

GVT	27.60	+15%
-----	-------	------

Một số cp tăng nóng trong các nhóm ngành khác:

Nhóm ngành Hot là nhóm ngành có nhiều cổ phiếu tăng giá với mức tăng bình quân từ +10%/cp

Các nhóm ngành có diễn biến Tích cực trong tuần này

Phân phối hàng chuyên dụng (8 cp: 6 tăng vs 1 giảm)
Sản xuất ô tô (10 cp: 6+ vs 1-)
Ngân hàng (18 cp: 14+ vs 1-)
Sản xuất giấy (7 cp: 5+ vs 1-)
Quỹ đầu tư (5 cp: 3+ vs 1-)

Các nhóm ngành có diễn biến Tiêu cực

THỊ TRƯỜNG ► CỔ PHIẾU BỨT PHÁ

Danh sách cổ phiếu TĂNG NÓNG (ít nhất 2 phiên liên tiếp tăng giá tối thiểu +5%/phiên): 16

Cơ hội lướt sóng với các mã này?

Hãy quan tâm sớm các mã mới tăng 2 phiên

Quý vị hãy xem chart cp cụ thể để tìm cơ hội lướt sóng cho mình

Xem khuyến nghị của chúng tôi ở Chương Giao dịch đối với các mã bồi đỏ



(cảnh báo)

Đa số cp thuộc Small cap / thanh khoản Thấp

Stt				Nhóm ngành		GTĐT (tỷ đ)	Nhóm vốn hóa	KLGD b/q 1 tháng	Nhóm Thanh khoản	Số phiên tăng giá	Thị giá	Tổng mức tăng 2-3N
1	CDC	Chương Dương Corp	Xây dựng	HOSE	230	Small cap	350	Thấp	3+	15.45	19.0%	
2	CLG	Cotec Land	Bất động sản	HOSE	68	Small cap	43,228	Thấp	3+	3.45	20.5%	
3	MCG	Cơ điện và XD VN	Xây dựng	HOSE	106	Small cap	9,835	Thấp	3+	2.17	19.3%	
4	NVT	Ninh Vân Bay	Bất động sản	HOSE	701	Small cap	5,270	Thấp	3	8.29	20.8%	
5	SAF	Thực Phẩm SAFOCO	Thực phẩm	HNX	474	Small cap	130	Thấp	3	64.80	24.9%	
6	HKP	Bao bì Hà Tiên	Containers & Đóng gói	UPCOM	23	Small cap	182	Thấp	3	6.60	40.9%	
7	PRO	Procimex Việt Nam	Thực phẩm	UPCOM	18	Small cap	114	Thấp	3+	6.70	40.1%	
8	SPV	Thủy đặc sản	Nuôi trồng nông & hải sản	UPCOM	112	Small cap	777	Thấp	3	11.65	40.1%	
9	HU1	Xây dựng HUD1	Xây dựng	HOSE	74	Small cap	2,671	Thấp	2	7.90	12.5%	
10	PIT	XNK PETROLIMEX	Bán lẻ phức hợp	HOSE	55	Small cap	1,041	Thấp	2	4.10	12.0%	
11	VPS	Thuốc sát trùng Việt Nam	Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	HOSE	267	Small cap	336	Thấp	2	11.60	13.3%	
12	RCL	Địa Ốc Chợ Lớn	Bất động sản	HNX	213	Small cap	699	Thấp	2	18.50	19.2%	
13	AMS	Cơ khí Xây dựng AMECC (Xây dựng	Xây dựng	UPCOM	231	Small cap	900	Thấp	2	8.40	14.6%	
14	DTN	Diêm Thống Nhất	Hàng cá nhân	UPCOM	15	Small cap	5	Thấp	2	7.90	29.5%	
15	HBD	Bao bì PP Bình Dương	Containers & Đóng gói	UPCOM	24	Small cap	50	Thấp	2	14.25	26.6%	
16	ILC	Hợp tác LE với NN	Đào tạo & Việc làm	UPCOM	17	Small cap	320	Thấp	2	3.20	22.0%	

THỊ TRƯỜNG ► CỔ PHIẾU TĂNG ĐÁNG CHÚ Ý

Danh sách cổ phiếu **TĂNG** đáng chú ý hôm nay (có thể kèm KLGD tăng mạnh): 12



(cảnh báo)

Đa số cp thuộc **Small cap / thanh khoản Thấp**

Cơ hội lướt sóng với các mã này?

Quý vị hãy xem chart cp cụ thể để tìm cơ hội lướt sóng cho mình

Xem khuyến nghị của chúng tôi ở Chương Giao dịch đối với các mã bồi đỏ

Stt				Nhóm ngành	GTTT (tỷ đ)	Xem khuyến nghị của chúng tôi Nhóm vốn hóa	KLGD b/q 1 tháng	Chỉ số thanh khoản Nhóm Thanh khoản	Chỉ số giá trị KLGD hôm nay vs b/q 5N trước	Thị giá	+% giá
1	MCG	Cơ điện và XD VN	Xây dựng	HOSE	106	Small cap	9,835	Thấp	tăng mạnh	2.17	6.9%
2	SJS	SUDICO	Bất động sản	HOSE	1,669	Mid cap	56,518	Trung bình	tăng mạnh	15.30	4.4%
3	SMB	Bia Sài Gòn - Miền Trung	Sản xuất bia	HOSE	1,164	Small cap	75,601	Trung bình	tăng mạnh	41.20	5.6%
4	AMV	Dược-TB Y tế Việt Mỹ	Dược phẩm	HNX	661	Small cap	50,316	Trung bình	tăng mạnh	18.50	6.3%
5	C69	Xây dựng1369	Xây dựng	HNX	171	Small cap	321,225	Trung bình	tăng mạnh	12.50	9.6%
6	L14	Licogi 14	Xây dựng	HNX	1,028	Small cap	39,723	Thấp	tăng mạnh	58.50	5.2%
7	VC7	Xây dựng Số 7	Xây dựng	HNX	124	Small cap	14,099	Thấp	tăng mạnh	5.90	9.3%
8	VPC	V- Power	Xây dựng	UPCOM	3	Small cap	3,732	Thấp	tăng mạnh	0.70	16.7%
9	SFC	Nhiên liệu Sài Gòn	Phân phối xăng dầu & khí đốt	HOSE	293	Small cap	1,788	Thấp		27.90	6.9%
10	SGD	Sách GD TP.HCM	Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	HNX	42	Small cap	19,695	Thấp		11.00	6.8%
11	NHT	SX & TM Nam Hoa	Đồ chơi	UPCOM	580	Small cap	565	Thấp		61.45	8.8%
12	PTP	Viễn Thông và In Bưu điện	Viễn thông cố định	UPCOM	67	Small cap	1,668	Thấp		11.21	11.0%

THỊ TRƯỜNG ► **CỔ PHIẾU SALE-OFF**

(cảnh báo) Danh sách cổ phiếu Giảm mạnh (ít nhất 2 phiên liên tiếp giảm giá tối thiểu -5%/phiên): 8



Đa số cp thuộc Small cap / thanh khoản Thấp

Giảm nhiều phiên quá sẽ có cơ hội bắt đáy, nhưng...

Hãy lưu ý sớm các mã mới giảm 2 phiên

Quý vị hãy kiểm tra có cp nào mình đang sở hữu hay không!

Xem khuyến nghị của chúng tôi ở Chương Giao dịch đối với các mã bồi đắp

Stt				Nhóm ngành	GTTT (tỷ đ)	Nhóm vốn hóa	KLGD b/q 1 tháng	Nhóm Thanh khoản	Số phiên giảm giá	Thị giá	Tổng mức Giảm 2-3N
1	YBM	Khoáng sản CN Yên Bái	Khai khoáng	HOSE	68	Small cap	11,520	Thấp	3	4.44	-19.8%
2	SJM	Sông Đà 19	Xây dựng	UPCOM	8	Small cap	71,984	Trung bình	3	1.40	-24.0%
3	CLW	Cấp nước Chợ Lớn	Nước	HOSE	317	Small cap	643	Thấp	2	22.80	-12.7%
4	EMC	Cơ điện Thủ Đức	Thiết bị điện	HOSE	162	Small cap	510	Thấp	2	10.00	-11.0%
5	API	APEC INVESTMENT	Bất động sản	HNX	421	Small cap	515	Thấp	2	11.30	-12.8%
6	SCC	ĐT TM Hưng Long Tỉnh Hòa Bình	Vật liệu xây dựng & Nội thất	UPCOM	8	Small cap	512	Thấp	2	3.40	-29.9%
7	SD7	Sông Đà 7	Xây dựng	UPCOM	46	Small cap	1,514	Thấp	2	3.79	-25.8%
8	X26	Công ty 26	Hàng May mặc	UPCOM	100	Small cap	28	Thấp	2	18.00	-24.5%

THỊ TRƯỜNG ► CỔ PHIẾU GIẢM ĐÁNG LƯU Ý

Danh sách cổ phiếu GIẢM đáng chú ý hôm nay (có thể kèm KLGD tăng mạnh): 9



(cảnh báo)

Đa số cp thuộc sàn HOSE / Small cap / thanh khoản Thấp

(dấu hiệu) Xu hướng tiêu cực có thể bắt đầu...

Hãy lưu ý các mã giảm mạnh hôm nay

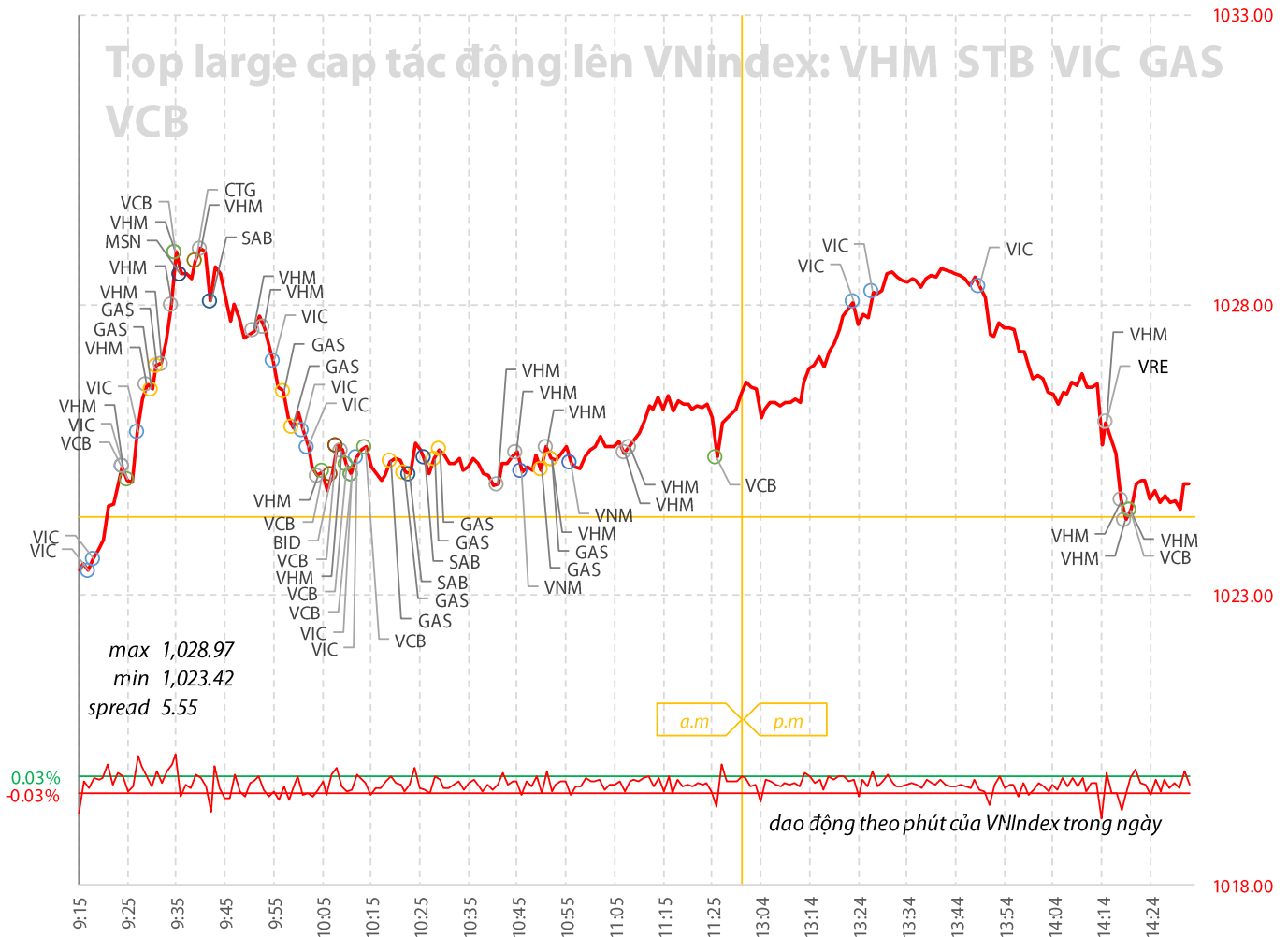
Quý vị hãy kiểm tra có cp nào mình đang sở hữu hay không!

Xem khuyến nghị của chúng tôi ở Chương Giao dịch đối với các mã bồi đắp

Stt		Nhóm ngành		GTTT (tỷ đ)	Nhóm vốn hóa	KLGD b/q 1 tháng	Nhóm Thanh khoản	KLGD hôm nay vs b/q 5N trước	Thị giá	-% giá
1	TLG	Tập đoàn Thiên Long	Đồ gia dụng một lần	HOSE	3,501	Mid cap	10,405	Thấp	tăng mạnh	42.00 -6.7%
2	YBM	Khoáng sản CN Yên Bái	Khai khoáng	HOSE	68	Small cap	11,520	Thấp	tăng mạnh	4.44 -6.9%
3	CTP	Cafe Thương Phú	Đồ uống & giải khát	HNX	38	Small cap	23,996	Thấp	tăng mạnh	2.90 -6.5%
4	MPT	Tập đoàn Trường Tiền	Hàng May mặc	HNX	29	Small cap	52,837	Trung bình	tăng mạnh	1.60 -5.9%
5	HAS	Hacisco	Xây dựng	HOSE	59	Small cap	1,144	Thấp		7.10 -5.5%
6	SSC	Giống cây trồng Miền Nam	Nuôi trồng nông & hải sản	HOSE	929	Small cap	47	Thấp		63.50 -6.6%
7	TRA	Traphaco	Dược phẩm	HOSE	2,441	Mid cap	4,698	Thấp		56.50 -4.1%
8	CDO	Tư vấn Thiết kế và PT Đô thị	Xây dựng	UPCOM	28	Small cap	44,889	Thấp		0.80 -11.0%
9	PVM	Thiết bị dầu khí (PV MACHINO)	Nhà cung cấp thiết bị	UPCOM	390	Small cap	1,036	Thấp		9.35 -7.4%

THỊ TRƯỜNG ▶ DIỄN BIẾN TRONG PHIÊN

Diễn biến VNIndex trong ngày và tác động của các cổ phiếu vốn hóa lớn lên chỉ số



Khải.TQ Lực bán tăng dần

Diễn biến TTCK VN trong ngày hôm nay có dấu hiệu không tích cực khi mà các chỉ số chính tuy vẫn giữ sắc xanh nhưng vẫn đóng cửa thấp nhất phiên. Trên sàn HOSE, chỉ số Vnindex chỉ còn tăng +0.57 điểm (+0.06%) và đóng cửa tại 1024.91. Sàn HNX gần như không thay đổi khi có mức tăng nhẹ +0.04 điểm (+0.04%) và đóng cửa tại 106.75. Sàn Upcom cũng đóng cửa tại ngưỡng 56.6 và giảm -0.1 điểm (-0.01%).

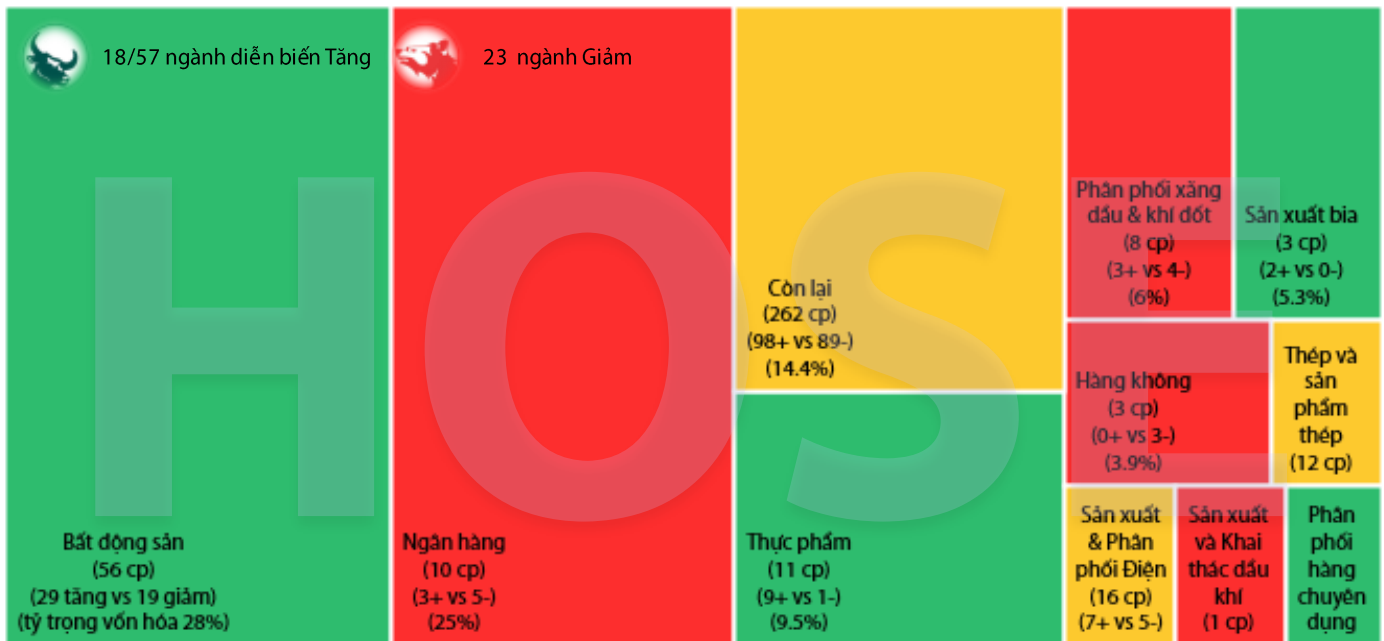
Lực bán mạnh ở phiên chiều đã gây cho chỉ số VN30 khi đóng cửa chỉ còn tăng nhẹ 0.04 điểm (0%) và đóng cửa ở mức 942.38. Các mã có mức giảm giá như VJC (-1.5%), GMD (-1.4%), HDB (-1.4%), VRE (-1.3%) ... đã kéo chỉ số V+1.5%, 30 hột hơi ở phiên hôm nay. Tuy nhiên vẫn có những mã cổ phiếu tích cực trong nhóm VN30 như VHM (+1.5%), MBB (+1.3%), CTD (+0.8%) ...

Nhóm ngành BĐS có mức tăng khá tốt +0.17% trong ngày hôm nay, ngược lại nhóm ngân hàng có sự phân hóa và nhóm điện nước & khí đốt có mức giảm -0.08% kéo chỉ số Vnindex thụt lùi. Trên sàn HOSE, một số cổ phiếu tăng giá nổi bật ở ngày hôm nay như SMB (+5.6%), TSC (+5%), HVG (+4.7%), TNA (+4.7%) ... Các cổ phiếu đáng kể ở sàn HNX như C69 (+9.6%), AMV (+6.3%), IDDJ (+4.3%) ... và sàn Upcom gồm các mã cổ phiếu tăng giá như VTD (+39.5%), VCP (+14.9%), NTC (+3.7%) ...

Khối ngoại có phiên giao dịch không tích cực khi bán ròng mạnh 112.16 tỷ trên cả ba sàn CK. Sàn HOSE có mức bán ròng mạnh lên đến -89.73 tỷ và chủ yếu ở các mã như DXG (-10 tỷ), VCB (-34 tỷ), VJC (-29.7 tỷ), VNM (-23.3 tỷ), VIC (-12.5 tỷ) ... Sàn HNX có mức bán ròng -4.99 tỷ và tập trung vào các mã như CEO (-1.1 tỷ), PVS (-1.2 tỷ), VCS (-1.8 tỷ) ... Nhà đầu tư NN có phiên bán ròng ở sàn Upcom với -17.44 tỷ, họ bán mạnh ở các mã như BSR (-10.3 tỷ), VEA (-7.9 tỷ) ...

THỊ TRƯỜNG ► BIẾN ĐỘNG GIÁ HOSE HÔM NAY

Biến động giá cp theo nhóm ngành trong ngày 06/11 trên HOSE



57/85 nhóm ngành có cổ phiếu hiện diện trên HOSE, tỷ trọng nhóm ngành tính theo quy mô vốn hóa hiện tại

Một số nhóm ngành khác có diễn biến Tích cực

Hàng điện & điện tử (4 cp: 2 tăng vs 1 giảm)
Thiết bị điện (4 cp: 2+ vs 1-)
Vận tải Thủy (7 cp: 4+ vs 2-)
Giải trí & Truyền thông (1 cp: 1+ vs 0-)
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa (1 cp: 1+ vs 0-)
Dịch vụ giải trí (2 cp: 1+ vs 0-)
Vận tải hành khách & Du lịch (4 cp: 2+ vs 0-)
Công nghệ sinh học (2 cp: 2+ vs 0-)

Một số nhóm ngành khác có diễn biến Tiêu cực

Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng (13 cp: 2 tăng vs 7 giảm)
Dịch vụ vận tải (6 cp: 1+ vs 3-)
Tư vấn & Hỗ trợ KD (2 cp: 0+ vs 1-)
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí (1 cp: 0+ vs 1-)
Bán lẻ phức hợp (4 cp: 1+ vs 2-)
Thiết bị y tế (1 cp: 0+ vs 1-)
Lốp xe (3 cp: 1+ vs 2-)
Đồ gia dụng một lần (1 cp: 0+ vs 1-)

Top10 HOSE tăng giảm giá trong ngày theo nhóm vốn hóa:

Nhóm Tỷ USD			tổng cộng 7 tăng vs 13 giảm		
VHM	99.4	1.5%	VJC	143.5	-1.5%
MBB	23.55	1.3%	HVN	35.9	-1.5%
VNM	130.1	0.7%	HDB	29.1	-1.4%
HPG	22	0.5%	VRE	35.15	-1.3%
NVL	58.7	0.3%	GAS	105.8	-1.1%
VIC	121.9	0.3%	PLX	59.2	-0.8%
VCB	91	0.2%	MWG	124.6	-0.8%
			POW	13.6	-0.7%
			BID	42.2	-0.7%
			FPT	59.5	-0.5%

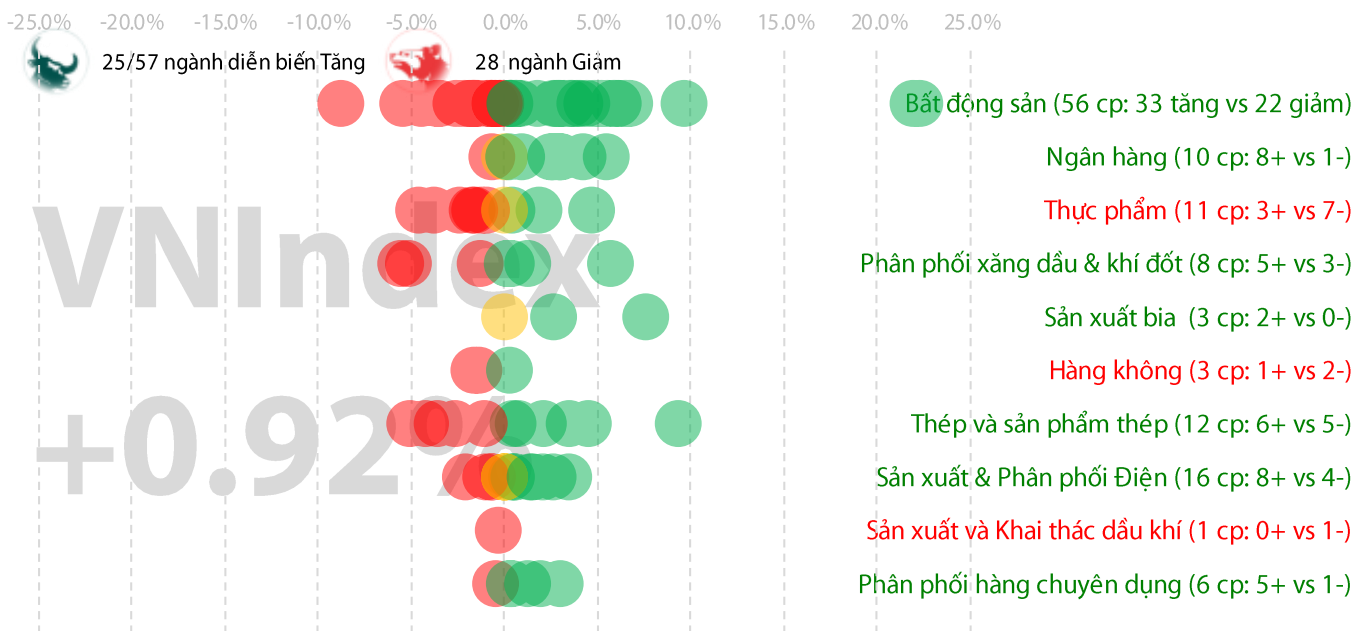
Large cap còn lại			3 tăng vs 4 giảm		
HNG	14.85	2.8%	KDH	27.05	-0.6%
BHN	78	1.3%	PNJ	85	-0.2%
STB	11	0.5%	TPB	22.5	-0.2%
			DHG	93.9	-0.1%

Mid cap			51 tăng vs 47 giảm		
NSC	85	5.6%	PDN	72.6	-6.9%
HVG	5.57	4.7%	TLG	42	-6.7%
SJS	15.3	4.4%	DTL	26	-4.2%
D2D	87	3.8%	TRA	56.5	-4.1%
DBD	57	3.4%	HAG	4.15	-2.1%
NBB	21.7	3.3%	VHC	80.1	-2.1%
PHR	59	3.1%	KOS	27.5	-1.8%
HSG	7.35	2.8%	MSH	51	-1.7%
VSH	19.7	2.6%	CHP	20.1	-1.7%
DXG	16.2	2.2%	PME	54.1	-1.6%

Small cap			98 tăng vs 68 giảm		
NVT	8.29	7.0%	PTC	6.7	-6.9%
LAF	9.73	6.9%	YBM	4.44	-6.9%
MCG	2.17	6.9%	L10	20.9	-6.9%
SFC	27.9	6.9%	HTT	1.26	-6.7%
VNL	15.55	6.9%	SSC	63.5	-6.6%
HTL	20.3	6.8%	CLW	22.8	-6.6%
CLG	3.45	6.8%	VTB	14.3	-6.2%
HU1	7.9	6.8%	EMC	10	-5.7%
PNC	12	6.7%	DXV	3.56	-5.6%
VPS	11.6	6.4%	HAS	7.1	-5.5%

THỊ TRƯỜNG ► SO VỚI TUẦN TRƯỚC

Biến động giá cp theo nhóm ngành từ cuối tuần trước 01/11 đến nay trên HOSE



57/85 nhóm ngành có cổ phiếu hiện diện trên HOSE, tỷ trọng nhóm ngành tính theo quy mô vốn hóa hiện tại

Một số nhóm ngành khác có diễn biến Tích cực

Dịch vụ vận tải (6 cp: 4 tăng vs 2 giảm)
 Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí (1 cp: 1+ vs 0-)
 Dịch vụ giải trí (2 cp: 1+ vs 1-)
 Vận tải hành khách & Du lịch (4 cp: 2+ vs 1-)
 Thiết bị y tế (1 cp: 1+ vs 0-)
 Công nghệ sinh học (2 cp: 1+ vs 1-)
 Sản xuất ô tô (7 cp: 6+ vs 1-)
 Hàng cá nhân (2 cp: 1+ vs 1-)

Một số nhóm ngành khác có diễn biến Tiêu cực

Nuôi trồng nông & hải sản (19 cp: 7 tăng vs 11 giảm)
 Đồ gia dụng một lần (1 cp: 0+ vs 1-)
 Thuốc lá (1 cp: 0+ vs 1-)
 Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác (12 cp: 3+ vs 6-)
 Lâm sản và Chế biến gỗ (3 cp: 0+ vs 3-)
 Khai khoáng (7 cp: 1+ vs 6-)
 Tài chính đặc biệt (4 cp: 1+ vs 2-)
 Nước (4 cp: 0+ vs 3-)

Top10 HOSE tăng giảm giá theo nhóm vốn hóa kể từ cuối tuần trước

Nhóm Tỷ USD			tổng cộng 13 tăng vs 8 giảm		
VHM	99.4	4.4%	VNM	130.1	-1.7%
TCB	24.75	4.2%	HVN	35.9	-1.6%
VPB	22.15	3.0%	VJC	143.5	-1.4%
BID	42.2	2.9%	HDB	29.1	-0.7%
MBB	23.55	2.6%	NVL	58.7	-0.5%
VCB	91	2.5%	VIC	121.9	-0.5%
FPT	59.5	1.7%	MWG	124.6	-0.5%
BVH	75.1	1.5%	PLX	59.2	-0.3%
GAS	105.8	1.2%			
HPG	22	0.5%			

Large cap còn lại			9 tăng vs 1 giảm		
EIB	17.4	5.5%	ROS	25	-0.8%
KDH	27.05	4.0%			
BHN	78	2.6%			
PNJ	85	2.0%			
DHG	93.9	1.5%			
STB	11	0.9%			
REE	37.9	0.7%			
HNG	14.85	0.3%			
TPB	22.5	0.2%			

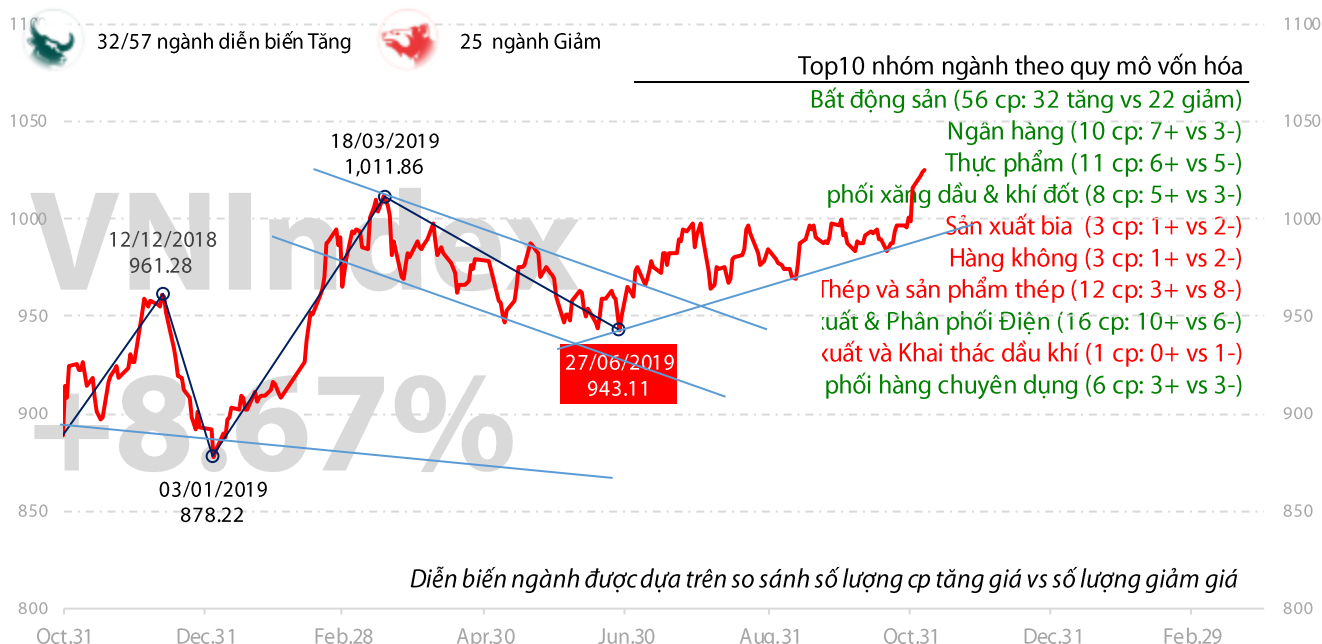
Mid cap			51 tăng vs 59 giảm		
GTN	21.65	6.1%	TLG	42	-8.7%
D2D	87	6.1%	MSH	51	-6.6%
DBD	57	5.8%	PGD	37.3	-5.6%
SJS	15.3	5.5%	POM	5.6	-5.1%
DXG	16.2	5.2%	TRA	56.5	-4.2%
NBB	21.7	4.8%	DTL	26	-4.2%
LDG	10.7	3.9%	STK	18.45	-3.4%
HDC	22.75	3.6%	VPI	41.1	-2.6%
HCM	24.75	3.6%	OGC	3.9	-2.5%
IDI	5.48	3.4%	ANV	25.8	-2.3%

Small cap			95 tăng vs 111 giảm		
NVT	8.29	22.3%	YBM	4.44	-18.5%
CLG	3.45	21.9%	EMC	10	-14.9%
MCG	2.17	20.6%	CLW	22.8	-12.3%
CDC	15.45	20.2%	BTT	35.6	-12.1%
VMD	24.5	11.4%	SGT	5.5	-10.4%
PXS	5.8	10.7%	VTB	14.3	-10.1%
VNL	15.55	10.7%	PTL	4.26	-8.8%
AAM	12.5	10.1%	HTT	1.26	-8.7%
PIT	4.1	9.9%	SMA	12.35	-7.1%
SC5	25	9.9%	TCO	12.4	-6.8%

QUÝ VỊ có thể xem Top10 Giao dịch để xác định cổ phiếu nào có thể chốt lời hoặc cắt lỗ

THỊ TRƯỜNG ▶ XU HƯỚNG HIỆN TẠI

Biến động giá cp theo nhóm ngành từ ngày 27/06 đến nay trên HOSE



Một số nhóm ngành khác có diễn biến Tích cực

Thiết bị điện (4 cp: 2 tăng vs 2 giảm)
 Máy công nghiệp (3 cp: 2+ vs 1-)
 Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng (13 cp: 7+ vs 5-)
 Dịch vụ vận tải (6 cp: 3+ vs 3-)
 Tư vấn & Hỗ trợ KD (2 cp: 1+ vs 0-)
 Khách sạn (2 cp: 2+ vs 0-)
 Dịch vụ giải trí (2 cp: 1+ vs 1-)
 Thiết bị y tế (1 cp: 1+ vs 0-)

Một số nhóm ngành khác có diễn biến Tiêu cực

Đồ gia dụng một lần (1 cp: 0 tăng vs 1 giảm)
 Thiết bị gia dụng (3 cp: 0+ vs 3-)
 Hàng May mặc (11 cp: 0+ vs 10-)
 Thuốc lá (1 cp: 0+ vs 1-)
 Khai khoáng (7 cp: 1+ vs 6-)
 Bảo hiểm nhân thọ (1 cp: 0+ vs 1-)
 Môi giới chứng khoán (12 cp: 4+ vs 8-)
 Nước (4 cp: 1+ vs 3-)

Top10 HOSE tăng giảm giá theo nhóm vốn hóa kể từ sau ngày 27/06/2019

Nhóm Tỷ USD			tổng cộng 15 tăng vs 8 giảm		
MWG	124.6	36.9%	HVN	35.9	-12.9%
FPT	59.5	33.6%	MSN	76	-7.3%
BID	42.2	31.9%	BVH	75.1	-7.2%
VCB	91	30.9%	POW	13.6	-5.9%
VHM	99.4	29.8%	PLX	59.2	-4.4%
MBB	23.55	23.5%	SAB	260	-3.9%
TCB	24.75	22.5%	HPG	22	-2.4%
VPB	22.15	17.5%	NVL	58.7	-1.3%
VJC	143.5	15.3%			
GAS	105.8	10.4%			

Large cap còn lại			3 tăng vs 7 giảm		
REE	37.9	19.7%	ROS	25	-16.4%
PNJ	85	19.3%	DHG	93.9	-12.6%
KDH	27.05	10.4%	HNG	14.85	-8.9%
			EIB	17.4	-7.0%
			BHN	78	-4.5%
			STB	11	-2.7%
			TPB	22.5	-0.9%

Mid cap			70 tăng vs 50 giảm		
HVG	5.57	67.3%	YEG	52.7	-30.7%
HDC	22.75	52.2%	PAC	26.5	-26.0%
IJC	15.6	48.6%	CTD	75.1	-24.1%
BIC	26	40.6%	SJS	15.3	-23.5%
DBD	57	34.1%	FRT	40.9	-21.6%
D2D	87	28.6%	STK	18.45	-21.2%
LDG	10.7	27.5%	HAG	4.15	-20.8%
DRC	22.85	24.9%	TDM	25.85	-19.7%
BMP	53.5	24.4%	TLG	42	-19.5%
DPG	46.2	24.2%	TCM	21.75	-19.4%

Small cap			96 tăng vs 128 giảm		
TSC	3.34	103.7%	FTM	3.35	-85.9%
CLG	3.45	78.8%	SFG	6.82	-48.9%
TNA	19.05	54.9%	YBM	4.44	-47.2%
HOT	50.9	47.8%	VPK	1.96	-43.8%
LAF	9.73	45.9%	DIC	1.74	-42.0%
JVC	4.15	44.6%	SBV	6.9	-41.8%
TCO	12.4	43.7%	GMC	21.5	-41.4%
BCG	8	41.6%	CIG	1.71	-41.0%
SVI	70	40.0%	TGG	1.89	-36.8%
VMD	24.5	35.0%	CMV	10.75	-34.5%

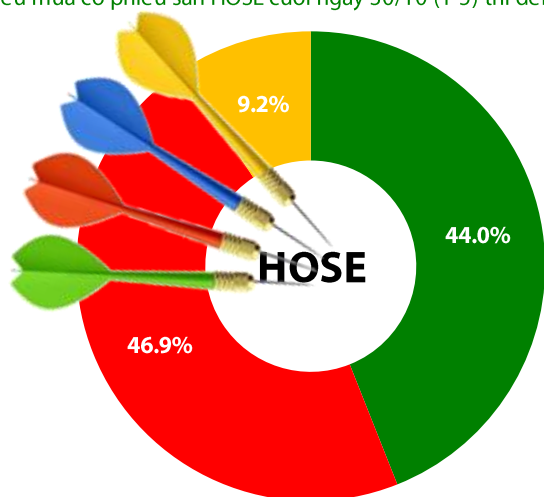
QUÝ VỊ có thể xem Top10 Giao dịch để xác định cổ phiếu nào có thể chốt lời hoặc cắt lỗ

THỊ TRƯỜNG ▶ TRADING T+ DỄ HAY KHÓ?

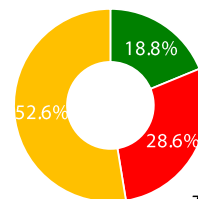
Giả sử quý vị mua NGẪU NHIÊN 1 cổ phiếu nào đó trên sàn HOSE vào cuối ngày 01/11 (T-3) thì đến cuối hôm nay, 06/11 (T) khả năng quý vị mua trúng mã tăng giá:

44.0%

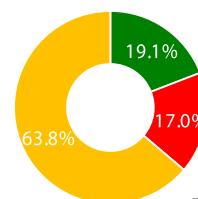
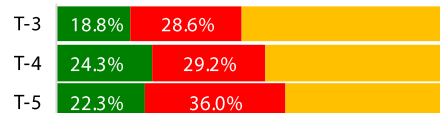
Nếu mua cổ phiếu sàn HOSE cuối ngày 30/10 (T-5) thì đến cuối hôm nay, cơ hội mua trúng mã tăng giá là 39.8 %



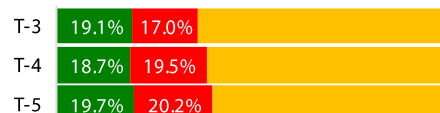
Tổng số cổ phiếu vào ngày T-3: 382



Tổng số cp ngày T-3: 367



Tổng số cp ngày T-3: 857



Cơ hội tăng giá cho nhóm cổ phiếu vốn hóa tỷ USD



Tổng số cp ngày T-3:

Nhóm Tỷ USD: 31

Large cap: 18

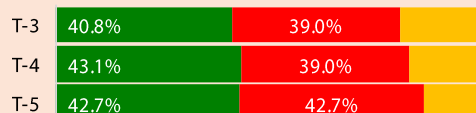
Mid cap: 218

Small cap: 1339

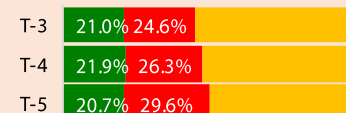
Nhóm largecap còn lại



Midcap

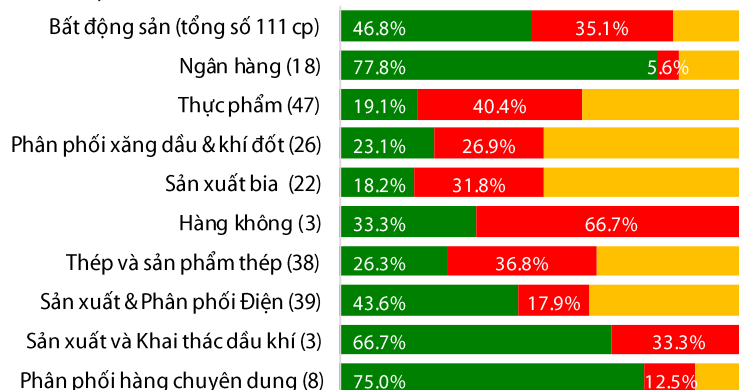


Smallcap



Cơ hội tăng giá của Top10 nhóm ngành

(theo quy mô vốn hóa)



Một số nhóm ngành khác có cơ hội tăng giá cao (8)

(tổng số cp : cơ hội tăng giá T3)

Bảo hiểm nhân thọ (1 : 100%)

Sản xuất giấy (7 : 71.4%)

Dịch vụ Máy tính (3 : 66.7%)

Sản xuất ô tô (10 : 60%)

Quỹ đầu tư (5 : 60%)

Bảo hiểm phi nhân thọ (8 : 50%)

Công nghệ sinh học (2 : 50%)

Thiết bị y tế (2 : 50%)

(hãy chú ý các nhóm có cơ hội tăng giá T-3 cao hơn 50%, nếu cả T-4 và T-5 cũng cao thì càng tốt)

GIAO DỊCH

Bảo.NQ DỰ BÁO CHỈ SỐ VNINDEX

Chỉ số VN-Index (1.024,91)

Xu hướng ngắn hạn: Tăng

Hỗ trợ ngắn hạn: 1.000

Kháng cự ngắn hạn: 1.035

Xu hướng trung hạn: Tăng

Hỗ trợ trung hạn: 990

KHUYẾN NGHỊ

Sau khoảng thời gian đi lên mạnh mẽ của TTCK, hiện tại cho thấy dòng tiền có dấu hiệu chốt lãi dần và lực mua chưa thể hấp thụ hết lượng bán. Do đó, để tránh rủi ro trong ngắn hạn, chúng tôi khuyến nghị NĐT có thể tạm thời ngưng giải ngân mới và chờ đợi cơ hội trong thời gian tới.



GIAO DỊCH ► NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ

Khải.TQ SÀN HSX:

VN-Index tăng phiên thứ tư liên tiếp (+0.57 điểm, tương đương 0.06%), đóng cửa tại 1024.91 điểm. Thanh khoản tăng nhẹ so với phiên trước đó, đạt 183.3 triệu cổ phiếu khớp lệnh.

Xu hướng tăng của VN-Index đang yếu dần do áp lực chốt lời ngắn hạn gia tăng. Chỉ số cũng đang gặp phải kháng cự 1.025 điểm là vùng đỉnh cũ tháng 10/2018. Rung lắc dự kiến sẽ tiếp tục diễn ra trong các phiên sắp tới. Ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn của VN-Index là vùng 1.015 điểm.

Chỉ báo MACD tiếp tục cho thấy sự tích cực. Trong khi đó, chỉ báo RSI sau khi vượt qua ngưỡng 70 thì đang có dấu hiệu muốn điều chỉnh.

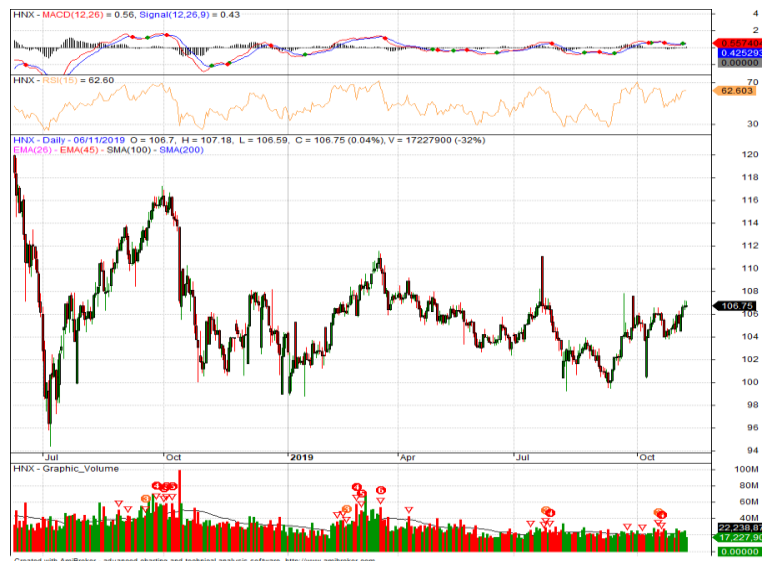


SÀN HNX:

HNX-Index tăng rất nhẹ 0.04 điểm (0.04%), đóng cửa tại 106.75 điểm. Thanh khoản giảm mạnh với chỉ 17.2 triệu cổ phiếu khớp lệnh.

Tương tự VN-Index, xu hướng tăng của HNX-Index cũng đang chững lại. Áp lực bán tăng cao ở trên ngưỡng 107 điểm. Tuy vậy những diễn biến ngắn hạn này chưa đáng lo ngại và có thể chỉ là những rung lắc thông thường. HNX-Index vẫn đang trên đường hướng tới các mục tiêu cao hơn là 108 và 110 điểm.

Các chỉ báo kỹ thuật như MACD và RSI bắt đầu cho dấu hiệu tích cực. Đường MACD đã cắt lên trên đường tín hiệu, trong khi đó RSI cũng vượt ngưỡng 60.



Khuyến nghị: Các chỉ số tiếp tục tăng nhưng mức độ tăng rất hạn chế do áp lực chốt lời ngắn hạn tại các vùng kháng cự. Các phiên điều chỉnh có thể sớm xuất hiện và đó sẽ là cơ hội để nhà đầu tư giải ngân vào các cổ phiếu mục tiêu.

GIAO DỊCH ▶ CẬP NHẬT XU HƯỚNG

Tổng hợp những Bình luận về Xu hướng hiện tại của chỉ số và cổ phiếu

Xu hướng VNIndex hiện tại: Tăng

Nhóm ngành	Tăng	Sideway	Giảm
1 Xây dựng		CTR	
2 Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng		GMD	
3 Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí		PVD	
4 Hàng không		VJC	
5 Sản xuất bia		SAB	
6 Nuôi trồng nông & hải sản	GTN		
7 Thực phẩm		MSN SBT VNM	
8 Hàng cá nhân		PNJ	
9 Ngân hàng	VCB BID	CTG HDB	
10 Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác		DPM DCM	
11 Bất động sản	LDG SJS KDH		
12 Sản xuất & Phân phối Điện	POW		
13 Phân phối xăng dầu & khí đốt		GAS	
14 Viễn thông di động		VGI MFS	

Một số nhận định kỹ thuật mới nhất trong ngày (28):

1		Sideway trong vùng 23-26 trend trung hạn. Ngắn hạn có xu hướng tăng giá nhẹ về vùng 27-28.
2	CTG	Chạm trendline trên và đuối sức. Điều chỉnh ngắn hạn.
3	DPM	Dấu hiệu downtrend vẫn tiếp tục.
4	GAS	Chạm trendline trên của trend trung hạn. Dấu hiệu đuối sức.
5	HDB	Dấu hiệu điều chỉnh ngắn hạn.
6	MSN	Nhịp hồi phục yếu và đang quay đầu xu hướng giảm chính.
7	POW	Nhịp tăng ngắn hạn kết thúc tại GAP 14 và đang quay đầu giảm về vùng giá 13.
8	PVD	Ngưỡng cản 16 đỡ giá. Xu hướng chính vẫn sideway quanh vùng 16-18.
9	SAB	Ngưỡng kháng cự 260 đang phát huy tác dụng. Nhịp điều chỉnh đang bắt đầu.
10	SBT	Test lại ngưỡng cản 19. Dấu hiệu tăng không chắc chắn.
11	VCB	Tạo đỉnh ngắn hạn ở vùng 90, áp lực giảm đang lớn dần.
12	VGI	Trend giảm đang hình thành.
13	VJC	Nhịp tăng kết thúc và đang điều chỉnh trong ngắn hạn về 133.
14	VNM	Chạm ngưỡng kháng cự 135 và điều chỉnh ngắn hạn.
15	CTR	Dấu hiệu tăng trưởng trở lại. ADX cho xu hướng tốt.
16	LDG	Xu hướng tăng mới đang nhen nhóm hình thành.
17	SJS	Bứt phá sau nhiều phiên đi ngang tích lũy. Cần tiếp tục cải thiện hơn nữa thì xu hướng tăng trung hạn mới hình thành.
18	VNIndex	Xu hướng tăng đang yếu dần do áp lực chốt lời, có thể xuất hiện rung lắc nhẹ quanh ngưỡng 1.025 điểm.
19	BID	Xu hướng tích cực sau khi vượt vùng kháng cự 41.5
20	DCM	Điều chỉnh hướng về vùng đáy 7.1
21	EIB	Tăng từ vùng lưỡng lự 16.5 nhưng vẫn nhiều khả năng bị cản tại vùng 18
22	GMD	Đang tích lũy trong vùng 25-26
23	GTN	Xu hướng tích cực và dần tăng trong ngắn hạn
24	KDH	Xu hướng tăng hướng đến vùng kháng cự mạnh 30
25	PNJ	Đang bị cản và có thể điều chỉnh nhẹ nhưng xu hướng chung vẫn tích cực
26	TCB	Đang bị cản và có thể điều chỉnh nhẹ nhưng xu hướng chung vẫn tích cực
27	VPB	Đã được hỗ trợ gần mức 21.2 và đang trong quá trình tích lũy để hình thành sóng tăng mới
28	MFS	Đang được hỗ trợ và tích lũy khá lâu trên mức 22

GIAO DỊCH ► VỐN HÓA TỶ USD

Bình luận về xu hướng hiện tại TOP30 nhóm vốn hóa tỷ USD

Ngày khuyến nghị cập nhật đến

07/11/2019

Tổng số cổ phiếu 30

Xu hướng Tích cực 12

Xu hướng Tiêu cực

Trung lập 14

Vốn hóa (tỷ đ) 3,327,088

Tăng 1,709,542

Giảm

Sideway 1,429,136

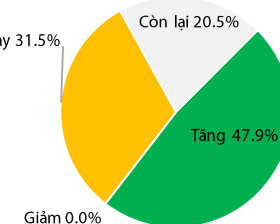
Tính riêng sàn HOSE

Tăng 1,678,537

Giảm

Sideway 1,103,701

Nhóm tỷ USD trong
cơ cấu sàn HOSE



STT	Ngày khuyến nghị	Diễn biến giá 5 phiên	Xu hướng hiện tại	CK	Vốn hóa (tỷ đ)	Thị giá	Mục tiêu 2 tuần	Kỳ vọng	Nhận định kỹ thuật
1	04/11	-0.5%	Tăng	VIC HOSE	406,531	121.9		Bất động sản	Sau một thời gian sideway trong biên độ hẹp thì đã bắt đầu tăng tốc đi lên.
2	07/11	2.5%	Tăng	VCB HOSE	336,766	91.0		Ngân hàng	Tạo đỉnh ngắn hạn ở vùng 90, áp lực giảm đang lớn dần.
3	06/11	4.4%	Tăng	VHM HOSE	327,917	99.4		Bất động sản	Vượt đỉnh lịch sử. Xu hướng tăng vẫn đang mạnh.
4	07/11	-1.7%	Sideway	VNM HOSE	224,986	130.1		Thực phẩm	Chạm ngưỡng kháng cự 135 và điều chỉnh ngắn hạn.
5	07/11	1.2%	Sideway	GAS HOSE	204,793	105.8		Phân phối xăng dầu & khí đốt	Chạm trendline trên của trend trung hạn. Dấu hiệu đuối sức.
6	01/11	-0.2%	Sideway	ACV UPCOM	174,064	79.9		Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	Xu hướng phục hồi tiếp tục tốt, thanh khoản có cải thiện.
7	07/11	2.9%	Tăng	BID HOSE	170,936	42.2		Ngân hàng	Xu hướng tích cực sau khi vượt vùng kháng cự 41.5
8	07/11		Sideway	SAB HOSE	166,733	260.0		Sản xuất bia	Ngưỡng kháng cự 260 đang phát huy tác dụng. Nhịp điều chỉnh đang bắt đầu.
9	07/11	-0.6%	Sideway	VGI UPCOM	96,087	31.9		Viễn thông di động	Trend giảm đang hình thành.
10	07/11	0.4%	Sideway	MSN HOSE	88,840	76.0		Thực phẩm	Nhịp hồi phục yếu và đang quay đầu xu hướng giảm chính.
11	07/11	4.2%	Tăng	TCB HOSE	86,628	24.8		OCT31:119.200B342	Đang bị cản và có thể điều chỉnh nhẹ nhưng xu hướng chung vẫn tích cực
12	07/11		Sideway	CTG HOSE	83,404	22.3		OCT31:100.227B326	Chạm trendline trên và đuối sức. Điều chỉnh ngắn hạn.
13	04/11	0.3%	Tăng	VRE HOSE	82,906	35.2		OCT31:100.219M335	Vượt vùng cản 33.5 tạo nhịp hồi phục hướng về vùng kháng cự 37.5

GIAO DỊCH ► VỐN HÓA TỶ USD

STT	Ngày khuyến nghị	Diễn biến giá 5 phiên	Xu hướng hiện tại	CK	Vốn hóa (tỷ đ)	Thị giá	Mục tiêu 2 tuần	Kỳ vọng	Nhận định kỹ thuật
14	07/11	-1.4%	Sideway	VJC HOSE Hàng không ★👉👎👎👎	76,323	143.5			Nhịp tăng kết thúc và đang điều chỉnh trong ngắn hạn về 133.
15	31/10	-0.3%	Tăng	PLX HOSE Sản xuất và Khai thác dầu khí ★👉👎👎👎	69,898	59.2			Hình thành mô hình hai đáy tuy nhiên giá hiện tại nằm khá gần các ngưỡng kháng cự mạnh phía trên.
16		-0.2%		VEA UPCOM Máy công nghiệp ★👉👎👎👎	65,143	49.1			
17	29/10	0.5%	Tăng	HPG HOSE OCT31:150.225B320 ★👉👎👎👎	60,468	22.0	23.5	6.8%	Vượt lên trên hai đường EMA(26) và EMA(45) để hình thành xu hướng tăng. KLGD có sự gia tăng mạnh mẽ trong những phiên gần
18	31/10	-0.5%	Sideway	MWG HOSE Phân phối hàng chuyên dụng ★👉👎👎👎	55,608	124.6			Có nhiều dấu hiệu cho thấy sự suy yếu. Khả năng cao sẽ có nhịp điều chỉnh.
19	24/10	1.6%	Sideway	GVR UPCOM Nhựa, cao su & sợi ★👉👎👎👎	55,284	14.1	14.8	5.0%	Dấu hiệu đảo chiều sau khi tích lũy trên nền giá 13.
20	01/11	-0.5%	Sideway	NVL HOSE OCT31:106.200.300 ★👉👎👎👎	54,831	58.7			Nhịp giảm điểm đang tạm dừng quanh hỗ trợ 59
21	06/11	2.6%	Sideway	MBB HOSE OCT31:100.217B312 ★👉👎👎👎	54,072	23.6			Dao động tích lũy trong biên độ hẹp 22.5-23.5. Đường EMA(26) vẫn đang hỗ trợ tốt cho đà tăng.
22	07/11	3.0%	Sideway	VPB HOSE OCT31:100.200B311 ★👉👎👎👎	53,550	22.2			Đã được hỗ trợ gần mức 21.2 và đang trong quá trình tích lũy để hình thành sóng tăng mới
23	04/11	1.5%	Tăng	BVH HOSE Bảo hiểm nhân thọ ★👉👎👎👎	52,707	75.1	79.5	5.9%	Có tín hiệu đảo chiều đi lên tại vùng hỗ trợ mạnh 71.x
24		-0.7%		MCH UPCOM Thực phẩm ★👉👎👎👎	52,119	73.5			
25	04/11	-1.6%	Tăng	HVN HOSE Hàng không ★👉👎👎👎	51,697	35.9			Nhịp hồi phục mở rộng và hướng đến vùng 38-39
26	07/11	1.7%		ACB HNX OCT31:103.239M300 ★👉👎👎👎	40,750	24.6			Sideway trong vùng 23-26 trend trung hạn. Ngắn hạn có xu hướng tăng giá nhẹ về vùng 27-28.
27	25/10	1.7%	Sideway	FPT HOSE Phần mềm ★👉👎👎👎	40,561	59.5			Kiểm tra lại vùng đỉnh cũ, kênh giá tăng vẫn đang được giữ vững
28	07/11	0.4%	Tăng	POW HOSE OCT31:100.200B318 ★👉👎👎👎	32,084	13.6			Nhịp tăng ngắn hạn kết thúc tại GAP 14 và đang quay đầu giảm về vùng giá 13.
29	06/11	3.5%	Tăng	BSR UPCOM OCT31:126.243.346 ★👉👎👎👎	31,005	10.1	10.7	6.3%	Biên độ dao động đang co hẹp dần, sẽ sớm có biến động lớn. Thanh khoản cho thấy lực mua mạnh thời gian qua.
30		-2.6%		BCM UPCOM Bất động sản ★👉👎👎👎	30,398	29.2			

GIAO DỊCH ► NHÓM TĂNG VÀ GIẢM NÓNG

Bình luận về xu hướng hiện tại 1 số cổ phiếu tăng/giảm nóng hay thuộc các nhóm ngành HOT

Danh sách bao gồm cả cổ phiếu tăng & giảm giá khác trong các ngành hot.

Ngày khuyến nghị cập nhật đến

07/11/2019

STT	Ngày khuyến nghị	KLGD b/q 1 tháng	Xu hướng hiện tại	CK		Vốn hóa (tỷ đ)	Thị giá	Mục tiêu 2 tuần	Kỳ vọng	Nhận định kỹ thuật
1	07/11	910,876	Tăng	BID	HOSE	Ngân hàng	170,936	42.2		Xu hướng tích cực sau khi vượt vùng kháng cự 41.5
2	07/11	3,216,913	Sideway	CTG	HOSE	OCT31:100.227B326	83,404	22.3		Chạm trendline trên và đuổi sức. Điều chỉnh ngắn hạn.
3	07/11	431,623	Sideway	DPM	HOSE	OCT31:100.246.349	5,342	13.8		Dấu hiệu downtrend vẫn tiếp tục.
4	07/11	85,849	Tăng	EIB	HOSE	OCT31:102.213.319	21,392	17.4		Tăng từ vùng lưỡng lự 16.5 nhưng vẫn nhiều khả năng bị cản tại vùng 18
5	07/11	255,902	Sideway	GAS	HOSE	Phân phối xăng dầu & khí đốt	204,793	105.8		Chạm trendline trên của trend trung hạn. Dấu hiệu đuổi sức.
6	07/11	366,778	Sideway	GMD	HOSE	Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	7,690	25.6		Đang tích lũy trong vùng 25-26
7	07/11	666,858	Tăng	GTN	HOSE	OCT31:116.200.300	5,450	21.7		Xu hướng tích cực và dần tăng trong ngắn hạn
8	07/11	1,950,125	Sideway	HDB	HOSE	OCT31:100.200B313	28,939	29.1		Dấu hiệu điều chỉnh ngắn hạn.
9	07/11	384,420	Tăng	KDH	HOSE	Bất động sản	14,808	27.1		Xu hướng tăng hướng đến vùng kháng cự mạnh 30
10	07/11	1,970,367	Tăng	LDG	HOSE	OCT31:108.233B331	2,558	10.7		Xu hướng tăng mới đang nhen nhóm hình thành.
11	07/11	552,013	Sideway	MSN	HOSE	Thực phẩm	88,840	76.0		Nhịp hồi phục yếu và đang quay đầu xu hướng giảm chính.
12	07/11	461,065	Sideway	PNJ	HOSE	OCT31:107.200.300	18,962	85.0		Đang bị cản và có thể điều chỉnh nhẹ nhưng xu hướng chung vẫn tích cực
13	07/11	2,344,405	Tăng	POW	HOSE	OCT31:100.200B318	32,084	13.6		Nhịp tăng ngắn hạn kết thúc tại GAP 14 và đang quay đầu giảm về vùng giá 13.
14	07/11	1,554,385	Sideway	PVD	HOSE	OCT31:100.222M338	7,138	16.8		Ngưỡng cản 16 đỡ giá. Xu hướng chính vẫn sideway quanh vùng 16-18.
15	07/11	19,761	Sideway	SAB	HOSE	Sản xuất bia	166,733	260.0		Ngưỡng kháng cự 260 đang phát huy tác dụng. Nhịp điều chỉnh đang bắt đầu.

GIAO DỊCH ► TOP10 TUẦN QUA

Cổ phiếu còn tăng giá hay đã đến lúc chốt lời?

từ 01/11 đến 06/11

Tăng giá vs cuối tuần trước

Cổ phiếu có giá tối thiểu 3 ng.đ/cp + thanh khoản trung bình trở lên

STT	Ngày khuyến nghị	Tăng giá vs cuối tuần trước	Xu hướng hiện tại	CK		KL khớp lệnh b/q 1 tháng	Thị giá	Mục tiêu 2 tuần	Kỳ vọng	Nhận định kỹ thuật
1		15.0%		C71 	UPCOM	Xây dựng	92,884	9.2		
2		10.8%		IDJ 	HNX	Bất động sản	403,270	7.2		
3	06/11	10.7%	Tăng	PXS 	HOSE	Xây dựng	117,149	5.8		Bật tăng mạnh sau khi tích lũy tạo đáy quanh vùng 4.2
4		9.6%		VRC 	HOSE	OCT31:100.210B310	550,034	17.7		
5		9.3%		TLH 	HOSE	Thép và sản phẩm thép	123,414	4.0		
6		8.3%		APG 	HOSE	Môi giới chứng khoán	458,075	9.5		
7		7.6%		SMB 	HOSE	Sản xuất bia	75,601	41.2		
8	31/10	6.7%	Giảm	TIG 	HNX	OCT31:132.220M328	633,313	4.8	4.1 -14.6%	Quay đầu giảm mạnh sau khi đã tăng nhiều trước đó. Thanh khoản
9	24/10	6.3%	Giảm	AMV 	HNX	Dược phẩm	50,316	18.5		Sideway và chưa rõ ràng xu hướng.
10	07/11	6.1%	Tăng	GTN 	HOSE	OCT31:116.200.300	666,858	21.7		Xu hướng tích cực và dần tăng trong ngắn hạn

Cổ phiếu còn giảm giá hay đã đến lúc bắt đáy?

Cổ phiếu có giá tối thiểu 3 ng.đ/cp + thanh khoản trung bình trở lên

STT	Ngày khuyến nghị	Giảm giá vs cuối tuần trước	Xu hướng hiện tại	CK	KL khớp lệnh b/q 1 tháng	Thị giá	Mục tiêu 2 tuần	Kỳ vọng	Nhận định kỹ thuật
1		-10.1%		C69 	HNX	Xây dựng	321,225	12.5	
2		-9.4%		VCR 	HNX	Bất động sản	202,147	16.3	
3		-8.3%		DS3 	HNX	Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	68,427	3.3	
4		-7.8%		SCI 	HNX	Xây dựng	106,331	10.7	
5		-6.5%		TVB 	HOSE	Môi giới chứng khoán	103,902	14.4	
6		-5.5%		TLD 	HOSE	Bất động sản	262,926	4.5	
7		-4.7%		DTD 	HNX	Xây dựng	76,505	12.2	
8		-4.5%		NHH 	UPCOM	Nhựa, cao su & sợi	101,845	46.3	
9		-4.2%		EVF 	UPCOM	Quản lý tài sản	152,103	5.9	
10		-3.9%		VPG 	HOSE	Dịch vụ vận tải	131,705	22.4	

GIAO DỊCH ▶ TOP10 DÒNG TIỀN 5 PHIÊN

Dòng tiền vào (tỷ đồng)

STT	Ngày khuyến nghị	Dòng tiền 5 phiên	Xu hướng hiện tại	CK	Vốn hóa (tỷ đ)	Thị giá	Tăng/giảm giá 5 phiên	Mục tiêu 2 tuần	Kỳ vọng	Nhận định kỹ thuật	
1	06/11	788	Tăng	VHM 🟢🔴🟢🟢🔴	HOSE 🟢🟢🟢🟢🔴	Bất động sản	327,917	99.4	4.4%	Vượt đỉnh lịch sử. Xu hướng tăng vẫn đang mạnh.	
2	25/10	354	Sideway	FPT 🔴🟢🔴🟢🔴	HOSE 🟢🔴🟢🔴🔴	Phần mềm	40,561	59.5	1.7%	Kiểm tra lại vùng đỉnh cũ, kênh giá tăng vẫn đang được giữ vững	
3	06/11	214	Sideway	MBB 🟢🔴🟢🔴🔴	HOSE 🟢🔴🟢🔴🔴	OCT31:100.217B312	54,072	23.6	2.6%	Dao động tích lũy trong biên độ hẹp 22.5-23.5. Đường EMA(26)	
4	07/11	171	Tăng	VCB 🟢🔴🟢🔴🔴	HOSE 🟢🔴🟢🔴🔴	Ngân hàng	336,766	91.0	2.5%	Tạo đỉnh ngắn hạn ở vùng 90, áp lực giảm đang lớn dần.	
5	07/11	166	Sideway	GAS 🔴🟡🟢🔴🔴	HOSE 🟢🔴🟢🔴🔴	Phân phối xăng dầu & khí đốt	204,793	105.8	1.2%	Chạm trendline trên của trend trung hạn. Dấu hiệu đuối sức.	
6	07/11	157	Sideway	MSN 🟡🔴🟢🔴🔴	HOSE 🟢🔴🟢🔴🔴	Thực phẩm	88,840	76.0	0.4%	Nhịp hồi phục yếu và đang quay đầu xu hướng giảm chính.	
7	07/11	156	Tăng	BID 🔴🔴🟢🔴🔴	HOSE 🟢🔴🟢🔴🔴	Ngân hàng	170,936	42.2	2.9%	Xu hướng tích cực sau khi vượt vùng kháng cự 41.5	
8	04/11	138	Tăng	AAA 🔴🟢🟢🔴🔴	HOSE 🟢🔴🟢🔴🔴	Nhựa, cao su & sợi	2,722	15.7	-0.3%	Xuất hiện nhịp hồi phục sau khi tạo vùng hỗ trợ 14.8 và hướng về	
9	07/11	120	Tăng	TCB 🟡🔴🟢🔴🔴	HOSE 🟢🔴🟢🔴🔴	OCT31:119.200B342	86,628	24.8	4.2%	Đang bị cản và có thể điều chỉnh nhẹ nhưng xu hướng chung vẫn	
10	06/11	119	Tăng	PVS 🔴🟢🟢🔴🔴	HNX 🟢🔴🟢🔴🔴	Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	9,225	19.1	2.7%	20.3 6.3%	Bứt phá mạnh cả về giá và khối lượng sau vài phiên đi ngang tích

Dòng tiền ra

STT	Ngày khuyến nghị	Dòng tiền 5 phiên	Xu hướng hiện tại	CK	Vốn hóa (tỷ đ)	Thị giá	Tăng/giảm giá 5 phiên	Mục tiêu 2 tuần	Kỳ vọng	Nhận định kỹ thuật	
1		-1,971		ROS HOSE	OCT31:100.203M308	14,190	25.0	-0.8%			
2	07/11	-479	Sideway	VNM HOSE	Thực phẩm	224,986	130.1	-1.7%		Chạm ngưỡng kháng cự 135 và điều chỉnh ngắn hạn.	
3		-288		FLC HOSE	OCT31:128.201B306	3,337	4.6	2.9%			
4	31/10	-102	Giảm	PHR HOSE	OCT31:100.200B345	7,751	59.0	0.5%	55.0	-6.8%	Đà phục hồi bị cản mạnh tại vùng 62-63 tạo bởi SMA(200) và
5	04/11	-85	Giảm	KBC HOSE	Bất động sản	6,765	14.3	-1.7%			Điều chỉnh hướng về vùng hỗ trợ 14.2
6		-74		SCR HOSE	OCT31:112.212M321	2,069	6.1	-1.6%			
7		-66		HBC HOSE	OCT31:100.226.329	2,886	12.8	-1.5%			
8		-63		VEA UPCOM	Máy công nghiệp	65,143	49.1	-0.2%			
9	28/10	-49	Sideway	PDR HOSE	OCT31:114.215B304	8,519	26.1	0.4%			Tích lũy đi ngang, chưa xuất hiện xu hướng rõ ràng.
10		-48		VPI HOSE	Bất động sản	6,640	41.1	-2.6%			

GIAO DỊCH ► KHUYẾN NGHỊ KỸ THUẬT

NEW

Khuyến nghị mua bán MỚI 3 phiên (trong T3) theo tín hiệu kỹ thuật

Ngày khuyến nghị cập nhật đến

07/11/2019

Tổng số cổ phiếu 8

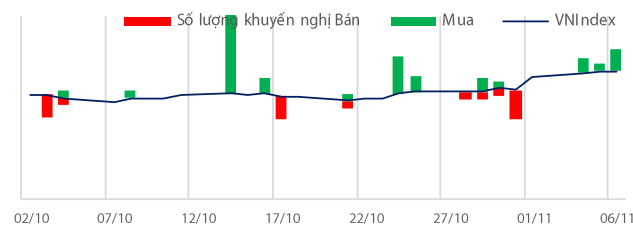
Vốn hóa (tỷ đ) 137,976

Khuyến nghị Mua 8

Mua 137,976

Khuyến nghị Bán

Bán



STT	Ngày khuyến nghị	Diễn biến giá 5 phiên	Khuyến nghị	CK		Vốn hóa (tỷ đ)	Thị giá	Giá khuyến nghị	Mục tiêu 2 tuần	Kỳ vọng	Cắt lỗ	Nhận định kỹ thuật	
1	07/11	3.1%	Mua	CTR	UPCOM	Xây dựng	3,007	50.6	50.5	55.0	8.6%	48.0	Dấu hiệu tăng trưởng trở lại. ADX cho xu hướng tốt.
2	07/11	-1.4%	Mua	MFS	UPCOM	Viễn thông di động	162	22.6	22.2	26.0	14.9%	20.9	Đang được hỗ trợ và tích lũy khá lâu trên mức 22
3	06/11	5.0%	Mua	VCS	HNX	Vật liệu xây dựng & Nội thất	14,544	90.5	90.9	98.0	8.3%	85.0	Tích lũy một thời gian tại vùng hỗ trợ sau đó bật tăng mạnh, vượt lên EMA(26) và EMA(45)
4	06/11	3.5%	Mua	BSR	UPCOM	OCT31:126.243.346	31,005	10.1	10.0	10.7	6.3%	9.5	Biên độ dao động đang co hẹp dần, sẽ sớm có biến động lớn. Thanh khoản cho thấy lực mua mạnh thời gian qua.
5	06/11	2.7%	Mua	PVS	HNX	Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	9,225	19.1	19.3	20.3	6.3%	18.6	Bứt phá mạnh cả về giá và khối lượng sau vài phiên đi ngang tích lũy. Đã cắt lên trên EMA(26) và EMA(45).
6	05/11	0.9%	Mua	STB	HOSE	OCT31:101.208M315	19,750	11.0	10.9	11.6	5.5%	10.6	Điều chỉnh về mốc Fibonacci Retracement 50% và có dấu hiệu tăng trở lại
7	04/11	1.5%	Mua	BVH	HOSE	Bảo hiểm nhân thọ	52,707	75.1	74.0	79.5	5.9%	71.5	Có tín hiệu đảo chiều đi lên tại vùng hỗ trợ mạnh 71.x
8	04/11	3.6%	Mua	HCM	HOSE	Môi giới chứng khoán	7,577	24.8	23.9	25.8	4.2%	22.5	Bật tăng mạnh từ ngưỡng hỗ trợ tạo bởi Fibonacci Retracement 50%

GIAO DỊCH ► KHUYẾN NGHỊ KỸ THUẬT



Bảng theo dõi khuyến nghị Mua - Bán sau T3 theo tín hiệu kỹ thuật

Khuyến nghị gốc (17)						Vị thế hiện tại (41.2%)			Cập nhật trạng thái			
STT	Ngày khuyến nghị	CK	Khuyến nghị	Giá khuyến nghị	Mục tiêu Cắt lỗ	Vị thế	Thị giá	+/-%/Giá khuyến nghị	Ngày cập nhật	Xu hướng hiện tại	Nhận định kỹ thuật	
1	31/10	D2D	BÁN	83.9	78.0 86.5	Đóng	87	-3.7%				
2	31/10	IDI	BÁN	5.4	4.9 5.8	Mở	5.48	-2.2%	31/10	Giảm	Thùng hỗ trợ mạnh 5.6 và có xu hướng giảm về đáy cũ quanh 4.8-4.9	
3	31/10	PHR	BÁN	59.0	55.0 62.5	Mở	59		31/10	Giảm	Đà phục hồi bị cản mạnh tại vùng 62-63 tạo bởi SMA(200) và Fibonacci Retracement 50%	
4	31/10	TIG	BÁN	4.4	4.1 4.6	Đóng	4.8	-9.1%				
5	30/10	MBG	BÁN	44.0	38.0 48.0	Mở	42	4.5%	30/10	Tăng	Đã tăng rất nóng và có phân kỳ âm với RSI, có thể đảo chiều bất kỳ lúc nào	
6	30/10	CCL	MUA	7.2	8.0 6.5	Mở	6.89	-3.6%	30/10	Sideway	Test thành công đường SMA(100). MACD bắt đầu cắt lên trên đường tín hiệu. Xu hướng phục	
7	29/10	DXG	MUA	16.1	17.5 15.3	Mở	16.2	0.6%	29/10	Sideway	Nhịp điều chỉnh có khả năng đã kết thúc và xu hướng tăng sẽ được khôi phục	
8	29/10	HPG	MUA	22.2	23.5 21.2	Mở	22	-0.9%	29/10	Tăng	Vượt lên trên hai đường EMA(26) và EMA(45) để hình thành xu hướng tăng. KLGD có sự gia tăng	
9	29/10	DBD	BÁN	53.2	50.0 55.5	Đóng	57	-7.1%				
10	28/10	CII	BÁN	23.9	22.5 24.8	Mở	24	-0.4%	04/11	Tăng	Được hỗ trợ tại vùng 23.5 và hồi phục nhưng vẫn sẽ chịu áp lực cản trước ngưỡng 25.5	
11	25/10	GTN	MUA	20.8	24.3 19.4	Mở	21.65	4.1%	07/11	Tăng	Xu hướng tích cực và dẫn tăng trong ngắn hạn	
12	25/10	HT1	MUA	16.6	18.0 15.5	Mở	16.6	0.3%	25/10	Tăng	Bứt phá thành công khỏi ngưỡng kháng cự mạnh 16	
13	24/10	ANV	MUA	26.2	28.5 25.3	Mở	25.8	-1.5%	24/10	Sideway	Bắt đầu đi vào xu hướng tăng mới.	
14	24/10	CTG	MUA	21.5	22.5 20.6	Mở	22.3	4.0%	07/11	Sideway	Chạm trendline trên và đuối sức. Điều chỉnh ngắn hạn.	
15	24/10	GVR	MUA	13.6	14.8 13.0	Mở	14.092	3.6%	24/10	Sideway	Dấu hiệu đảo chiều sau khi tích lũy trên nền giá 13.	
16	24/10	HAH	Mua	14.3	15.9 13.9	Đóng	12.9	-9.8%				
17	24/10	HDB	MUA	28.3	30.0 27.0	Mở	29.1	3.0%	07/11	Sideway	Dấu hiệu điều chỉnh ngắn hạn.	

Thông tin về chứng quyền (15)

(bảng 1) ITM : OTM = 11 : 4

Thông tin về chứng khoán cơ sở (4)

										Khuyến nghị Giao dịch					Khuyến nghị Đầu tư				
CW	Loại Kỳ hạn	Thị giá 06/11 (PH)	Tăng/Giảm	Giá thực hiện quyền	Giá t/h quyền + CW	Giá Kỳ vọng	Định giá CW với giả định giá cp đạt mục tiêu khi đáo hạn	Ngày GD cuối cùng	CK	Thị giá 06/11	VNIndex 1Thg: +3.8%	Xu hướng hiện tại	Khuyến nghị	Kỳ vọng 2 tuần	Nhận định kỹ thuật	Khuyến nghị (ngày)	Mục tiêu 1Y	EPS -> P/E (f)	
1	CDPM1901 KIS Chuyển đổi: 1:1	Call 4T (1.9)	1N: +0.6% PH: -16.8%	13.99 (OTM)	15.57	HT: -11.7% ĐT: +5.3%	HT: 0 ĐT: 2.41	Bỏ quyền	07/01	DPM	13.8	1N: +0.7% 1Thg: -2.8% Beta: 0.69	Sideway 07/11		Dấu hiệu downtrend vẫn tiếp tục.	Mua 01/11	16.4 +19.3%	0.7 -> 19.2	
2	CFPT1903 SSI Chuyển đổi: 1:1	Call 6T (6)	1N: +0.7% PH: +156.7%	46.00 (ITM)	61.40	HT: -3.1% ĐT: +14%	HT: 13.5 ĐT: 24	Cắt lỗ	26/12	FPT	59.5	1N: -0.5% 1Thg: +4.8% Beta: 1.42	Sideway 25/10		Kiểm tra lại vùng đỉnh cũ, kênh giá tăng vẫn đang được giữ vững	Mua 01/11	70.0 +17.6%	4.9 -> 12.2	
3	CFPT1904 MBS Chuyển đổi: 3:1	Call 3T (1.7)	1N: -2.8% PH: +44.1%	52.00 (ITM)	59.35	HT: +0.3% ĐT: +17.9%	HT: 2.5 ĐT: 6	Thực hiện quyền	19/11	FPT									
4	CFPT1905 SSI Chuyển đổi: 1:1	Call 6.5T (9.9)	1N: +0.9% PH: +9.6%	55.00 (ITM)	65.85	HT: -9.6% ĐT: +6.3%	HT: 4.5 ĐT: 15	Cắt lỗ	20/04	FPT									
5	CFPT1906 HSC Chuyển đổi: 5:1	Call 6T (1.7)	1N: -2% PH: +15.3%	57.00 (ITM)	66.80	HT: -10.9% ĐT: +4.8%	HT: 0.5 ĐT: 2.6	Cắt lỗ	06/04	FPT									
6	CFPT1907 VNDS Chuyển đổi: 2:1	Call 3T (4.2)	1N: -0.2% PH: +5%	53.00 (ITM)	61.82	HT: -3.8% ĐT: +13.2%	HT: 3.25 ĐT: 8.5	Cắt lỗ	07/01	FPT									
7	CHPG1902 KIS Chuyển đổi: 5:1	Call 6T (1)	1N: -12.5% PH: -93%	42.00 (OTM)	42.35	HT: -48.1% GD: -44.5% ĐT: -29.9%	HT: 0 GD: 0 ĐT: 0	Bỏ quyền	09/12	HPG	22.0	1N: +0.5% 1Thg: +3% Beta: 0.66	Tăng 29/10	Mua 29/10	MT: 23.5 (+6.8%) Cắt lỗ: 21.2	Vượt lên trên hai đường EMA(26) và EMA(45) để hình thành xu hướng tăng. KLGD có sự gia tăng mạnh mẽ	Mua 01/11	29.7 +35%	2.9 -> 7.5
8	CHPG1905 SSI Chuyển đổi: 1:1	Call 6T (3.3)	1N: +1% PH: -70%	23.10 (OTM)	24.09	HT: -8.7% GD: -2.4% ĐT: +23.3%	HT: 0 GD: 0.4 ĐT: 6.6	Bỏ quyền	26/12	HPG									
9	CHPG1906 KIS Chuyển đổi: 2:1	Call 3T (1.5)	1N: 0% PH: -98%	28.09 (OTM)	28.15	HT: -21.8% GD: -16.5% ĐT: +5.5%	HT: 0 GD: 0 ĐT: 0.81	Bỏ quyền	14/11	HPG									
10	CHPG1907 SSI Chuyển đổi: 1:1	Call 6.5T (4.2)	1N: -7.4% PH: -7.4%	21.00 (ITM)	24.89	HT: -11.6% GD: -5.6% ĐT: +19.3%	HT: 1 GD: 2.5 ĐT: 8.7	Cắt lỗ	20/04	HPG									
11	CMBB1902 HSC Chuyển đổi: 1:1	Call 6T (3.2)	1N: +5.1% PH: +29.7%	21.80 (ITM)	25.95	HT: -9.2% ĐT: +9.8%	HT: 1.75 ĐT: 6.7	Cắt lỗ	13/12	MBB	23.6	1N: +1.3% 1Thg: +4% Beta: 1.11	Sideway 06/11		Dao động tích lũy trong biên độ hẹp 22.5-23.5. Đường EMA(26) vẫn đang hỗ trợ tốt cho đà tăng.	Mua 01/11	28.5 +21%	3.1 -> 7.6	
12	CMBB1903 SSI Chuyển đổi: 1:1	Call 6.5T (4)	1N: +2.8% PH: +2.3%	22.00 (ITM)	26.09	HT: -9.7% ĐT: +9.2%	HT: 1.55 ĐT: 6.5	Cắt lỗ	20/04	MBB									
13	CMBB1904 SSI Chuyển đổi: 1:1	Call 3.5T (2.9)	1N: +2.9% PH: +10.3%	22.00 (ITM)	25.20	HT: -6.5% ĐT: +13.1%	HT: 1.55 ĐT: 6.5	Cắt lỗ	20/01	MBB									
14	CMBB1905 HSC Chuyển đổi: 2:1	Call 6T (1.7)	1N: +6.3% PH: +8.8%	23.00 (ITM)	26.70	HT: -11.8% ĐT: +6.7%	HT: 0.28 ĐT: 2.75	Cắt lỗ	06/04	MBB									
15	CMBB1906 VNDS Chuyển đổi: 2:1	Call 3T (2.1)	1N: +1.3% PH: +9.5%	20.00 (ITM)	24.60	HT: -4.3% ĐT: +15.9%	HT: 1.78 ĐT: 4.25	Cắt lỗ	07/01	MBB									

PH: giá phát hành CW, HT: giá cp hiện tại, GD: giá mục tiêu cp theo PTKT, ĐT: giá mục tiêu cp theo PTCTB

Những tính toán bên trên chưa bao gồm các loại phí và thuế...

Quyền chỉ được thực hiện khi trạng thái là ITM, trường hợp ở trạng thái OTM hoặc ATM, quyền tự động bị hủy.

Do đó nếu muốn nắm CW đến đáo hạn, chỉ nên theo dõi các mã có trạng thái ITM.

Thông tin về chứng quyền (15)

(bảng 2) ITM : OTM = 12 : 3

Thông tin về chứng khoán cơ sở (7)

Khuyến nghị Giao dịch

Khuyến nghị Đầu tư

CW	Loại Kỳ hạn	Thị giá 06/11 (PH)	Tăng/Giảm	Giá thực hiện quyền	Giá t/h quyền + CW	Giá Kỳ vọng	Định giá CW với giá định giá cp đạt mục tiêu khi đáo hạn	Ngày GD cuối cùng	CK	Thị giá 06/11	VNIndex 1Thg: +3.8%	Xu hướng hiện tại	Khuyến nghị	Kỳ vọng 2 tuần	Nhận định kỹ thuật	Khuyến nghị (ngày)	Mức tiêu 1Y	EPS -> P/E (f)
16 CMSN1901 KIS Chuyển đổi: 5:1	Call 3T	0.08 (1.92)	1N: -33.3% PH: -95.8%	88.89 (OTM)	89.29	HT: -14.9%	HT: 0	Bỏ quyền	14/11	MSN	76.0 1N: 0% 1Thg: -1.8% Beta: 1.31	Sideway 07/11			Nhập hồi phục yếu và đang quay đầu xu hướng giảm chính.			
17 CMWG1902 VNDS Chuyển đổi: 4:1	Call 6T	8.78 (2.99)	1N: -1.5% PH: +193.6%	90.00 (ITM)	125.12	HT: -0.4%	HT: 8.65	Cắt lỗ	09/12	MWG	124.6 1N: -0.8% 1Thg: +1.3% Beta: 1.1	Sideway 31/10			Có nhiều dấu hiệu cho thấy sự suy yếu. Khả năng cao sẽ có nhịp điều chỉnh.	Mua 01/11	167.0 +34%	8.6 -> 14.5
18 CMWG1903 HSC Chuyển đổi: 5:1	Call 6T	6.28 (2.7)	1N: -3.4% PH: +132.6%	95.00 (ITM)	126.40	HT: -1.4%	HT: 5.92	Cắt lỗ	24/12	MWG								
19 CMWG1904 SSI Chuyển đổi: 1:1	Call 6T	36.01 (14)	1N: -6% PH: +157.2%	90.00 (ITM)	126.01	HT: -1.1%	HT: 34.6	Cắt lỗ	26/12	MWG								
20 CMWG1905 VCSC Chuyển đổi: 5:1	Call 3T		1N: -100% PH: -100%	94.00 (ITM)	94.00	HT: +32.6%	HT: 6.12	Thực hiện quyền	05/12	MWG								
21 CMWG1906 MBS Chuyển đổi: 5:1	Call 3T	2.39 (2.85)	1N: -4.4% PH: -16.1%	120.90 (ITM)	132.85	HT: -6.2%	HT: 0.74	Cắt lỗ	12/12	MWG								
22 CMWG1907 HSC Chuyển đổi: 10:1	Call 6T	1.82 (1.9)	1N: -4.2% PH: -4.2%	125.00 (OTM)	143.20	HT: -13%	HT: 0	Bỏ quyền	06/04	MWG								
23 CNVL1901 KIS Chuyển đổi: 4:1	Call 5T	1.74 (1.9)	1N: -1.7% PH: -8.4%	62.09 (OTM)	69.05	HT: -15%	HT: 0	Bỏ quyền	05/02	NVL	58.7 1N: +0.3% 1Thg: -7.7% Beta: 0.3	Sideway 01/11			Nhập giảm điểm đang tạm dừng quanh hỗ trợ 59			
24 CREE1901 MBS Chuyển đổi: 3:1	Call 3T	0.35 (1.26)	1N: -20.5% PH: -72.2%	37.55 (ITM)	38.60	HT: -1.8%	HT: 0.12	Cắt lỗ	19/11	REE	37.9 1N: 0% 1Thg: +1.3% Beta: 1.01	Tăng 30/10			Điều chỉnh kết thúc, xu hướng tăng ngắn hạn hình thành	Mua 01/11	43.3 +14.2%	5.2 -> 7.3
25 CREE1902 SSI Chuyển đổi: 1:1	Call 3.5T	4.91 (5.6)	1N: -4.1% PH: -12.3%	36.00 (ITM)	40.91	HT: -7.4%	HT: 1.9	Cắt lỗ	20/01	REE								
26 CREE1903 SSI Chuyển đổi: 1:1	Call 6.5T	7.12 (7.6)	1N: -5.4% PH: -6.3%	36.00 (ITM)	43.12	HT: -12.1%	HT: 1.9	Cắt lỗ	20/04	REE								
27 CREE1904 VNDS Chuyển đổi: 2:1	Call 3T	2.96 (3.4)	1N: -8.9% PH: -12.9%	34.00 (ITM)	39.92	HT: -5.1%	HT: 1.95	Cắt lỗ	07/01	REE								
28 CSTB1901 KIS Chuyển đổi: 1:1	Call 4T	1.39 (1.39)	1N: -0.7% PH: 0%	10.89 (ITM)	12.28	HT: -10.4% GD: -5.5%	HT: 0.11 GD: 0.71	Cắt lỗ	07/01	STB	11.0 1N: +0.5% 1Thg: +5.8% Beta: 0.55	Sideway 05/11	Mua 05/11	MT: 11.6 (+5.5%) Cắt lỗ: 10.6	Điều chỉnh về mốc Fibonacci Retracement 50% và có dấu hiệu tăng trở lại			
29 CTCB1901 MBS Chuyển đổi: 2:1	Call 3T	1.70 (1.68)	1N: -1.2% PH: +1.2%	23.50 (ITM)	26.90	HT: -8%	HT: 0.63	Cắt lỗ	15/01	TCB	24.8 1N: 0% 1Thg: +4.9% Beta: 1.39	Tăng 07/11			Đang bị cản và có thể điều chỉnh nhẹ nhưng xu hướng chung vẫn tích cực			
30 CVHM1901 KIS Chuyển đổi: 4:1	Call 5T	5.05 (3.1)	1N: +3.3% PH: +62.9%	89.89 (ITM)	110.09	HT: -9.7%	HT: 2.38	Cắt lỗ	05/02	VHM	99.4 1N: +1.5% 1Thg: +11.4% Beta: 1.68	Tăng 06/11			Vượt đỉnh lịch sử. Xu hướng tăng vẫn đang mạnh.	Khả quan 26/08 (#1)	102.0 +2.6%	6.1 -> 16.4

PH: giá phát hành CW, HT: giá cp hiện tại, GD: giá mục tiêu cp theo PTKT, ĐT: giá mục tiêu cp theo PTCB

Những tính toán bên trên chưa bao gồm các loại phí và thuế...

Quyền chỉ được thực hiện khi trạng thái là ITM, trường hợp ở trạng thái OTM hoặc ATM, quyền tự động bị hủy.

Do đó nếu muốn nắm CW đến đáo hạn, chỉ nên theo dõi các mã có trạng thái ITM.

Thông tin về chứng quyền (10)

(bảng 3) ITM : OTM = 4 : 6

Thông tin về chứng khoán cơ sở (5)

										Khuyến nghị Giao dịch				Khuyến nghị Đầu tư				
										VNIndex 1Thg: +3.8%								
CW	Loại Kỳ hạn	Thị giá 06/11 (PH)	Tăng/Giảm	Giá thực hiện quyền	Giá t/h quyền + CW	Giá Kỳ vọng	Định giá CW với giả định giá cp đạt mục tiêu khi đáo hạn	Ngày GD cuối cùng	CK	Thị giá 06/11	Xu hướng hiện tại	Khuyến nghị	Kỳ vọng 2 tuần	Nhận định kỹ thuật	Khuyến nghị (ngày)	Mục tiêu 1Y	EPS -> P/E (f)	
31	CVHM1902 SSI Chuyển đổi: 1:1	Call 6.5T 24.50 (18.6)	1N: +4.9% PH: +31.7%	85.00 (ITM)	109.50	HT: -9.2% ĐT: -6.8%	HT: 14.4 ĐT: 17	Cắt lỗ	20/04	VHM	99.4	1N: +1.5% 1Thg: +11.4% Beta: 1.68	Tăng		Vượt đỉnh lịch sử. Xu hướng tăng vẫn đang mạnh.	Khả quan 26/08 (#1)	102.0 +2.6%	6.1 -> 16.4
32	CVIC1901 KIS Chuyển đổi: 5:1	Call 3T 0.05 (1.96)	1N: -37.5% PH: -97.4%	140.89 (OTM)	141.14	HT: -13.6% ĐT: -24.4%	HT: 0 ĐT: 0	Bỏ quyền	14/11	VIC	121.9	1N: +0.3% 1Thg: +3.3% Beta: 1.18	Tăng		Sau một thời gian sideways trong biên độ hẹp thì đã bắt đầu tăng tốc đi lên.	Giảm 01/11	106.7 -12.5%	1.6 -> 77.5
33	CVIC1902 SSI Chuyển đổi: 1:1	Call 6.5T 22.53 (22.7)	1N: +4.8% PH: -0.7%	115.00 (ITM)	137.53	HT: -11.4% ĐT: -22.4%	HT: 6.9 ĐT: 0	Cắt lỗ	20/04	VIC								
34	CVJC1901 KIS Chuyển đổi: 10:1	Call 5T 2.69 (1.8)	1N: -4.6% PH: +49.4%	145.68 (OTM)	172.58	HT: -16.8% ĐT: -20%	HT: 0 ĐT: 0	Bỏ quyền	26/02	VJC	143.5	1N: -1.5% 1Thg: +4.3% Beta: 0.67	Sideway	07/11	Nhịp tăng kết thúc và đang điều chỉnh trong ngắn hạn về 133.	Nắm giữ 01/11	138.0 -3.8%	10 -> 14.3
35	CVJC1902 SSI Chuyển đổi: 1:1	Call 6.5T 29.50 (27.9)	1N: -5.1% PH: +5.7%	130.00 (ITM)	159.50	HT: -10% ĐT: -13.5%	HT: 13.5 ĐT: 8	Cắt lỗ	20/04	VJC								
36	CVNM1901 KIS Chuyển đổi: 10:1	Call 6T 0.33 (1.2)	1N: -2.9% PH: -72.5%	158.89 (OTM)	162.19	HT: -19.8% ĐT: -17.4%	HT: 0 ĐT: 0	Bỏ quyền	11/12	VNM	130.1	1N: +0.7% 1Thg: +1.2% Beta: 0.16	Sideway	07/11	Chạm ngưỡng kháng cự 135 và điều chỉnh ngắn hạn.	Tích lũy 01/11	134.0 +3%	5.6 -> 23.3
37	CVNM1902 KIS Chuyển đổi: 10:1	Call 6T 2.61 (1.84)	1N: +1.2% PH: +41.8%	133.33 (OTM)	159.43	HT: -18.4% ĐT: -16%	HT: 0 ĐT: 0.07	Bỏ quyền	26/03	VNM								
38	CVNM1903 SSI Chuyển đổi: 1:1	Call 6.5T 26.60 (26.6)	1N: +3.3% PH: 0%	120.00 (ITM)	146.60	HT: -11.3% ĐT: -8.6%	HT: 10.1 ĐT: 14	Cắt lỗ	20/04	VNM								
39	CVNM1904 HSC Chuyển đổi: 10:1	Call 6T 1.73 (1.9)	1N: +1.8% PH: -8.9%	133.00 (OTM)	150.30	HT: -13.4% ĐT: -10.8%	HT: 0 ĐT: 0.1	Bỏ quyền	06/04	VNM								
40	CVRE1901 KIS Chuyển đổi: 2:1	Call 3T 0.07 (1.9)	1N: -36.4% PH: -96.3%	40.89 (OTM)	41.03	HT: -14.3% ĐT: -6%	HT: 0 ĐT: 0	Bỏ quyền	14/11	VRE	35.2	1N: -1.3% 1Thg: +10.2% Beta: 1.59	Tăng	04/11	Vượt vùng cản 33.5 tạo nhịp hồi phục hướng về vùng kháng cự 37.5	Tích lũy 01/11	38.6 +9.7%	1.3 -> 28

ĐẦU TƯ

Số cổ phiếu **54**



DANH MỤC PTĐT RỒNG VIỆT

Tổng giá trị vốn hóa danh mục chiếm tỷ trọng 44.1% toàn thị trường
22 cp có giá mục tiêu lớn hơn thị giá ít nhất 20%
Top3 kỳ vọng: LHG (+63%), PAC (+43%) & PC1 (+41%)

DANH MỤC TVCN RỒNG VIỆT

Tổng giá trị vốn hóa danh mục chiếm tỷ trọng 1.2% toàn thị trường
4 cp có giá mục tiêu lớn hơn thị giá ít nhất 20%
Top kỳ vọng: TCW (+83%), WSB (+54%) & HAH (+41%)

CHỨNG KHOÁN HÔM NAY

Nhóm ngành (L4): Nuôi trồng nông & hải sản

Đứng thứ 16/85 ngành về quy mô vốn hóa

Tổng giá trị vốn hóa: 62 735 tỷ đồng

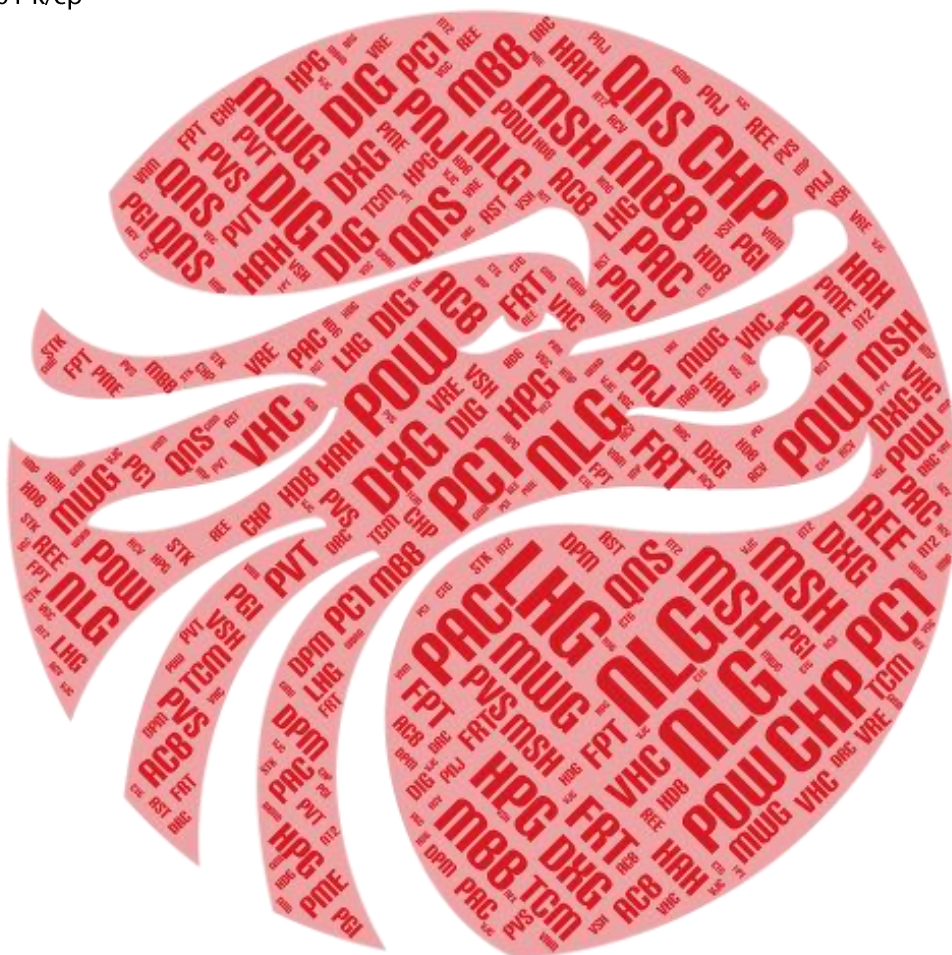
Cổ phiếu hôm nay: VHC

Thủy sản Vĩnh Hoàn, Ngành: Nuôi trồng nông & hải sản, Mid cap, Thanh khoản: Trung bình, Khuyến nghị: Mua, Giá mục tiêu của Rồng Việt: 101 k/cp

BCTC cập nhật đến 30/09/2019

Tổng số BCTC được cập nhật

979



ĐẦU TƯ ► DANH MỤC PTĐT

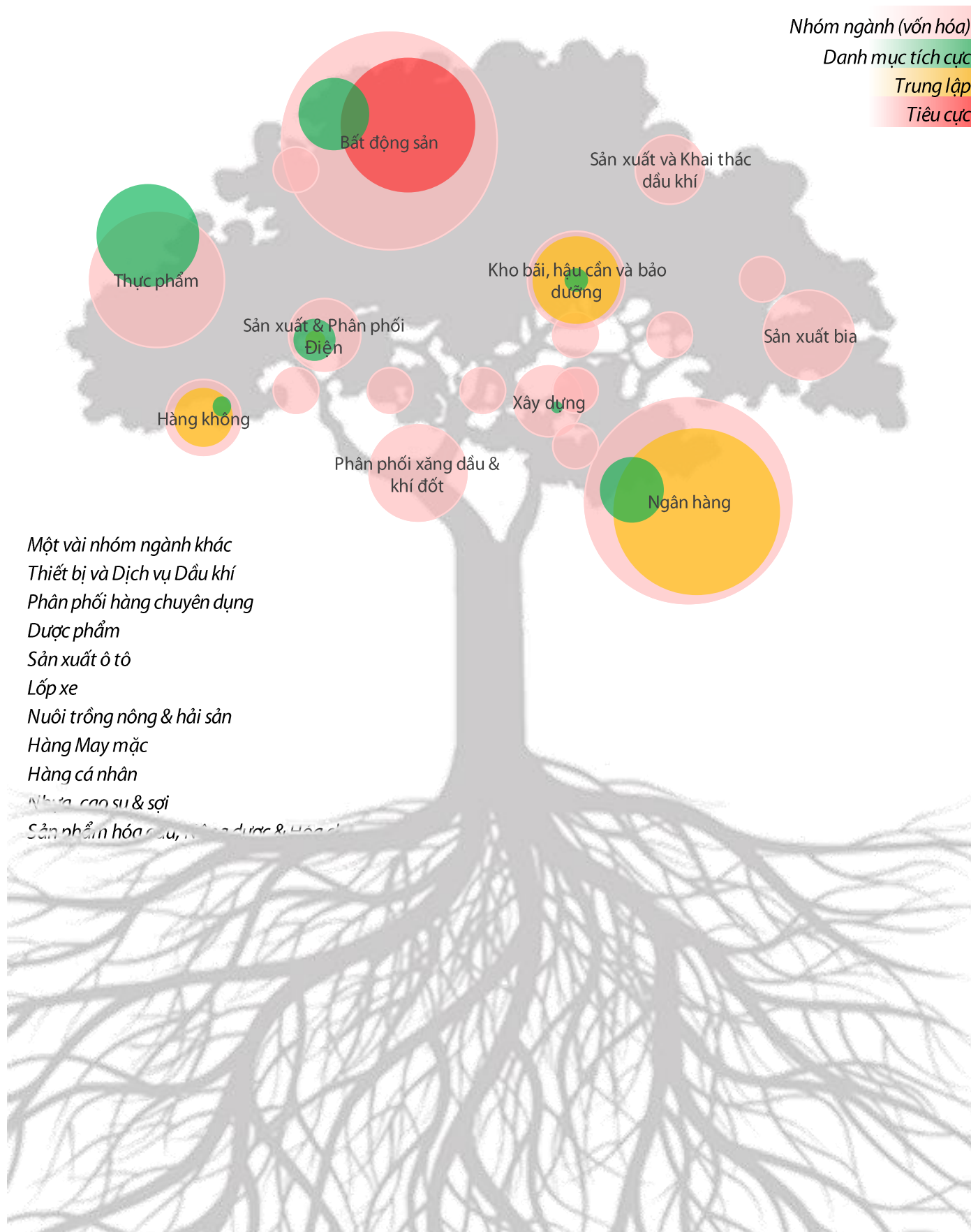
Danh mục Đầu tư Rong Việt trong Top10 ngành lớn nhất thị trường

Nhóm ngành (vốn hóa)

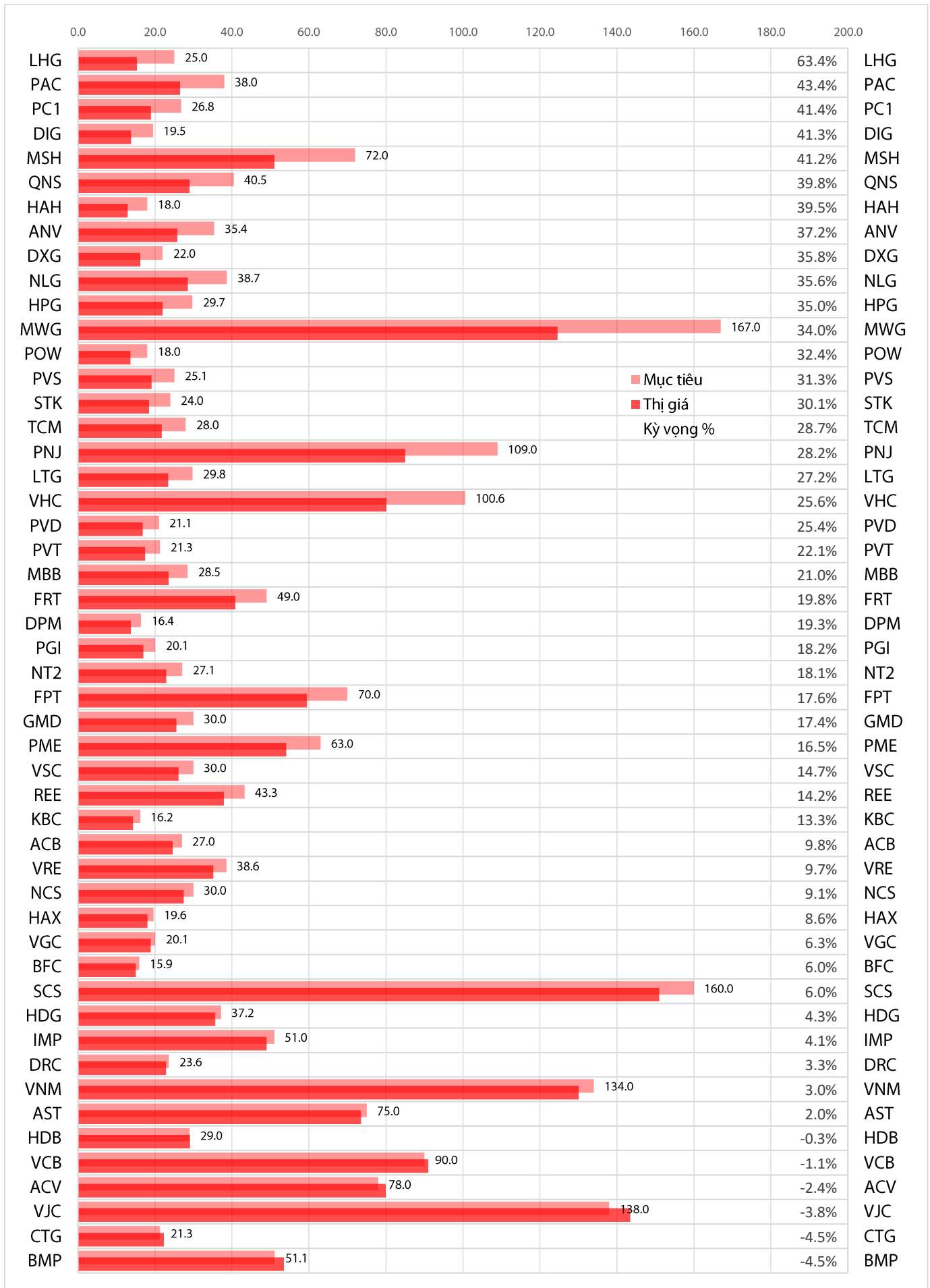
Danh mục tích cực

Trung lập

Tiêu cực



ĐẦU TƯ ▶ DANH MỤC PTĐT ▶ GIÁ MỤC TIÊU & KỶ VỌNG



ĐẦU TƯ ► DANH MỤC PTĐT ► DỰ PHÓNG DOANH THU

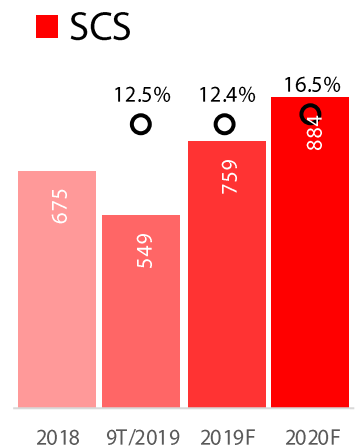
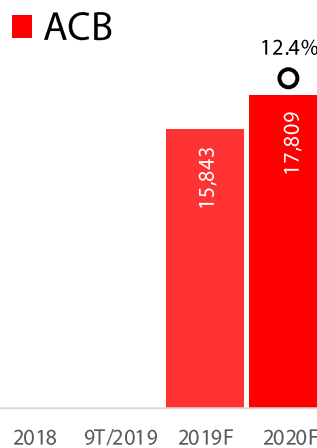
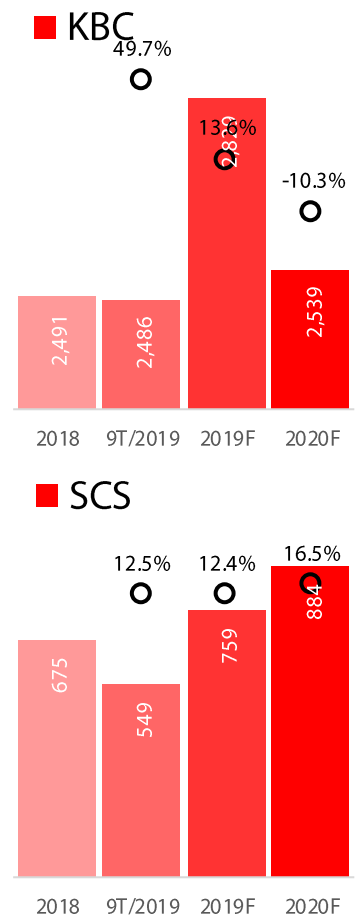
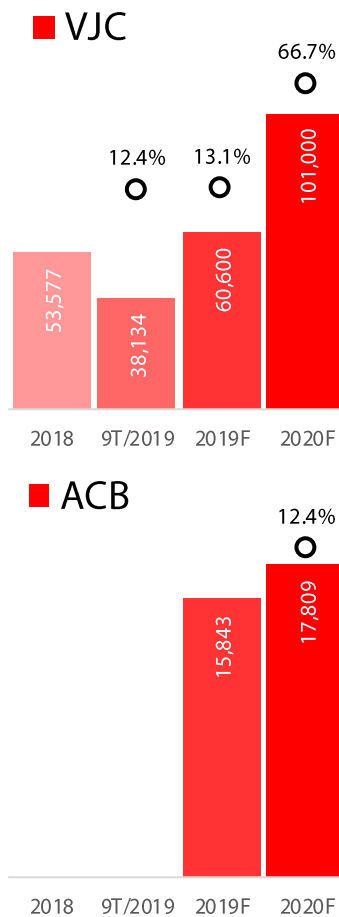
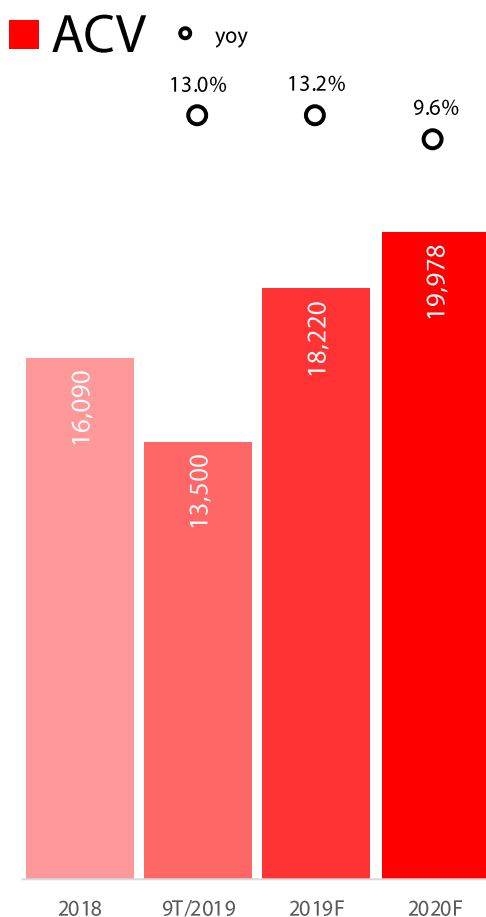
Top20 dự phóng tăng trưởng Doanh thu 2019F

Stt	CK			Nhóm vốn hóa	DT 2019F yoy	LNST cty yoy mẹ2019F	EPS 2019F
1	HDG	HOSE	Bất động sản	Mid cap	4,744 48.1%	654 7.7%	5.5
2	CTG	HOSE	Ngân hàng	Tỷ USD	39,269 36.6%	8,002 47.6%	1.6
3	AST	HOSE	Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	Mid cap	1,146 32.5%	198 23.3%	4.4
4	BID	HOSE	Ngân hàng	Tỷ USD	48,199 23.5%	7,583 11.7%	1.7
5	FPT	HOSE	Phần mềm	Tỷ USD	28,598 23.2%	3,319 26.9%	4.9
6	MBB	HOSE	Ngân hàng	Tỷ USD	24,060 23.1%	7,588 23.4%	3.1
7	PC1	HOSE	Xây dựng	Mid cap	6,197 22.2%	407 -11.6%	2.3
8	MWG	HOSE	Phân phối hàng chuyên dụng	Tỷ USD	105,327 21.7%	3,888 35.0%	8.6
9	HPG	HOSE	Thép và sản phẩm thép	Tỷ USD	67,968 19.7%	8,612 -2.6%	2.9
10	VCB	HOSE	Ngân hàng	Tỷ USD	47,022 19.7%	18,698 27.7%	4.5
11	PVS	HNX	Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	Mid cap	17,258 17.9%	1,130 7.9%	2.3
12	PNJ	HOSE	Hàng cá nhân	Large cap	17,043 16.9%	1,156 20.4%	4.8
13	HDB	HOSE	Ngân hàng	Tỷ USD	10,828 14.7%	3,340 17.5%	3.4
14	MSH	HOSE	Hàng May mặc	Mid cap	4,497 13.8%	433 17.0%	8.2
15	ACV	UPCOM	Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	Tỷ USD	18,220 13.2%	7,147 16.5%	3.0
16	VJC	HOSE	Hàng không	Tỷ USD	60,600 13.1%	6,778 27.0%	10.0
17	KBC	HOSE	Bất động sản	Mid cap	2,829 12.9%	847 13.3%	1.8
18	ACB	HNX	Ngân hàng	Tỷ USD	15,843 12.9%	6,038 17.5%	3.6
19	SCS	HOSE	Hàng không	Mid cap	759 12.4%	478 14.9%	8.9
20	FRT	HOSE	Phân phối hàng chuyên dụng	Mid cap	17,195 12.4%	385 10.6%	4.7
					tỷ đồng	tỷ đồng	k/cp

tỷ đồng

tỷ đồng

k/cp



ĐẦU TƯ ► DANH MỤC PTĐT ► DỰ PHÓNG LỢI NHUẬN

Top20 dự phóng tăng trưởng LNST cổ đông cty mẹ 2019F

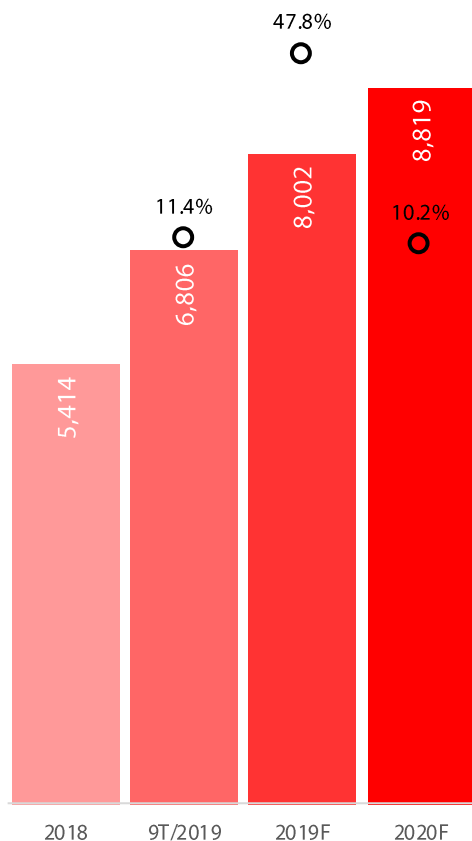
Stt	CK			Nhóm vốn hóa	DT 2019F yoy	LNST cty yoy mẹ 2019F	EPS 2019F
1	PHR	HOSE	Nhựa, cao su & sợi	Mid cap	1,497 -9.4%	1,018 211.4%	6.1
2	VIC	HOSE	Bất động sản	Tỷ USD	131,946 7.6%	5,020 50.0%	1.6
3	CTG	HOSE	Ngân hàng	Tỷ USD	39,269 36.6%	8,002 47.6%	1.6
4	POW	HOSE	Sản xuất & Phân phối Điện	Tỷ USD	34,111 4.4%	2,441 45.6%	1.0
5	MWG	HOSE	Phân phối hàng chuyên dụng	Tỷ USD	105,327 21.7%	3,888 35.0%	8.6
6	NLG	HOSE	Bất động sản	Mid cap	3,263 -8.2%	972 27.8%	3.8
7	VCB	HOSE	Ngân hàng	Tỷ USD	47,022 19.7%	18,698 27.7%	4.5
8	VJC	HOSE	Hàng không	Tỷ USD	60,600 13.1%	6,778 27.0%	10.0
9	FPT	HOSE	Phần mềm	Tỷ USD	28,598 23.2%	3,319 26.9%	4.9
10	DIG	HOSE	Bất động sản	Mid cap	2,131 -9.2%	403 26.5%	1.3
11	MBB	HOSE	Ngân hàng	Tỷ USD	24,060 23.1%	7,588 23.4%	3.1
12	AST	HOSE	Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	Mid cap	1,146 32.5%	198 23.3%	4.4
13	LTG	UPCOM	Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	Mid cap	8,498 -5.7%	504 22.9%	5.3
14	VRE	HOSE	Bất động sản	Tỷ USD	9,276 2.5%	2,927 21.7%	1.3
15	STK	HOSE	Hàng May mặc	Mid cap	2,533 5.2%	215 20.8%	2.7
16	PNJ	HOSE	Hàng cá nhân	Large cap	17,043 16.9%	1,156 20.4%	4.8
17	ACB	HNX	Ngân hàng	Tỷ USD	15,843 12.9%	6,038 17.5%	3.6
18	HDB	HOSE	Ngân hàng	Tỷ USD	10,828 14.7%	3,340 17.5%	3.4
19	MSH	HOSE	Hàng May mặc	Mid cap	4,497 13.8%	433 17.0%	8.2
20	ACV	UPCOM	Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	Tỷ USD	18,220 13.2%	7,147 16.5%	3.0
					tỷ đồng	tỷ đồng	k/cp

tỷ đồng

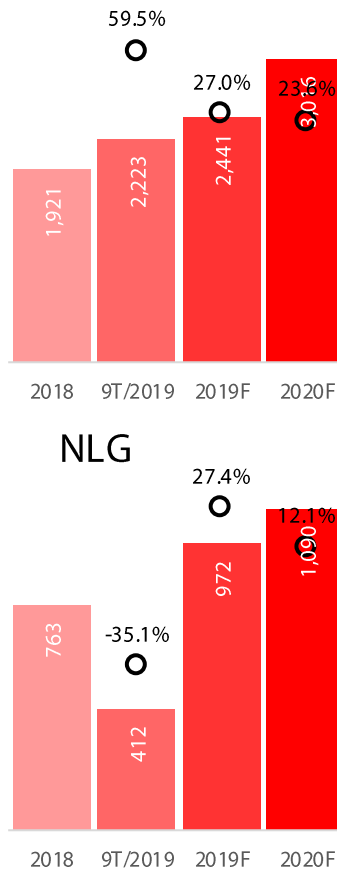
tỷ đồng

k/cp

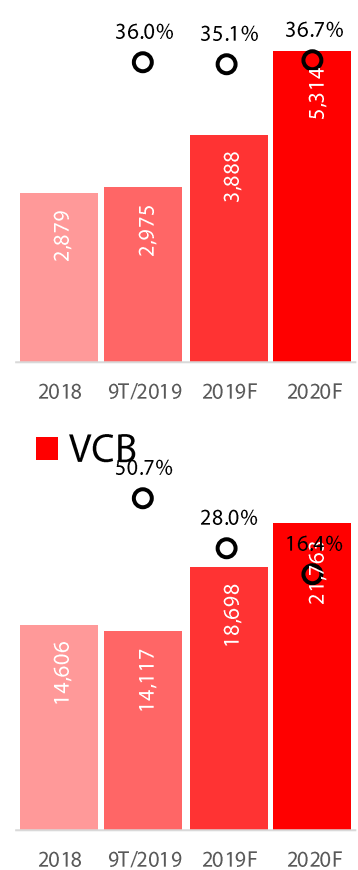
CTG • yoy



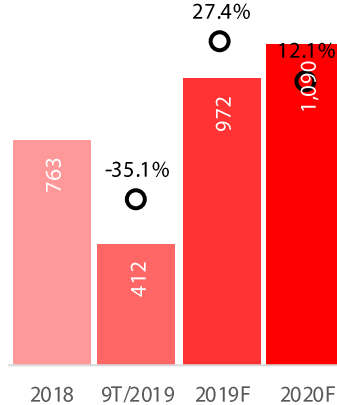
POW



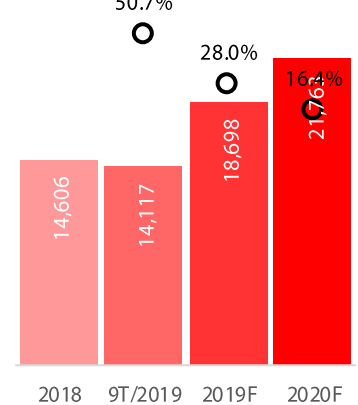
MWG



NLG

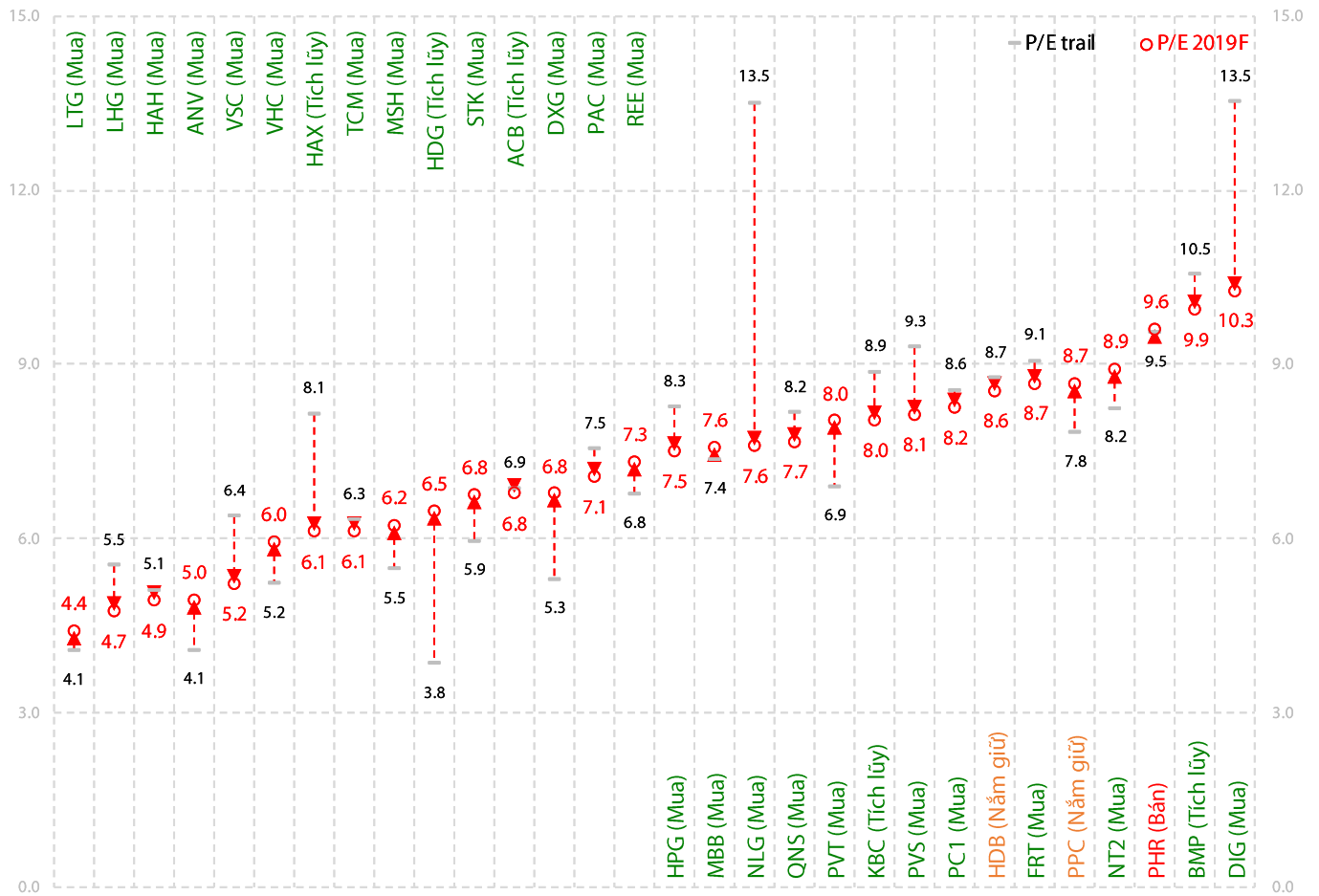


VCB

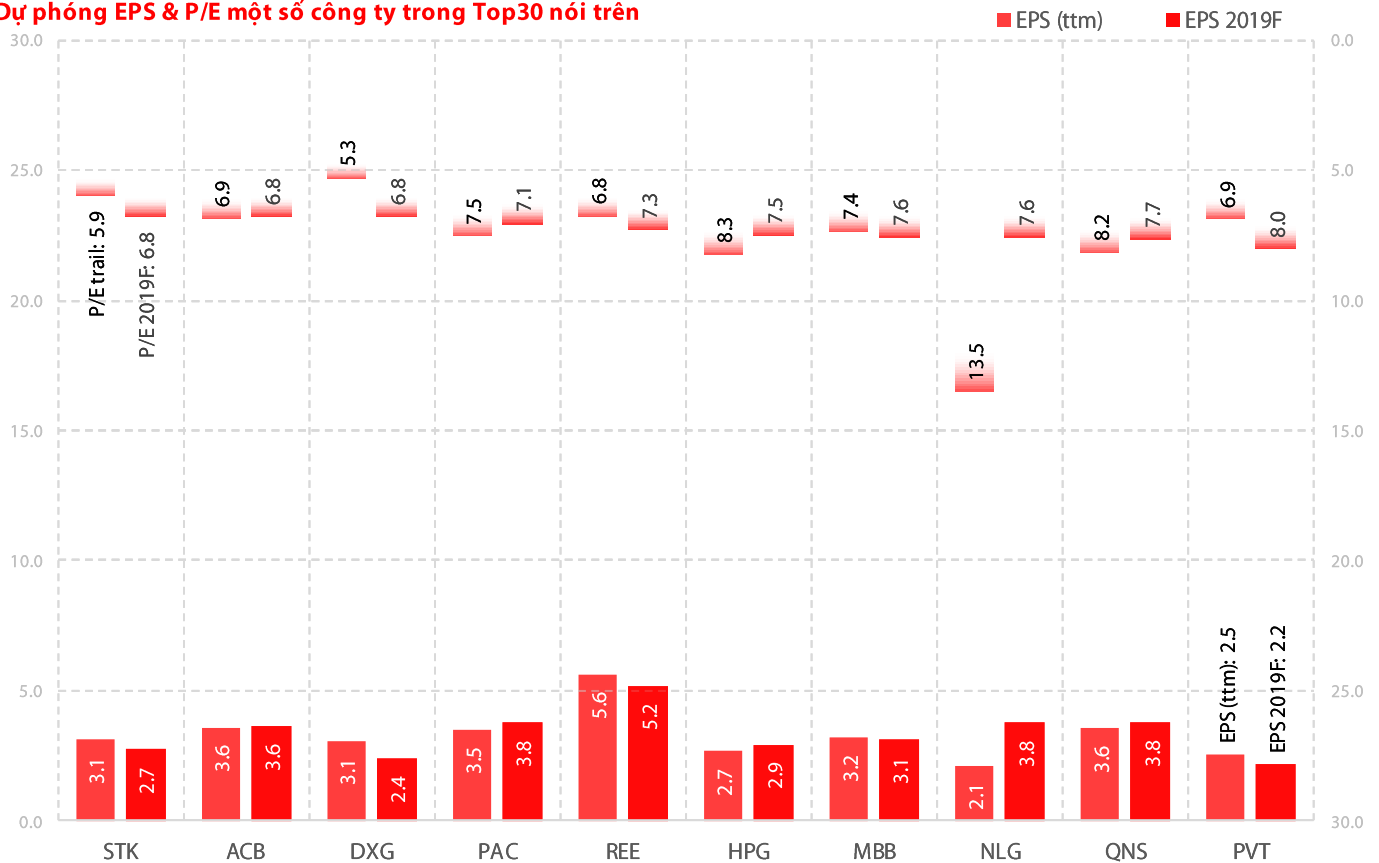


ĐẦU TƯ ▶ DANH MỤC PTĐT ▶ DỰ PHÓNG EPS & P/E

Top30 PE forward



Dự phóng EPS & P/E một số công ty trong Top30 nói trên



ĐẦU TƯ ► NHÓM NGÀNH HÔM NAY

Hàng Tiêu dùng

Thực phẩm và đồ uống

Sản xuất thực phẩm

Nuôi trồng nông & hải sản

Đứng thứ 16/85 ngành về quy mô vốn hóa

Tổng số cổ phiếu: 52

Tổng giá trị vốn hóa: 62 735 tỷ đồng

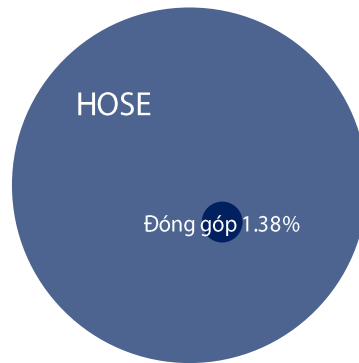
chiếm tỷ trọng 1.34% toàn thị trường

xung quanh tâm điểm **VHC**

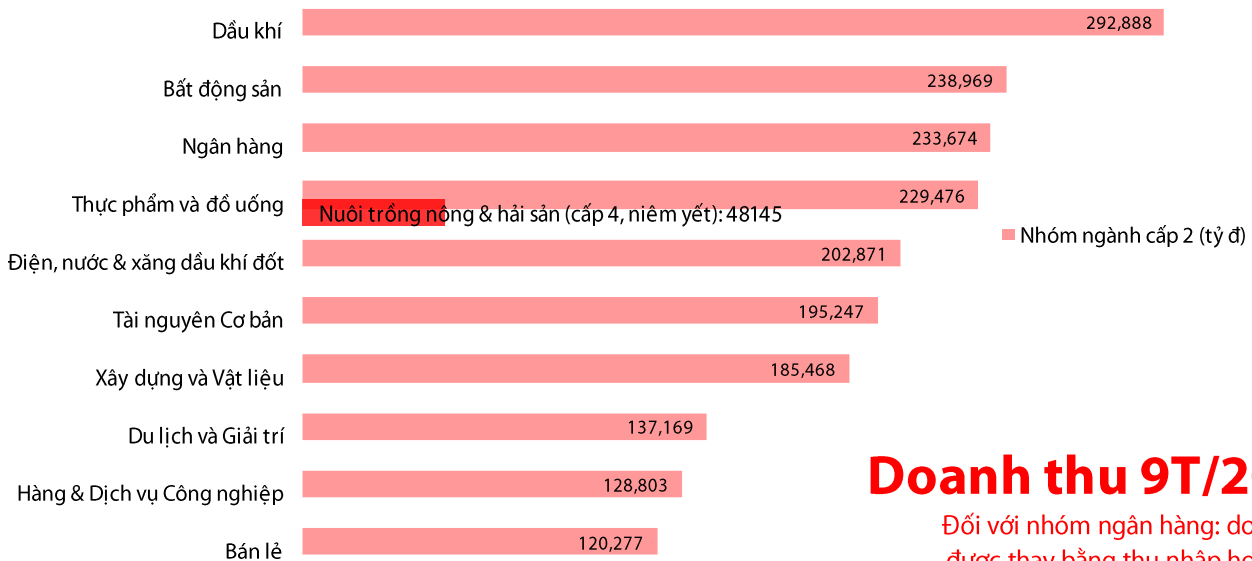
VHC xếp hạng 2 về GTTT

tỷ trọng đóng góp (vốn hóa)
của nhóm trên 3 sàn

Số lượng cp	HOSE	HNX	Upcom	Tổng
Nhóm Tỷ USD				
Large cap	1			1
Mid cap	10		3	13
Small cap	8	6	24	38
Tổng	19	6	27	52



28/52 công ty niêm yết trong ngành đã cập nhật số liệu tài chính đến 30/09/19

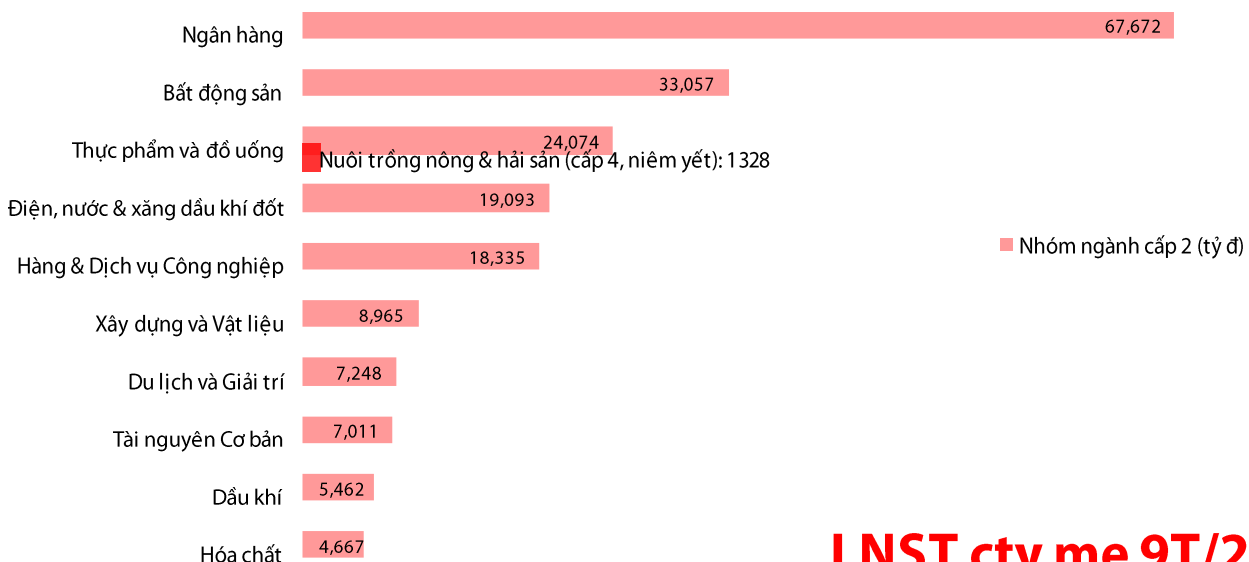


Doanh thu 9T/2019

Đối với nhóm ngân hàng: doanh thu được thay bằng thu nhập hoạt động.

979 công ty đã cập nhật số liệu tài chính đến 30/09/19, một số công ty khác sắp công bố BCTC.

Một số nhóm ngành bao gồm cả công ty OTC.

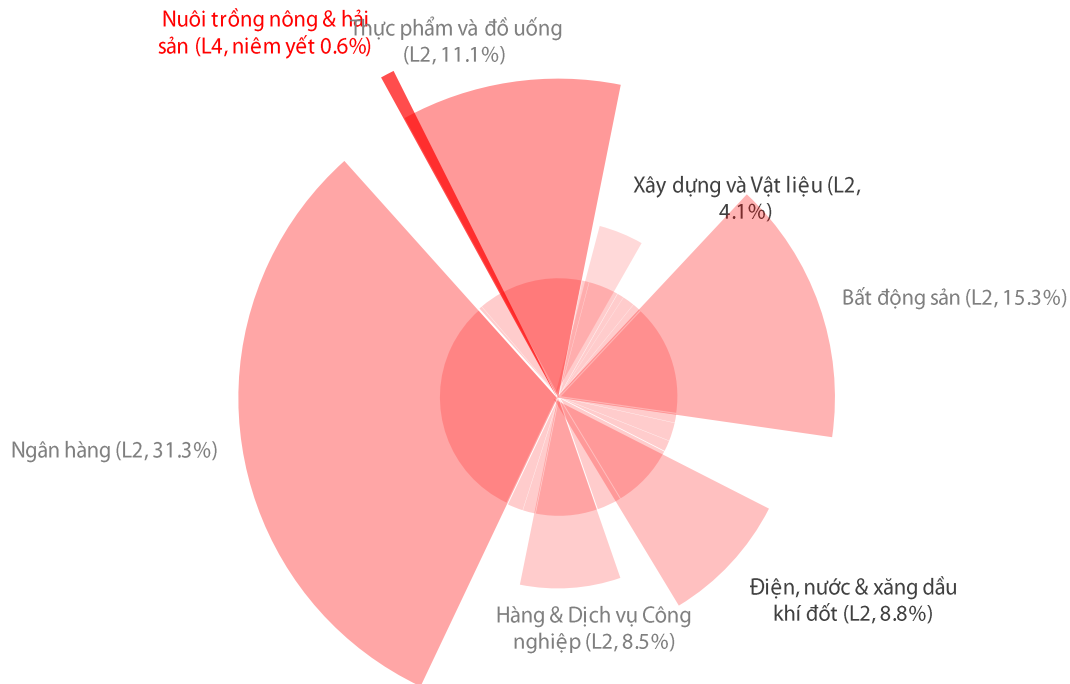


LNST cty mẹ 9T/2019

ĐẦU TƯ ► NHÓM NGÀNH HÔM NAY

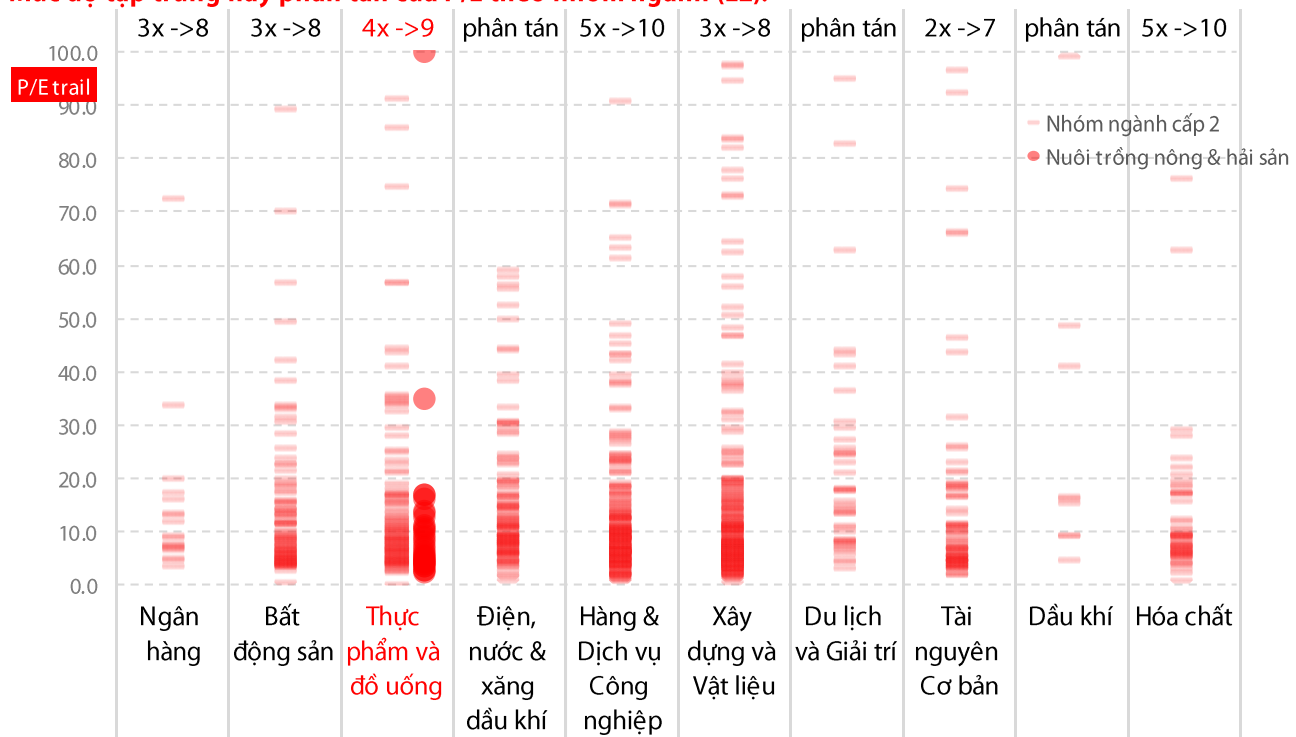
Thực phẩm và đồ uống (L2) -> Nuôi trồng nông & hải sản (L4)

Tỷ trọng ngành theo LNST cty mẹ 9T/2019



Phân bố P/E theo nhóm ngành (L2)

Mức độ tập trung hay phân tán của P/E theo nhóm ngành (L2):



ĐẦU TƯ ► NHÓM NGÀNH HÔM NAY

Nuôi trồng nông & hải sản

Khuyến nghị ĐT gần đây

D/s 10 cổ phiếu có mức vốn hóa xung quanh tâm điểm VHC

				GTĐT (tỷ đồng)	P/E trail	P/B	Khuyến nghị ĐT	Mục tiêu 1 năm	Kỳ vọng 1 năm
1	HNG	Nông nghiệp Quốc tế HAGL	HOSE	16,019		1.7			
2	VHC	Thủy sản Vinh Hoàn	HOSE	7,442	5.2	1.5	Mua	100.6	25.6%
3	GTN	GTNFOODS	HOSE	5,450		2.0			
4	PRT	Sản xuất - XNK Bình Dương	UPCOM	4,500	8.7	2.4			
5	MPC	Thủy sản Minh Phú	UPCOM	4,307	5.6	0.9	Tích lũy	38.0	70.6%
6	HAG	Hoàng Anh Gia Lai	HOSE	3,932		0.3			
7	ANV	Thủy sản Nam Việt	HOSE	3,216	4.1	1.5	Mua	35.4	37.2%
8	DBC	Tập đoàn DABACO	HOSE	2,123	13.3	0.8			
9	ASM	Tập đoàn Sao Mai	HOSE	1,680	3.5	0.4			
10	SEA	SEAPRODEX	UPCOM	1,639	9.4	0.8			

B/q ngành (trọng số vốn hóa) -> 7.7 1.4

HNG



Xếp hạng 1 (theo GTĐT)
trong ngành

~~14,450~~

14,850

Nông nghiệp Quốc tế HAGL
HOSE
Large cap
Thanh khoản Trung bình

EPS (ttm): -1.4
P/E trail: 0
BV: 8.7
P/B: 1.7

1N: +2.8%
1Thg: -2.3%
YTD: -7.2%

EPS (ttm): 0
P/E trail: 0
BV: 10.7
P/B: 2

GTNFOODS
HOSE
Mid cap
Thanh khoản Cao

OCT31:116.200.300

GTN



21,800

21,650

1N: -0.7%
YTD: +110.2%

EPS (ttm): 1.4
P/E trail: 8.7
BV: 6.1
P/B: 2.4

Sản xuất - XNK Bình Dương
UPCOM
Mid cap
Thanh khoản Thấp

PRT



15,000

1N: 0%
YTD: -11.8%

VHC



Thủy sản Vinh Hoàn
HOSE
Mid cap
Thanh khoản Trung bình

EPS (ttm): 15.4
P/E trail: 5.2
BV: 52.7
P/B: 1.5

81,800

80,100

1N: -2.1%
YTD: -13.8%

RongViet (01/11)

Mua



100,600 +25.6%

EPS (ttm): 4
P/E trail: 5.6
BV: 25.4
P/B: 0.9

Thủy sản Minh Phú
UPCOM
Mid cap
Thanh khoản Trung bình

MPC



RongViet (20/06)

Tích lũy



38,000 +70.6%

21,704

22,268

1N: +2.6%
YTD: -37.7%

ĐẦU TƯ ► NHÓM NGÀNH HÔM NAY ► TĂNG TRƯỞNG

Nuôi trồng nông & hải sản

Doanh thu

LNST cổ đông cty mẹ

D/s 10 cổ phiếu có Doanh thu xung quanh tâm điểm VHC

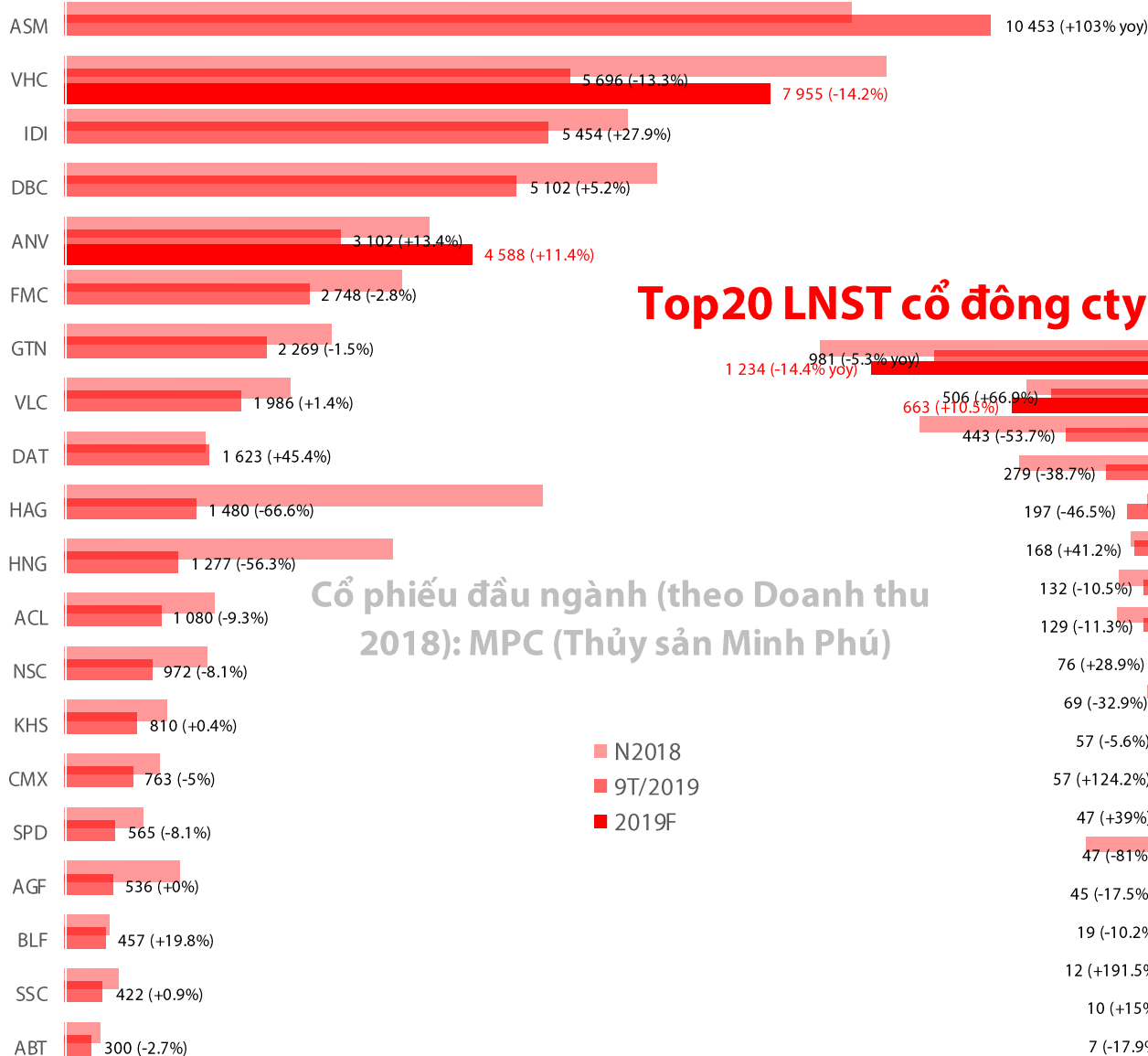
				9T/2018	9T/2019	+/- yoy	9T/2018	9T/2019	+/- yoy
1	ASM	Tập đoàn Sao Mai	Mid cap	5,149	10,453	103.0%	957	443	-53.7%
2	VHC	Thủy sản Vĩnh Hoàn	Mid cap	6,569	5,696	-13.3%	1,036	981	-5.3%
3	IDI	Đầu tư và PT Đa Quốc Gia	Mid cap	4,265	5,454	27.9%	455	279	-38.7%
4	DBC	Tập đoàn DABACO	Mid cap	4,848	5,102	5.2%	247	47	-81.0%
5	ANV	Thủy sản Nam Việt	Mid cap	2,735	3,102	13.4%	303	506	66.9%
6	FMC	Thủy sản Sao Ta	Mid cap	2,828	2,748	-2.8%	119	168	41.2%
7	GTN	GTNFOODS	Mid cap	2,302	2,269	-1.5%	25	57	124.2%
8	VLC	Chăn nuôi Việt Nam	Small cap	1,958	1,986	1.4%	103	69	-32.9%
9	DAT	ĐT Du lịch và PT Thủy sản	Small cap	1,116	1,623	45.4%	34	47	39.0%
10	HAG	Hoàng Anh Gia Lai	Mid cap	4,435	1,480	-66.6%	369	197	-46.5%

VHC xếp hạng 2 về quy mô Doanh thu 9T/2019

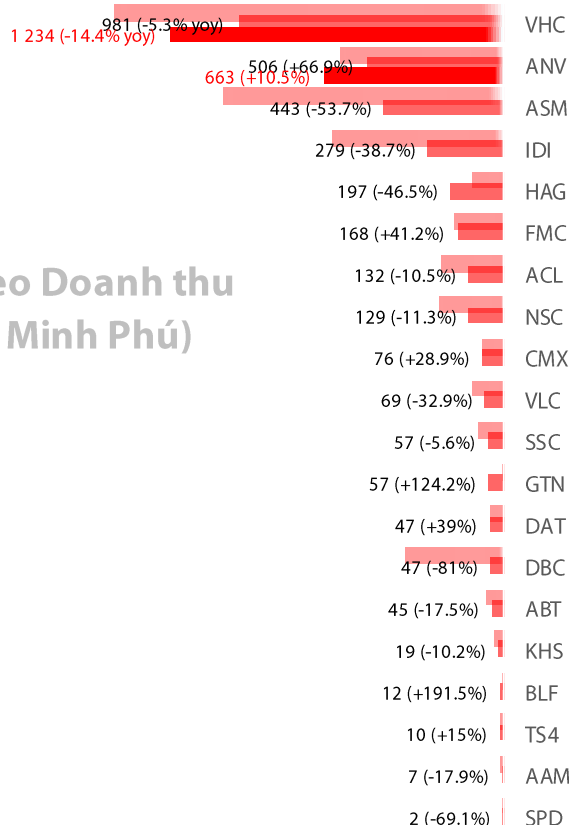
tỷ đồng

tỷ đồng

Top20 quy mô Doanh thu



Top20 LNST cổ đông cty mẹ



Cổ phiếu đầu ngành (theo Doanh thu 2018): MPC (Thủy sản Minh Phú)

■ N2018
■ 9T/2019
■ 2019F

ĐẦU TƯ ► NHÓM NGÀNH HÔM NAY ► TĂNG TRƯỞNG

Nuôi trồng nông & hải sản

Đòn bẩy tài chính

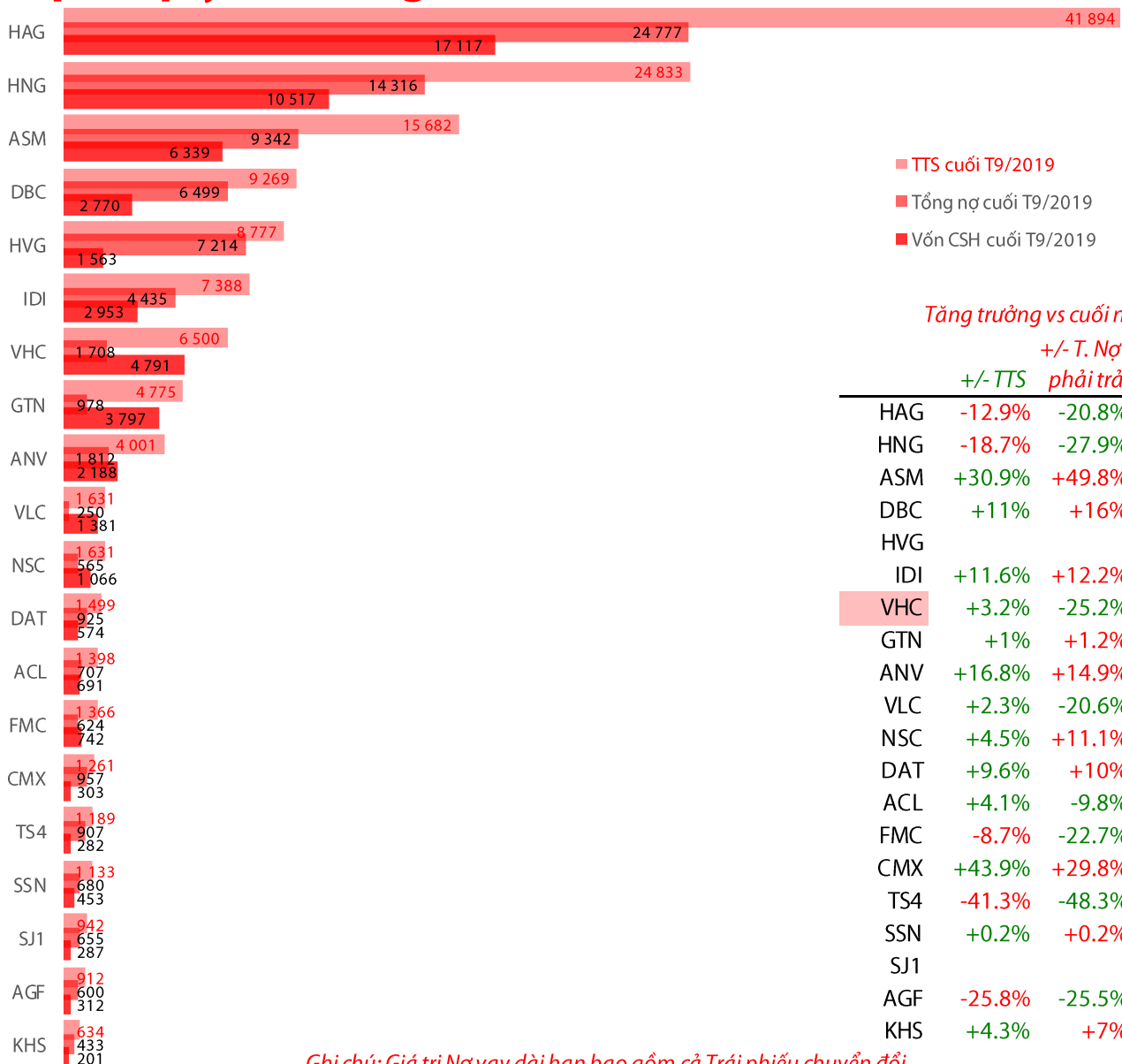
D/s 10 cổ phiếu có quy mô tổng Tài sản xung quanh tâm điểm VHC			TTS/Vốn CSH cuối T9/2019	TTS cuối T9/2019	TTS cuối 2018	+/- ytd	Vốn CSH cuối T9/2019	Vốn CSH cuối 2018	+/- ytd
1	HAG	Hoàng Anh Gia Lai	2.45	41,894	48,111	-12.9%	17,117	16,811	1.8%
2	HNG	Nông nghiệp Quốc tế HAGL	2.36	24,833	30,532	-18.7%	10,517	10,676	-1.5%
3	ASM	Tập đoàn Sao Mai	2.47	15,682	11,975	30.9%	6,339	5,737	10.5%
4	DBC	Tập đoàn DABACO	3.35	9,269	8,350	11.0%	2,770	2,747	0.9%
5	HVG	Thủy sản Hùng Vương	5.61	8,777			1,563		
6	IDI	Đầu tư và PT Đa Quốc Gia	2.50	7,388	6,618	11.6%	2,953	2,664	10.8%
7	VHC	Thủy sản Vĩnh Hoàn	1.36	6,500	6,299	3.2%	4,791	4,015	19.3%
8	GTN	GTNFOODS	1.26	4,775	4,730	1.0%	3,797	3,764	0.9%
9	ANV	Thủy sản Nam Việt	1.83	4,001	3,425	16.8%	2,188	1,848	18.4%
10	VLC	Chăn nuôi Việt Nam	1.18	1,631	1,594	2.3%	1,381	1,279	8.0%

VHC xếp hạng 7 về Tổng tài sản

tỷ đồng

tỷ đồng

Top20 quy mô Tổng Tài sản



Tăng trưởng vs cuối năm trước

	+/- T. Nợ	+/- Vốn
	+/- TTS	+/- CSH
HAG	-12.9%	+1.8%
HNG	-18.7%	-1.5%
ASM	+30.9%	+10.5%
DBC	+11%	+0.9%
HVG		
IDI	+11.6%	+10.8%
VHC	+3.2%	+19.3%
GTN	+1%	+0.9%
ANV	+16.8%	+18.4%
VLC	+2.3%	+8%
NSC	+4.5%	+1.2%
DAT	+9.6%	+9%
ACL	+4.1%	+23.6%
FMC	-8.7%	+7.7%
CMX	+43.9%	+119.1%
TS4	-41.3%	+4.6%
SSN	+0.2%	+0.3%
SJ1		
AGF	-25.8%	-26.4%
KHS	+4.3%	-1%

Ghi chú: Giá trị Nợ vay dài hạn bao gồm cả Trái phiếu chuyển đổi

ĐẦU TƯ ► NHÓM NGÀNH HÔM NAY ► HIỆU QUẢ

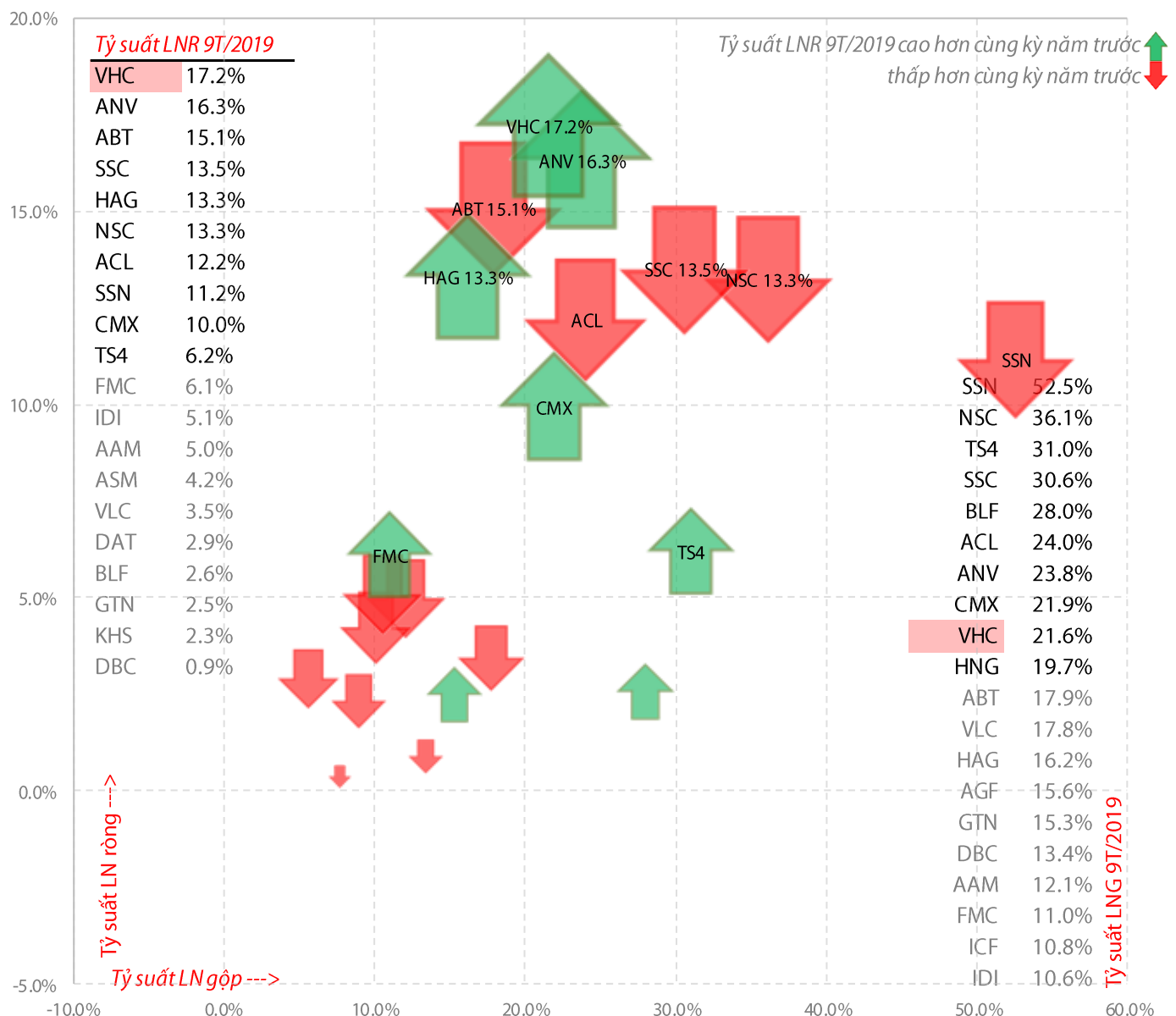
Nuôi trồng nông & hải sản

Tỷ suất lợi nhuận

D/s 10 cổ phiếu có Tỷ suất LN ròng xung quanh tâm điểm VHC			Doanh thu	Tỷ suất LNG	Tỷ suất LNG		Tỷ suất LN ròng	Tỷ suất LNR	
			9T/2019	9T/2018	9T/2019	+/- yoy	9T/2018	9T/2019	+/- yoy
1	VHC	Thủy sản Vĩnh Hoàn	5,696	22.4%	21.6%	-0.8%	15.8%	17.2%	1.5%
2	ANV	Thủy sản Nam Việt	3,102	15.7%	23.8%	8.1%	11.1%	16.3%	5.2%
3	ABT	Thủy sản Bến Tre	300	21.7%	17.9%	-3.8%	17.8%	15.1%	-2.7%
4	SSC	Giống cây trồng Miền Nam	422	30.6%	30.6%	0.0%	14.5%	13.5%	-0.9%
5	HAG	Hoàng Anh Gia Lai	1,480	51.6%	16.2%	-35.4%	8.3%	13.3%	5.0%
6	NSC	Giống cây trồng TW	972	35.4%	36.1%	0.7%	13.7%	13.3%	-0.5%
7	ACL	Thủy sản CL An Giang	1,080	24.4%	24.0%	-0.3%	12.4%	12.2%	-0.2%
8	SSN	Thủy sản Sài Gòn	12	53.2%	52.5%	-0.7%	134.1%	11.2%	-122.9%
9	CMX	CAMIMEX Group	763	18.5%	21.9%	3.4%	7.3%	10.0%	2.6%
10	TS4	Thủy sản số 4	165	6.1%	31.0%	24.8%	0.8%	6.2%	5.4%

VHC xếp hạng 1 về Tỷ suất LN ròng 9T/2019 tỷ đồng

Tỷ suất LNR 9T/2019



ĐẦU TƯ ► NHÓM NGÀNH HÔM NAY ► HIỆU QUẢ

Nuôi trồng nông & hải sản

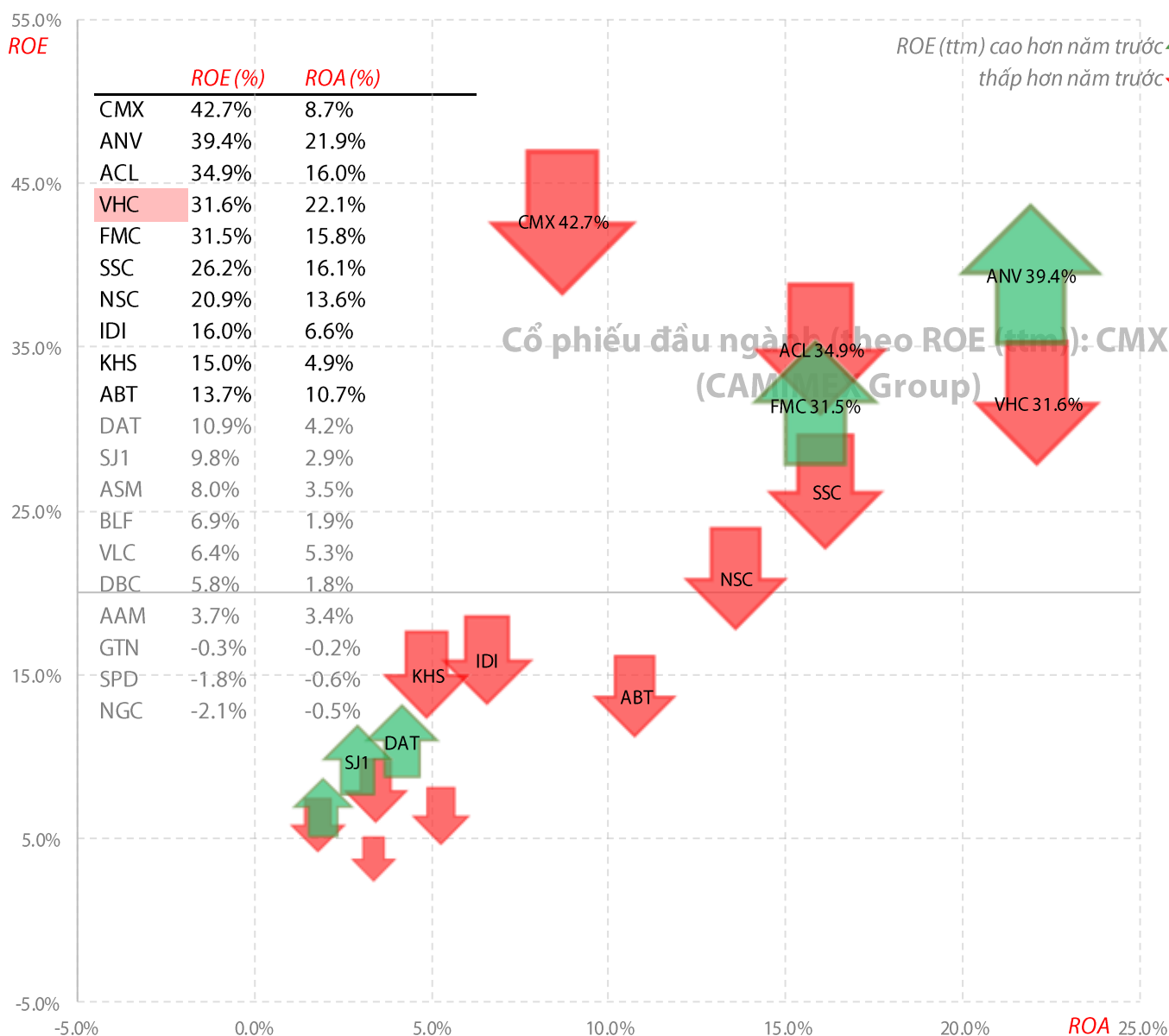
Cấu thành ROE

D/s 10 cổ phiếu có ROE (ttm) xung quanh tâm điểm VHC

			ROA (ttm)	ROE (ttm)	ROE 2018	+/-	Tỷ suất LN ròng	Vòng quay TTS b/q	TTS/ Vốn CSH b/q
1	CMX	CAMIMEX Group	8.7%	42.7%	81.5%	-38.7%	9.3%	0.94	4.90
2	ANV	Thủy sản Nam Việt	21.9%	39.4%	37.0%	2.4%	17.9%	1.22	1.80
3	ACL	Thủy sản CL An Giang	16.0%	34.9%	49.4%	-14.5%	14.0%	1.14	2.18
4	VHC	Thủy sản Vĩnh Hoàn	22.1%	31.6%	41.5%	-9.8%	16.5%	1.34	1.43
5	FMC	Thủy sản Sao Ta	15.8%	31.5%	28.6%	2.9%	6.1%	2.61	1.99
6	SSC	Giống cây trồng Miền Nam	16.1%	26.2%	28.6%	-2.4%	14.1%	1.14	1.63
7	NSC	Giống cây trồng TW	13.6%	20.9%	22.6%	-1.7%	15.1%	0.90	1.54
8	IDI	Đầu tư và PT Đa Quốc Gia	6.6%	16.0%	25.9%	-10.0%	5.7%	1.16	2.42
9	KHS	Thủy sản Kiên Hùng	4.9%	15.0%	16.4%	-1.3%	2.7%	1.80	3.08
10	ABT	Thủy sản Bến Tre	10.7%	13.7%	16.2%	-2.5%	14.7%	0.73	1.28

VHC xếp hạng 4 về ROE (ttm)

ROA & ROE (ttm)



ĐẦU TƯ ► NHÓM NGÀNH HÔM NAY

Nuôi trồng nông & hải sản

Dự phóng

D/s 10 cổ phiếu có mức vốn hóa xung quanh
tâm điểm VHC

			Thị giá	Doanh thu 2019F	LNST cty +/-% mẹ 2019F	EPS 2019F	P/E 2019F
1	HNG	Nông nghiệp Quốc tế HAGL	14.85				
2	VHC	Thủy sản Vĩnh Hoàn	80.10	7,955	-14.2	1,234	-14.4
3	GTN	GTNFOODS	21.65			13.45	5.95
4	PRT	Sản xuất - XNK Bình Dương	15.00				
5	MPC	Thủy sản Minh Phú	22.27	19,200	13.4	794	13.0
6	HAG	Hoàng Anh Gia Lai	4.15			4.00	5.57
7	ANV	Thủy sản Nam Việt	25.80	4,588	11.4	663	10.5
8	DBC	Tập đoàn DABACO	23.50			5.21	4.95
9	ASM	Tập đoàn Sao Mai	6.53				
10	SEA	SEAPRODEX	13.73				

tỷ đồng

tỷ đồng

HAG



Xếp hạng 6 (theo GTT)
trong ngành

4,240

4,150

Hoàng Anh Gia Lai
HOSE
Mid cap
Thanh khoản Cao
OCT31:118.234M300

EPS (ttm): -0.4
P/E trail: 0
BV: 13.2
P/B: 0.3

1N: -2.1%
1Thg: -9.2%
YTD: -15%

EPS (ttm): 1.8
P/E trail: 13.3
BV: 30.4
P/B: 0.8

Tập đoàn DABACO
HOSE
Mid cap
Thanh khoản Trung bình

DBC



23,300

23,500

1N: +0.9%
YTD: -0.6%

EPS (ttm): 1.9
P/E trail: 3.5
BV: 15.8
P/B: 0.4

Tập đoàn Sao Mai
HOSE
Mid cap
Thanh khoản Cao
OCT31:136.202B305

ASM



6,490

6,530

1N: +0.6%
YTD: +2.3%

ANV



Thủy sản Nam Việt
HOSE
Mid cap
Thanh khoản Cao

EPS (ttm): 6.3
P/E trail: 4.1
BV: 17.2
P/B: 1.5

25,300

25,800

1N: +2%
YTD: -4.3%

RongViet (01/11)

Mua

35,400 +37.2%

EPS (ttm): 1.5
P/E trail: 9.4
BV: 17
P/B: 0.8

SEAPRODEX
UPCOM
Mid cap

Thanh khoản Trung bình

SEA



13,109

13,734

1N: +4.8%
YTD: +1.7%

ĐẦU TƯ ► NHÓM NGÀNH HÔM NAY

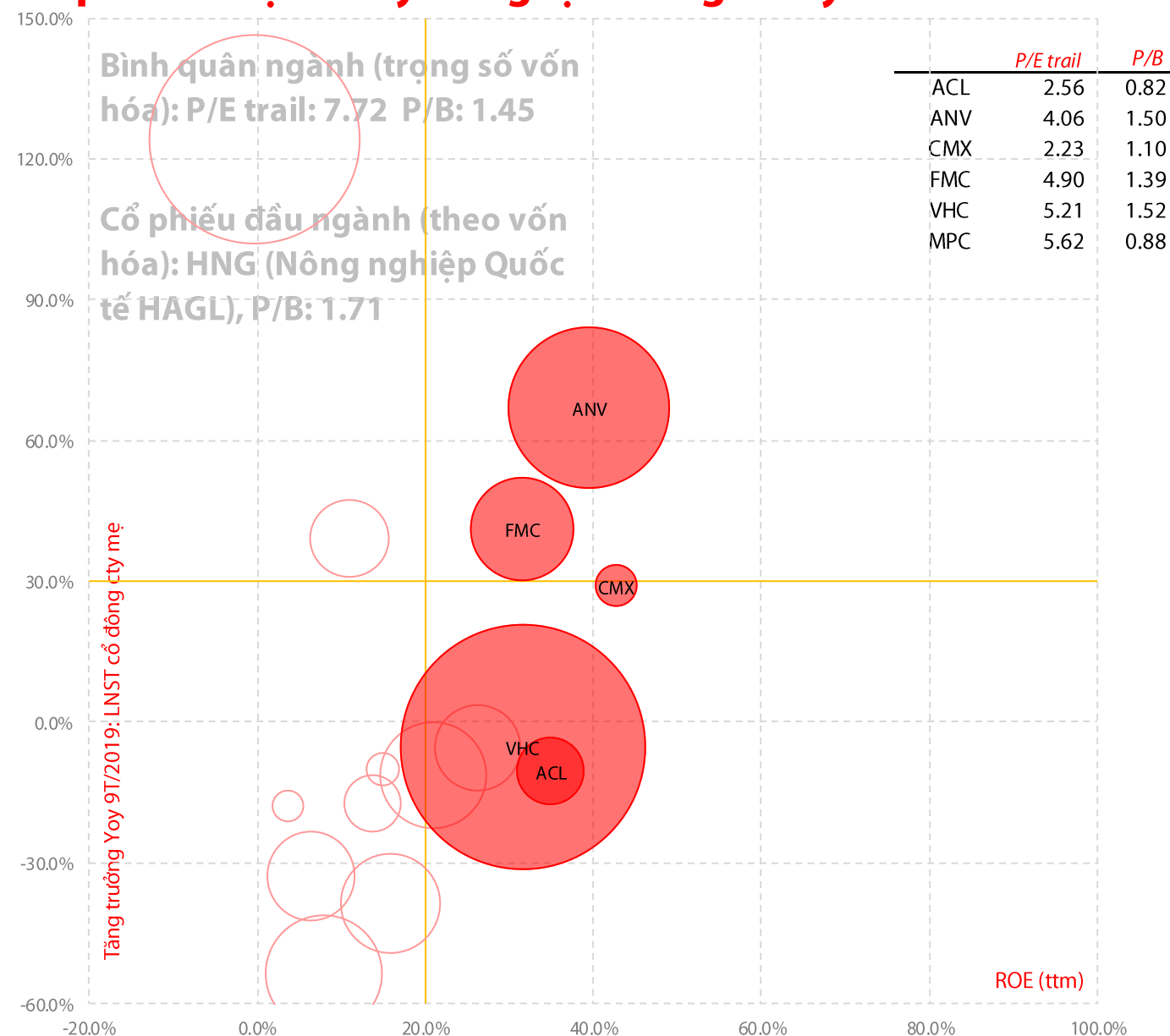
Nuôi trồng nông & hải sản

Một số cổ phiếu ĐƯỢC KHUYẾN NGHỊ & ĐÁNG CHÚ Ý khác trong ngành (không thuộc Top10 vốn hóa bên trên):

CHÚ Ý khác trong ngành (không thuộc Top10 vốn hóa bên trên):				GTĐT (tỷ đồng)	Khuyến nghị ĐT	Mục tiêu 1 năm	Kỳ vọng 1 năm	Doanh thu	đồng cty mẹ	ROE (ttm)
1	ACL	Thủy sản CL An Giang		568				-9.3%	-10.5%	34.9%
2	CMX	CAMIMEX Group		218				-5.0%	28.9%	42.7%
3	FMC	Thủy sản Sao Ta		1,319				-2.8%	41.2%	31.5%

Cổ phiếu Đáng chú ý chủ yếu gồm (1) tăng trưởng LNST từ +30% yoy, hoặc (2) ROE (ttm) $\geq 20\%$; (3) P/E trail khá thấp so với bình quân ngành, và 1 số tiêu chí phụ khác... Quý vị hãy chọn ít nhất 1 mã và xem xét cơ hội đầu tư cho mình!

Cổ phiếu được khuyến nghị & đáng chú ý



ĐẦU TƯ ► CỔ PHIẾU HÔM NAY



Xếp hạng 2 (theo GTT)
trong ngành

Thủy sản Vĩnh Hoàn

HOSE

Mid cap

GTTT (tỷ đ): 7 442

GTTT (tr.USD): 317

Thanh khoản: Trung bình

~~81,800~~

80,100

1N: -2.1%

1Thg: -1.7%

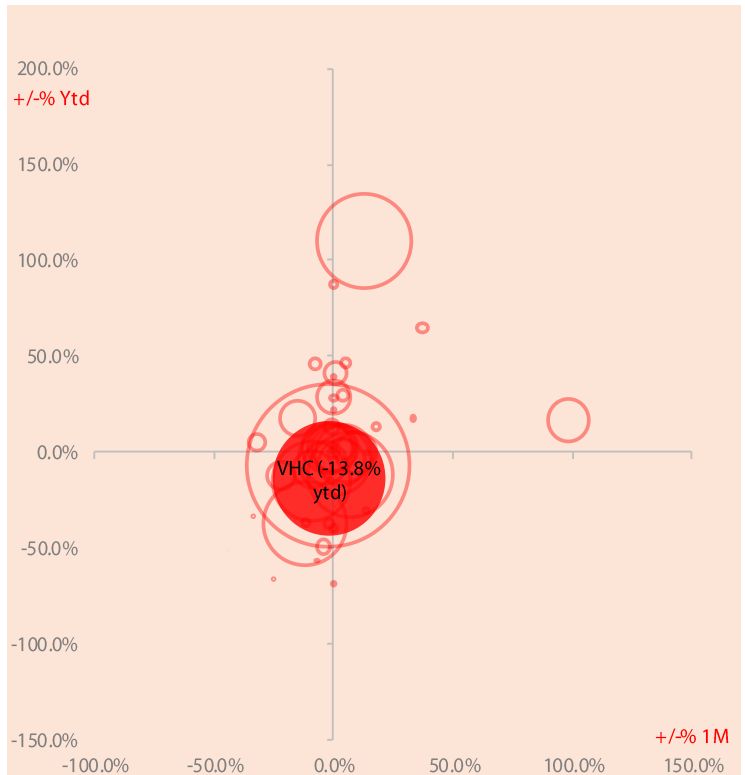
YTD: -13.8%

Khuyến nghị ĐT ngày 24/10 (Cty #2)

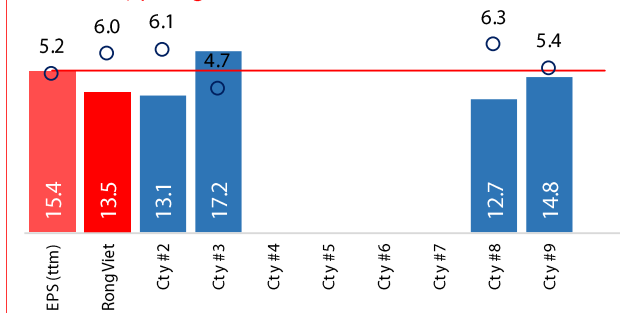
Mua

Mục tiêu 1 năm

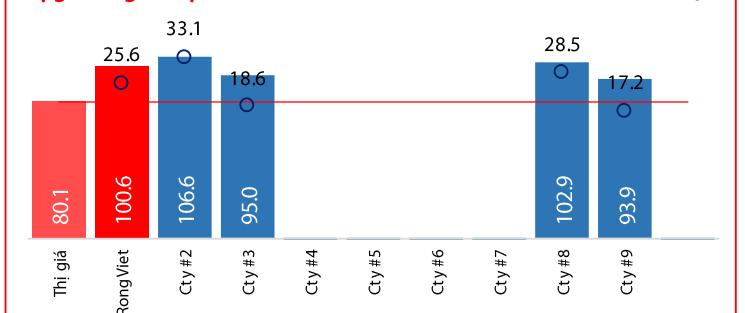
106,600 +33.1%



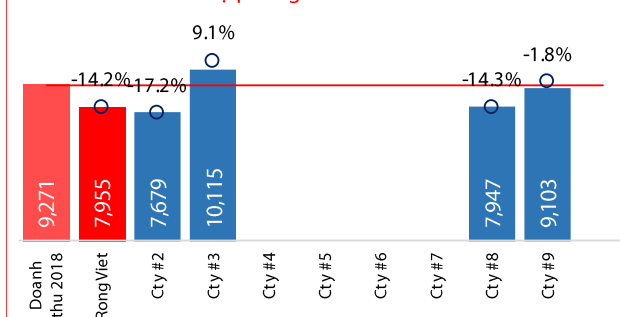
EPS & P/E dự phóng 2019



Thị giá vs giá mục tiêu

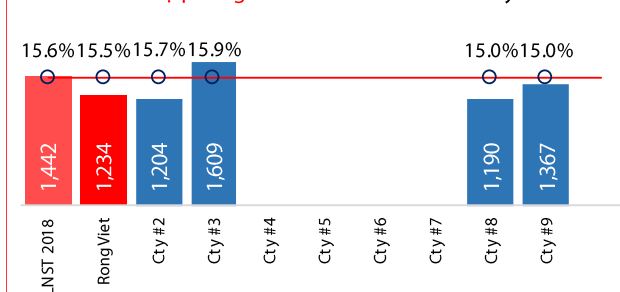


Doanh thu 2018 vs dự phóng 2019



Bình luận về doanh nghiệp

LNST 2018 vs dự phóng 2019



(có thể một số báo cáo TVCN chỉ thu thập được bản tiếng Anh)

ĐẦU TƯ ► CỔ PHIẾU HÔM NAY ► TĂNG TRƯỞNG



80,100

1N: -2.1%
1Thg: -1.7%
YTD: -13.8%

Thủy sản Vĩnh Hoàn

HOSE

Mid cap

GTTT (tỷ đ): 7 442

GTTT (tr.USD): 317

Ngành: Nuôi trồng nông & hải sản

Tổng số cổ phiếu: 52

28/52 BCTC cập nhật đến 30/09/19

VHC xếp hạng 2 về GTTT

VHC xếp hạng 2 về quy mô Doanh thu 9T/2019

VHC xếp hạng 1 về LNST cty mẹ 9T/2019

xem thêm chi tiết trên các trang về nhóm ngành này

tham chiếu ->

ANV

25,800

Thủy sản Nam Việt

HOSE

Mid cap

GTTT (tỷ đ): 3 216

GTTT (tr.USD): 137

ACL

24,900

Thủy sản CL An Giang

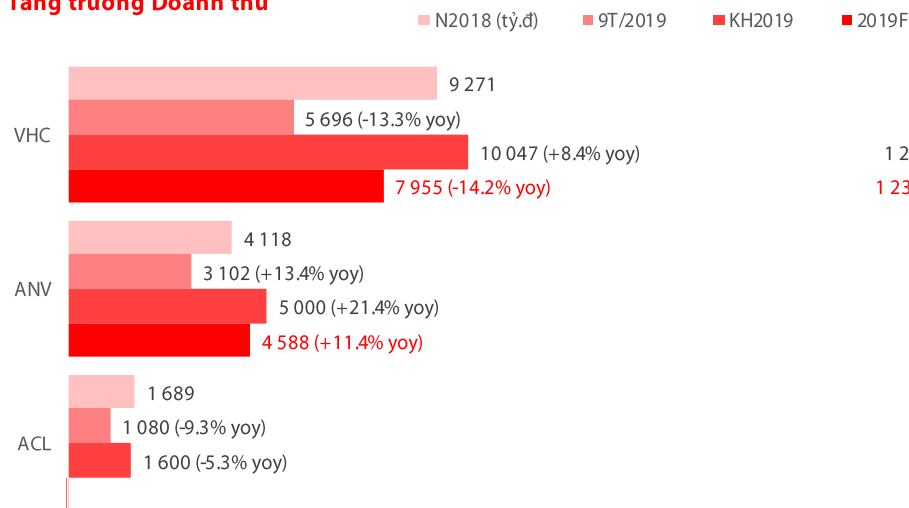
HOSE

Small cap

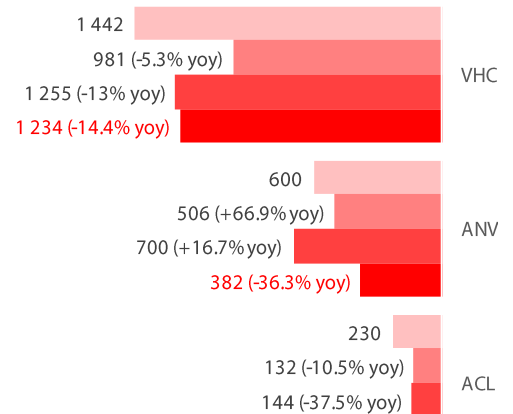
GTTT (tỷ đ): 568

GTTT (tr.USD): 24

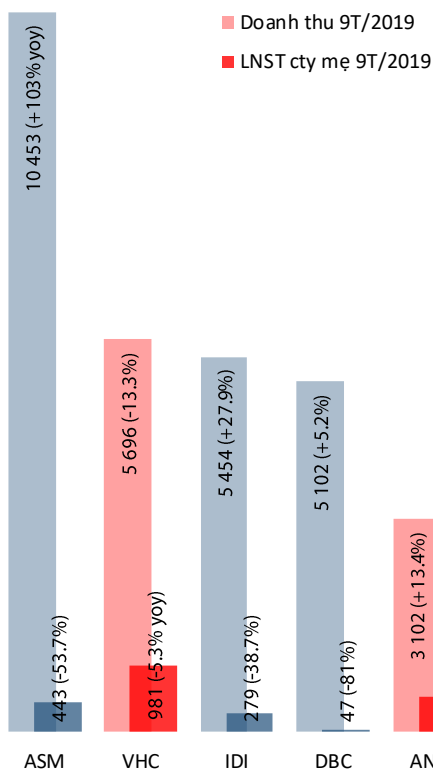
Tăng trưởng Doanh thu



Tăng trưởng LNST cty mẹ

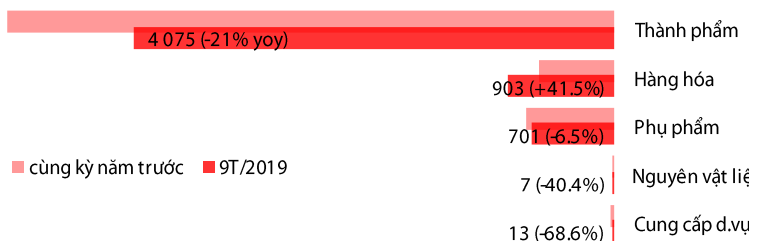


VHC, cp tham chiếu & 1 số cp khác có Doanh thu xung quanh



Cơ cấu Tăng trưởng Doanh thu

Lũy kế 9T/2019 theo sản phẩm



ĐẦU TƯ ► CỔ PHIẾU HÔM NAY ► HIỆU QUẢ



Thủy sản Vĩnh Hoàn
HOSE
Thanh khoản: Trung bình

80,100

EPS (ttm): 15.4
P/E trail: 5.2
BV: 52.7
P/B: 1.5

Ngành: Nuôi trồng nông & hải sản

Tổng số cổ phiếu: 52
28/52 BCTC cập nhật đến 30/09/19
VHC xếp hạng 9 về Tỷ suất LNG 9T/2019
VHC xếp hạng 1 về Tỷ suất LN ròng 9T/2019
VHC xếp hạng 4 về ROE (ttm)

tham chiếu ->

ANV

25,800

Mua

Thủy sản Nam Việt

EPS (ttm): 6.3
P/E trail: 4.1
BV: 17.2
P/B: 1.5

ACL

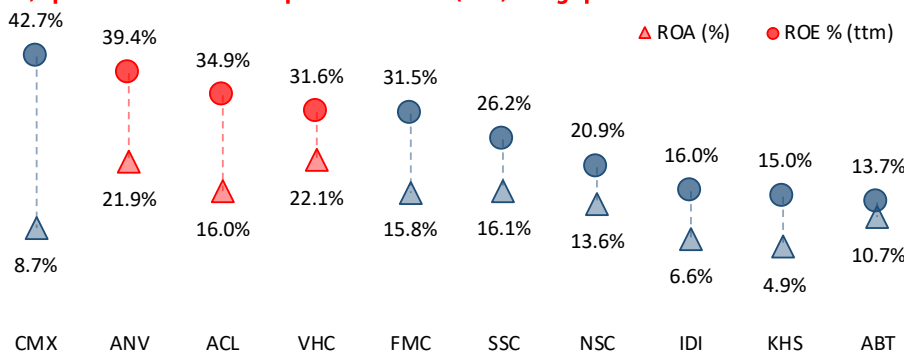
24,900

Mua

Thủy sản CL An Giang

EPS (ttm): 9.7
P/E trail: 2.6
BV: 30.3
P/B: 0.8

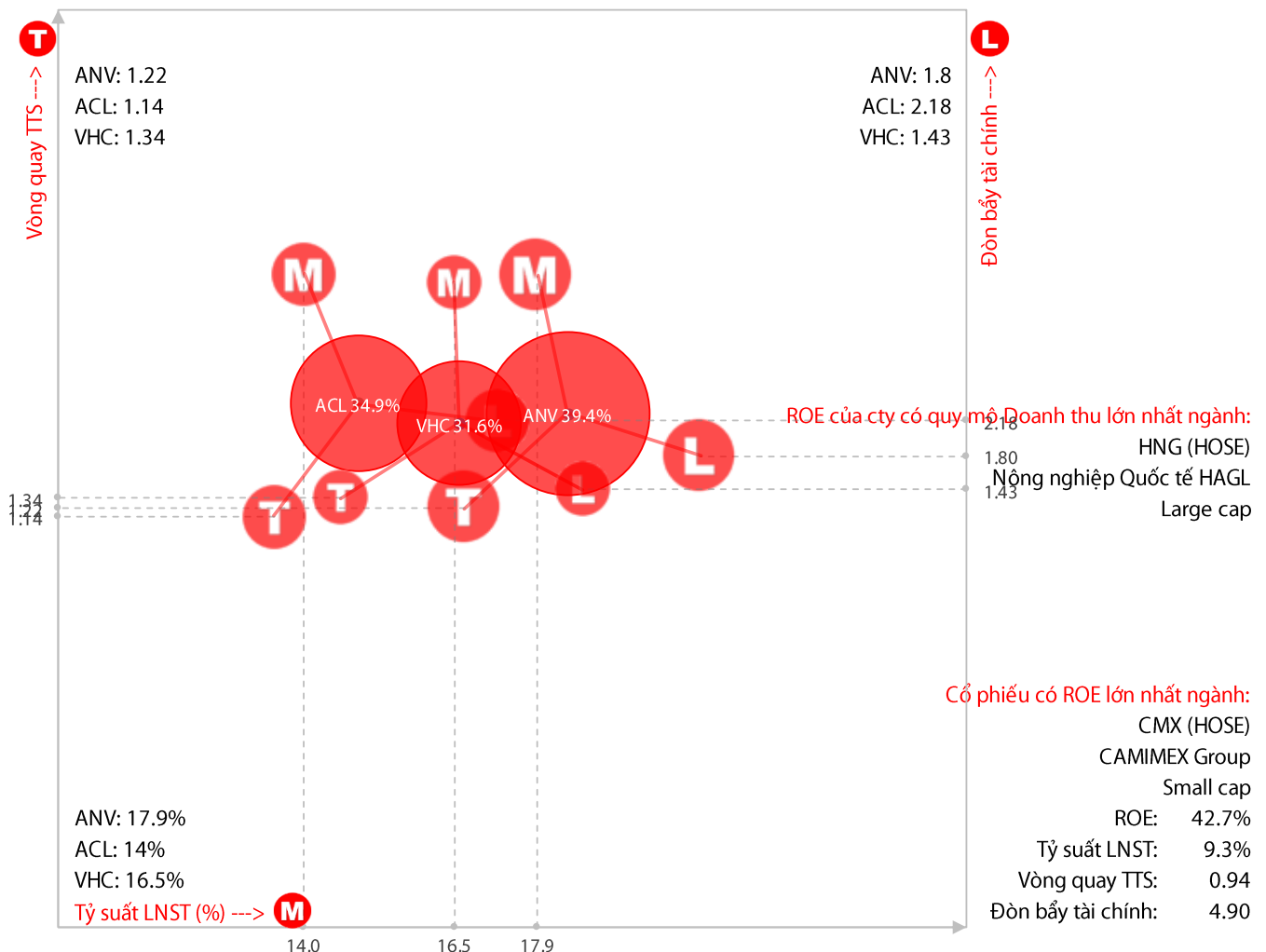
VHC, cp tham chiếu & 1 số cp khác có ROEs (ttm) xung quanh



Tỷ suất LNST cty mẹ 9T/2019

CMX	10.0%
ANV	16.3%
ACL	12.2%
VHC	17.2%
FMC	6.1%
SSC	13.5%
NSC	13.3%
IDI	5.1%
KHS	2.3%
ABT	15.1%

So sánh ROE (ttm) & các thành phần

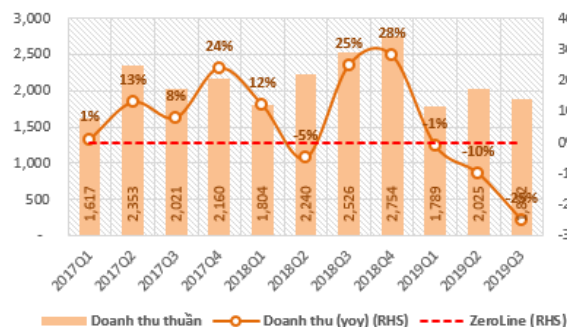


ĐẦU TƯ ► CỔ PHIẾU HÔM NAY ► FAVIZ

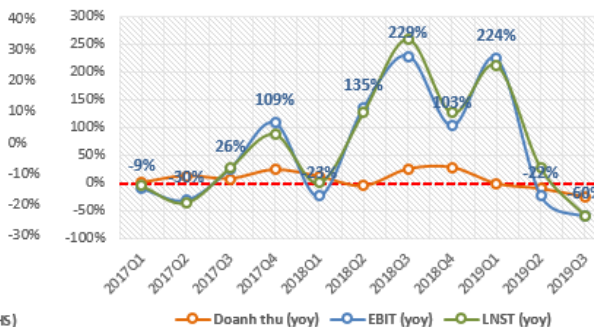
Phường.NĐ

VHC

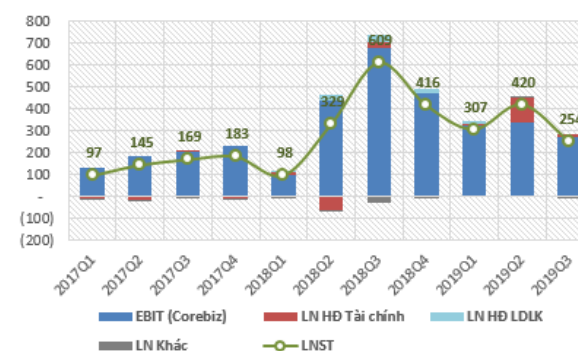
Doanh thu thuần



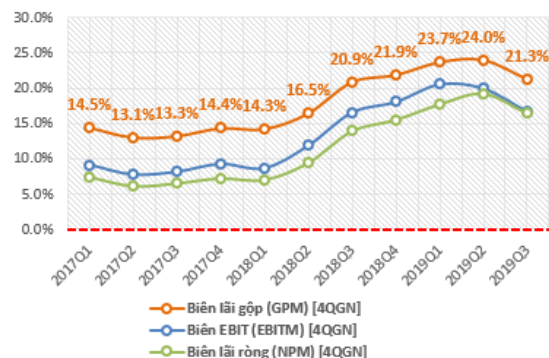
Doanh thu, EBIT, LNST (yoy)



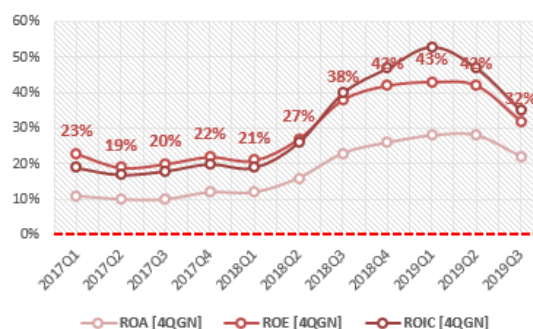
Cơ cấu lợi nhuận



Biên lợi nhuận (Margin) [4QGN]



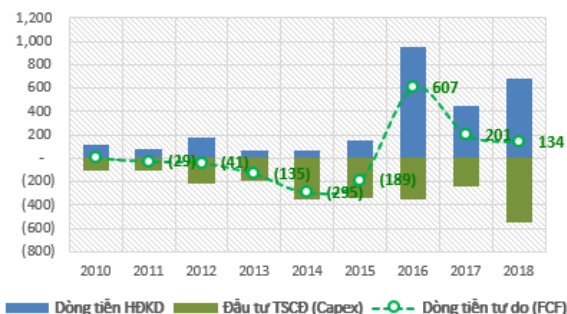
ROA, ROE, ROIC [4QGN]



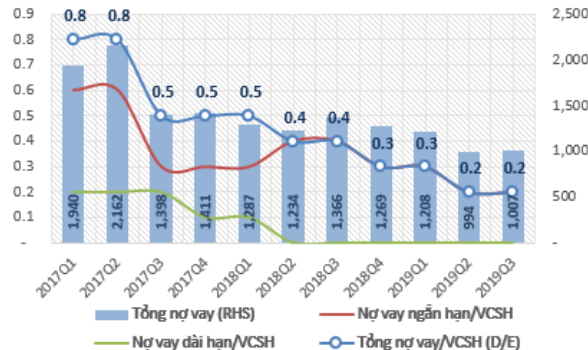
EPS [4QGN]



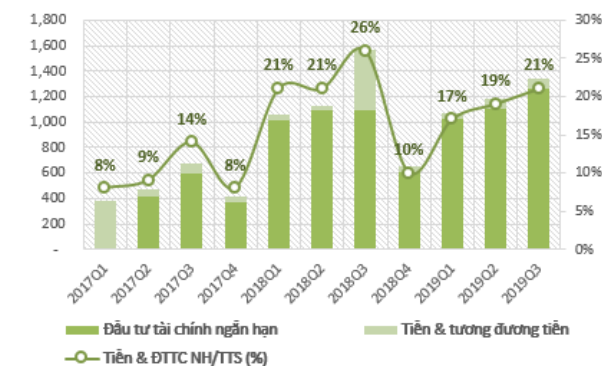
Dòng tiền tự do (FCF) [FY]



Nợ vay/VCSH



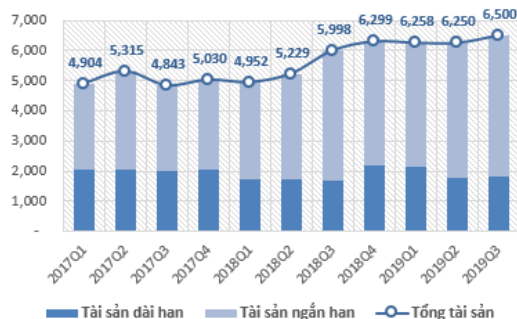
Tiền & Đầu tư tài chính



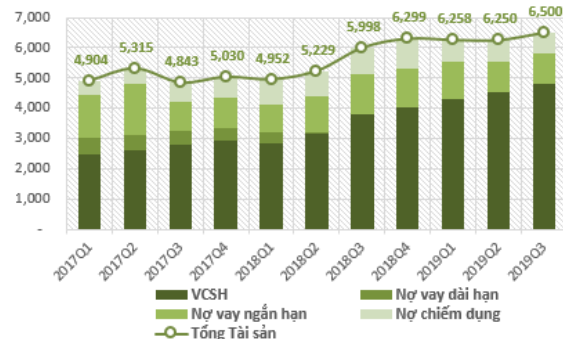
ĐẦU TƯ ► CỔ PHIẾU HÔM NAY ► FAVIZ

VHC

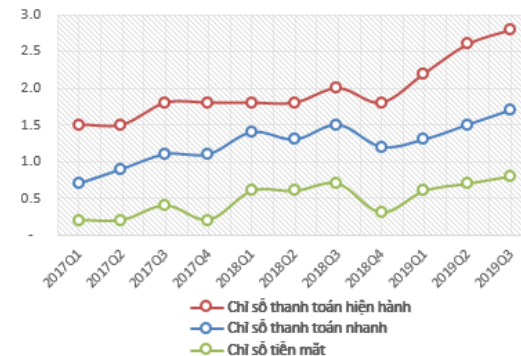
Cơ cấu tài sản



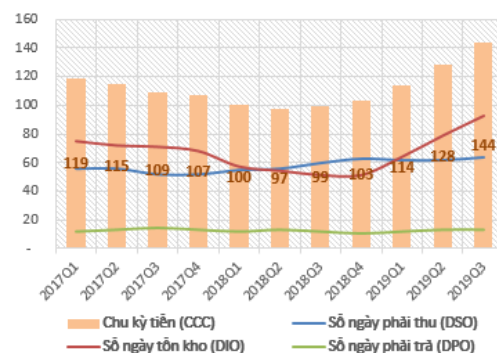
Cơ cấu nguồn vốn



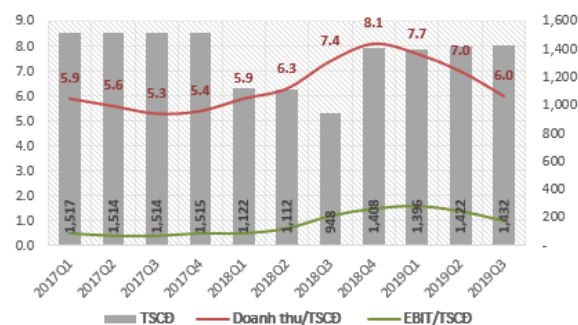
Chỉ số thanh khoản



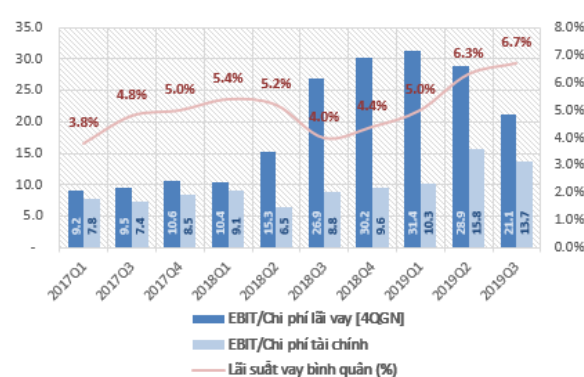
Chu kỳ tiền mặt (Cash Conversion Cycle)



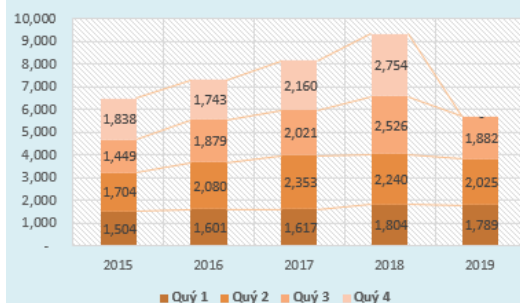
Hiệu quả sử dụng TSCĐ



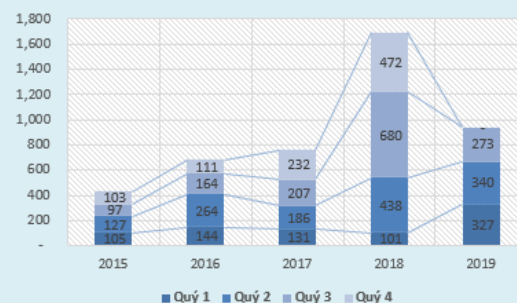
Hệ số thanh toán lãi vay



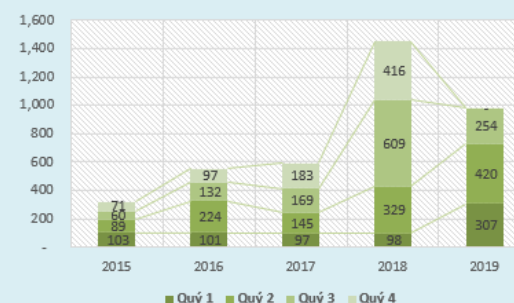
Doanh thu thuần



EBIT



Lợi nhuận sau thuế



ĐẦU TƯ ► CỔ PHIẾU HÔM NAY ► PTKT

VHC

turnover
1Y (-15.6%)
YTD (-13.8%)
6M (-9.2%)
3M (-6.9%)
1M (-1.7%)

HOSE

- Thanh khoản trung bình
- Dòng tiền 5 phiên: Vào (giảm)
- Xu hướng ngắn hạn: Tăng
- Đầu tư: Rộng Việt - Tích cực



Khái.TQ

VHC tiếp tục xu hướng sideway trong biên độ 77-82. Hiện giá đang nằm dưới các đường SMA(100) và SMA(200), cho thấy xu hướng dài hạn vẫn đang là giảm. Cần chờ VHC vượt khỏi vùng dao động hiện tại để hình thành xu hướng mới.



ĐẦU TƯ ► CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ GẦN ĐÂY

Danh sách cổ phiếu đã được giới thiệu trong các số Bản tin gần đây

Thị giá & số liệu thị trường khác đã được update đến hiện tại

QNS Bản tin ngày 06/11 Đường Quảng Ngãi UPCOM Mid cap Thanh khoản: Trung bình OCT31:111.200.300 EPS (ttm): 3.6 P/E trail: 8.2 BV: 16.8 P/B: 1.7 Ngành: Thực phẩm (QNS xếp hạng 5 theo GTT) 28,979 <- Thị giá 40,500 <- Giá mục tiêu (đ/cp) Khuyến nghị ĐT (RongViet) Mua Kỳ vọng +39.8%	Bản tin 01/11 EPS (ttm): 4.1 P/E trail: 6.4 BV: 29.9 P/B: 0.9 VICONSHIP HOSE Mid cap Thanh khoản: Trung bình VSC 26,150 30,000 Kỳ vọng +14.7% Mua
VPB VPBank HOSE Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Cao OCT31:100.200B311 Bản tin 05/11 EPS (ttm): 3.4 P/E trail: 6.5 BV: 16.8 P/B: 1.3 22,150 25,300 Kỳ vọng +14.2% Tích lũy	Bản tin 30/10 EPS (ttm): 3.5 P/E trail: 7.5 BV: 21.3 P/B: 1.2 BĐS Nam Long HOSE Mid cap Thanh khoản: Cao NLG 28,550 39,600 Kỳ vọng +38.7% Mua
PME Dược phẩm Pymephar... HOSE Mid cap Thanh khoản: Thấp OCT31:117.200.300 Bản tin 04/11 EPS (ttm): 4.1 P/E trail: 13.3 BV: 24.8 P/B: 2.2 54,100 63,000 Kỳ vọng +16.5% Khả quan	Bản tin 29/10 EPS (ttm): 3.5 P/E trail: 5.1 BV: 13.5 P/B: 1.3 VIBBank UPCOM Large cap Thanh khoản: Cao VIB 17,944 K khuyến nghị

PHỤ LỤC

Môi giới 15

Bảng tổng hợp cổ phiếu theo yêu cầu (Tổng số cổ phiếu: 15)

				VNIndex 1Thg: +3.8%			Số lượng cp đạt điều kiện PTKT: 13				Khuyến nghị: Mua 3 vs Bán 0				Thống kê khuyến nghị: tích cực 7 vs tiêu cực 0			
CK	Phân ngành		Nhóm vốn hóa	Thanh khoản	Thị giá 06/11	1N: 9+6- 1Thg: 4+11-	EPS -> P/E BV -> P/B	Xu hướng hiện tại	Hỗ trợ Kháng cự	Khuyến nghị	Kỳ vọng 2 tuần	Nhận định kỹ thuật	Khuyến nghị (ngày)	Mục tiêu 1Y	Dự phóng 2019F (đ.v: tỷ đồng)	EPS -> P/E (f)		
1	BTP 	HOSE	Sản xuất & Phân phối Điện	Small cap Thanh khoản: Thấp	12.5	1N: +0.8% 1Thg: -0.4% Beta: 0.51	1.6 -> 7.6 18.2 -> 0.7											
2	DBC 	HOSE	Nuôi trồng nông & hải sản	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	23.5	1N: +0.9% 1Thg: +4.4% Beta: n/a	1.8 -> 13.3 30.4 -> 0.8											
3	DPG 	HOSE	Xây dựng	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	46.2	1N: +0.4% 1Thg: -3.1% Beta: 1.78	1 -> 48.5 15.9 -> 2.9	Tăng 28/10	40.00 54.00			Xu hướng giảm vẫn chủ đạo.						
4	DRC 	HOSE	Lốp xe	Mid cap OCT31:100.200B325	22.9	1N: +0.4% 1Thg: -3.8% Beta: 0.95	1.7 -> 13.4 13.6 -> 1.7	Giảm 01/11	22.50 24.00			Biến động giảm co xung quanh vùng giá 23.5, xu hướng tăng có dấu hiệu suy yếu.	Tích lũy 01/11	23.6 +3.3%	Doanh thu: 3,875 (+9.1% yoy). LNST Cty mẹ: 155 (+10%)	1.2 -> 18.8		
5	EVF 	UPCOM	Quản lý tài sản	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	5.9	1N: -1.4% 1Thg: -7.1% Beta: 3	0.9 -> 6.8 13.5 -> 0.4											
6	GMD 	HOSE	Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	25.6	1N: -1.4% 1Thg: -1.4% Beta: 0.81	2 -> 12.5 21.1 -> 1.2	Sideway 07/11	25.00 28.00			Đang tích lũy trong vùng 25-26	Tích lũy 01/11	30.0 +17.4%	Doanh thu: 2,859 (+5.6% yoy). LNST Cty mẹ: 524 (-71.6%)	1.7 -> 14.7		
7	GVR 	UPCOM	Nhựa, cao su & sợi	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Cao	14.1	1N: +2% 1Thg: +1.7% Beta: 1.2	0.8 -> 17 11.4 -> 1.2	Sideway 24/10	13.00 16.70	Mua 24/10	MT: 14.8 (+5%) Cắt lỗ: 13	Dấu hiệu đảo chiều sau khi tích lũy trên nền giá 13.						
8	HDG 	HOSE	Bất động sản	Mid cap Thanh khoản: Cao	35.7	1N: -0.6% 1Thg: -1.8% Beta: 0.9	9.3 -> 3.8 19.1 -> 1.9						Tích lũy 01/11	37.2 +4.3%	Doanh thu: 4,744 (+47.3% yoy). LNST Cty mẹ: 654 (+3.2%)	5.5 -> 6.5		
9	HPG 	HOSE	Thép và sản phẩm thép	Nhóm Tỷ USD OCT31:150.225B320	22.0	1N: +0.5% 1Thg: +3% Beta: 0.66	2.7 -> 8.3 16.6 -> 1.3	Tăng 29/10	20.50 24.00	Mua 29/10	MT: 23.5 (+6.8%) Cắt lỗ: 21.2	Vượt lên trên hai đường EMA(26) và EMA(45) để hình thành xu hướng tăng. KLGD có sự gia tăng mạnh mẽ	Mua 01/11	29.7 +35%	Doanh thu: 67,968 (+21.7% yoy). LNST Cty mẹ: 8,612 (+0.5%)	2.9 -> 7.5		
10	KSB 	HOSE	Khai khoáng	Small cap Thanh khoản: Trung bình	18.8	1N: +3% 1Thg: -14% Beta: -0.84	5.7 -> 3.3 21.8 -> 0.9	Giảm 31/10	18.50 20.00			Phá vỡ đáy cũ 20, có thể giảm sâu thêm nữa trước khi phục hồi kỹ thuật						
11	MFS 	UPCOM	Viễn thông di động	Small cap Thanh khoản: Thấp	22.6	1N: -1.2% 1Thg: +0.2% Beta: 1.5	4 -> 5.6 23.4 -> 1	Sideway 07/11	21.50 26.50	Mua 07/11	MT: 26 (+14.9%) Cắt lỗ: 20.9	Đang được hỗ trợ và tích lũy khá lâu trên mức 22						
12	NLG 	HOSE	Bất động sản	Mid cap Thanh khoản: Cao	28.6	1N: -0.3% 1Thg: -1.6% Beta: 0.58	2.1 -> 13.5 18.5 -> 1.5						Mua 01/11	38.7 +35.6%	Doanh thu: 3,263 (-6.2% yoy). LNST Cty mẹ: 972 (+27.4%)	3.8 -> 7.6		
13	PC1 	HOSE	Xây dựng	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	19.0	1N: +1.6% 1Thg: -3.8% Beta: 0.43	2.2 -> 8.6 21.2 -> 0.9						Mua 01/11	26.8 +41.4%	Doanh thu: 6,197 (+21.9% yoy). LNST Cty mẹ: 407 (-12.8%)	2.3 -> 8.2		
14	SAV 	HOSE	Vật liệu xây dựng & Nội thất	Small cap Thanh khoản: Thấp	9.2	1N: +1.3% 1Thg: -2.1% Beta: n/a	1.6 -> 5.6 19.7 -> 0.5											
15	VHC 	HOSE	Nuôi trồng nông & hải sản	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	80.1	1N: -2.1% 1Thg: -1.7% Beta: 0.84	15.4 -> 5.2 52.7 -> 1.5	Tăng 29/10	75.00 83.50			Xuất hiện tín hiệu tăng ngắn hạn tuy nhiên VHC sẽ sớm phải đối mặt vùng kháng cự mạnh 83x	Mua 01/11	100.6 +25.6%	Doanh thu: 7,955 (-14.2% yoy). LNST Cty mẹ: 1,234 (-14.4%)	13.5 -> 6		

PHỤ LỤC

CN Cần Thơ

Bảng tổng hợp cổ phiếu theo yêu cầu

(Tổng số cổ phiếu: 15)

VNIndex 1Thg: +3.8%

Khuyến nghị Giao dịch (5)

Số lượng cp đạt điều kiện PTKT: 15

Thống kê xu hướng: Tăng 8 vs Giảm 1

Khuyến nghị: Mua 4 vs Bán 1

Khuyến nghị Đầu tư (8)

Thống kê khuyến nghị: tích cực 7 vs tiêu cực 0

CK	Phân ngành	Nhóm vốn hóa	Thanh khoản	Thị giá 06/11	1N: 6+9- 1Thg: 9+6-	EPS -> P/E BV -> P/B	Xu hướng hiện tại	Hỗ trợ Kháng cự	Khuyến nghị	Kỳ vọng 2 tuần	Nhận định kỹ thuật	Khuyến nghị (ngày)	Mục tiêu 1Y	Dự phóng 2019F (đ.v: tỷ đồng)	EPS -> P/E (f)
1 AAA 	HOSE	Nhựa, cao su & sợi	Mid cap Thanh khoản: Cao	15.7	1N: -1.3% 1Thg: +3.3% Beta: 0.83	2.7 -> 5.8 16.8 -> 0.9	Tăng 04/11	14.80 17.00			Xuất hiện nhịp hồi phục sau khi tạo vùng hỗ trợ 14.8 và hướng về vùng 16.5-17				
2 BSR 	UPCOM	Sản xuất và Khai thác dầu khí	Nhóm Tỷ USD OCT31:126.243.346	10.1	1N: +0.6% 1Thg: +9.1% Beta: 0.49	0.1 -> 99.4 10.5 -> 1	Tăng 06/11	9.20 10.50	Mua 06/11	MT: 10.7 (+6.3%) Cắt lỗ: 9.5	Biên độ dao động đang co hẹp dần, sẽ sớm có biến động lớn. Thanh khoản cho thấy lực mua mạnh thời	Mua 01/10 (#2)	10.3 +2.3%	Doanh thu: 103,354 (-7.7% yoy). LNST Cty mẹ: 1,623 (-55%)	0.6 -> 17.2
3 BVH 	HOSE	Bảo hiểm nhân thọ	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Trung bình	75.1	1N: -0.1% 1Thg: +3.2% Beta: 1.18	1.8 -> 42.5 22.4 -> 3.4	Tăng 04/11	71.50 80.00	Mua 04/11	MT: 79.5 (+5.9%) Cắt lỗ: 71.5	Có tín hiệu đảo chiều đi lên tại vùng hỗ trợ mạnh 71.x				
4 CII 	HOSE	Xây dựng	Mid cap OCT31:133.237.341	24.0	1N: -1.2% 1Thg: -1.8% Beta: 0.68	1.9 -> 12.6 21.9 -> 1.1	Tăng 04/11	22.00 25.50	Bán 28/10	MT: 22.5 (-6.3%) Cắt lỗ: 24.8	Được hỗ trợ tại vùng 23.5 và hồi phục nhưng vẫn sẽ chịu áp lực cản trước ngưỡng 25.5				
5 DPM 	HOSE	Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	Mid cap OCT31:100.246.349	13.8	1N: +0.7% 1Thg: -2.8% Beta: 0.69	0.7 -> 18.4 19.9 -> 0.7	Sideway 07/11	10.40 16.00			Dấu hiệu downtrend vẫn tiếp tục.	Mua 01/11	16.4 +19.3%	Doanh thu: 7,229 (-22.2% yoy). LNST Cty mẹ: 329 (-53%)	0.7 -> 19.2
6 GAS 	HOSE	Phân phối xăng dầu & khí đốt	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Trung bình	105.8	1N: -1.1% 1Thg: +5.3% Beta: 2.08	6.4 -> 16.7 23.8 -> 4.4	Sideway 07/11	96.00 114.00			Chạm trendline trên của trend trung hạn. Dấu hiệu đuối sức.				
7 HPG 	HOSE	Thép và sản phẩm thép	Nhóm Tỷ USD OCT31:150.225B320	22.0	1N: +0.5% 1Thg: +3% Beta: 0.66	2.7 -> 8.3 16.6 -> 1.3	Tăng 29/10	20.50 24.00	Mua 29/10	MT: 23.5 (+6.8%) Cắt lỗ: 21.2	Vượt lên trên hai đường EMA(26) và EMA(45) để hình thành xu hướng tăng. KLGD có sự gia tăng mạnh mẽ	Mua 01/11	29.7 +35%	Doanh thu: 67,968 (+21.7% yoy). LNST Cty mẹ: 8,612 (+0.5%)	2.9 -> 7.5
8 HT1 	HOSE	Vật liệu xây dựng & Nội thất	Mid cap OCT31:144.200.300	16.6	1N: +0.6% 1Thg: +3.1% Beta: 0.26	1.9 -> 8.6 14.7 -> 1.1	Tăng 25/10	15.00 18.00	Mua 25/10	MT: 18 (+8.4%) Cắt lỗ: 15.5	Bứt phá thành công khỏi ngưỡng kháng cự mạnh 16				
9 MPC 	UPCOM	Nuôi trồng nông & hải sản	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	22.3	1N: +2.6% 1Thg: -12% Beta: 1.59	4 -> 5.6 25.4 -> 0.9	Giảm 25/10	21.50 32.00			Có thể tạo đáy tại vùng hỗ trợ mạnh 21.5				
10 POW 	HOSE	Sản xuất & Phân phối Điện	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.200B318	13.6	1N: -0.7% 1Thg: +5.8% Beta: 0.74	1.1 -> 12.7 11.4 -> 1.2	Tăng 07/11	10.00 14.00			Nhịp tăng ngắn hạn kết thúc tại GAP 14 và đang quay đầu giảm về vùng giá 13.	Mua 01/11	18.0 +32.4%	Doanh thu: 34,111 (+4.4% yoy). LNST Cty mẹ: 2,441 (+27%)	1 -> 13.1
11 PPC 	HOSE	Sản xuất & Phân phối Điện	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	25.7	1N: -1.3% 1Thg: -1.7% Beta: 1.45	3.3 -> 7.8 18.6 -> 1.4						Nắm giữ 01/11	23.0 -10.3%	Doanh thu: 6,862 (-3.6% yoy). LNST Cty mẹ: 993 (-11.6%)	3 -> 8.7
12 PVD 	HOSE	Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	Mid cap OCT31:100.222M338	16.8	1N: -0.9% 1Thg: -1.2% Beta: 2.5	1 -> 16.3 32.4 -> 0.5	Sideway 07/11	15.50 20.00			Ngưỡng cản 16 đỡ giá. Xu hướng chính vẫn sideway quanh vùng 16-18.	Mua 01/11	21.1 +25.4%	Doanh thu: 4,321 (-21.4% yoy). LNST Cty mẹ: -38	
13 SSI 	HOSE	Môi giới chứng khoán	Mid cap Thanh khoản: Cao	21.7	1N: -0.5% 1Thg: +0.5% Beta: 1.47	1.7 -> 12.7 19 -> 1.1	Sideway 31/10	20.50 24.00			Sideway trong ngắn hạn và có khả năng sẽ sớm tăng trở lại				
14 VEA 	UPCOM	Máy công nghiệp	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Trung bình	49.1	1N: +0.1% 1Thg: -10.7% Beta: 1.93	5.5 -> 9 22.3 -> 2.2						Mua 21/08 (#1)	59.8 +21.9%	Doanh thu: 6,015 (-14.9% yoy). LNST Cty mẹ: 7,534 (+7.5%)	5.7 -> 8.7
15 VRE 	HOSE	Bất động sản	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.219M335	35.2	1N: -1.3% 1Thg: +10.2% Beta: 1.59	1.1 -> 30.8 12 -> 2.9	Tăng 04/11	33.50 37.50			Vượt vùng cản 33.5 tạo nhịp hồi phục hướng về vùng kháng cự 37.5	Tích lũy 01/11	38.6 +9.7%	Doanh thu: 9,276 (+1.7% yoy). LNST Cty mẹ: 2,927 (+21.7%)	1.3 -> 28

PHỤ LỤC

Môi giới 17

Bảng tổng hợp cổ phiếu theo yêu cầu

(Tổng số cổ phiếu: 15)

VNIndex 1Thg: +3.8%

Khuyến nghị Giao dịch (2)

Số lượng cp đạt điều kiện PTKT: 15

Thống kê xu hướng: Tăng 3 vs Giảm 2

Khuyến nghị Đầu tư (7)

Thống kê khuyến nghị: tích cực 7 vs tiêu cực 0

CK	Phân ngành	Nhóm vốn hóa	Thanh khoản	Thị giá 06/11	1N: 11+3- 1Thg: 3+12-	EPS -> P/E BV -> P/B	Xu hướng hiện tại	Hỗ trợ Kháng cự	Khuyến nghị	Kỳ vọng 2 tuần	Nhận định kỹ thuật	Khuyến nghị (ngày)	Mục tiêu 1Y	Dự phóng 2019F (đ.v: tỷ đồng)	EPS -> P/E (f)
1 	HOSE	Phân phối xăng dầu & khí đốt	Small cap Thanh khoản: Trung bình	7.0	1N: -0.6% 1Thg: -8.2% Beta: 0.01	2.1 -> 3.4 12.8 -> 0.5									
2 	HNX	Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	25.9	1N: +0.4% 1Thg: -5.1% Beta: 0.1	5.3 -> 4.9 25.4 -> 1									
3 	HOSE	Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	Mid cap OCT31:100.246.349	13.8	1N: +0.7% 1Thg: -2.8% Beta: 0.69	0.7 -> 18.4 19.9 -> 0.7	Sideway 07/11	10.40 16.00			Dấu hiệu downtrend vẫn tiếp tục.	Mua 01/11	16.4 +19.3%	Doanh thu: 7,229 (-22.2% yoy). LNST cty mẹ: 329 (-53%)	0.7 -> 19.2
4 	HOSE	Bất động sản	Mid cap OCT31:104.241B334	16.2	1N: +2.2% 1Thg: -3% Beta: 2.18	3.1 -> 5.3 13 -> 1.3	Sideway 29/10	15.00 17.00	Mua 29/10	MT: 17.5 (+8%) Cắt lỗ: 15.3	Nhịp điệu chỉnh có khả năng đã kết thúc và xu hướng tăng sẽ được khôi phục	Mua 01/11	22.0 +35.8%	Doanh thu: 4,439 (-4.5% yoy). LNST cty mẹ: 1,230 (+4.3%)	2.4 -> 6.8
5 	HOSE	Phần mềm	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Cao	59.5	1N: -0.5% 1Thg: +4.8% Beta: 1.42	4.7 -> 12.7 20 -> 3	Sideway 25/10	52.00 60.00			Kiểm tra lại vùng đỉnh cũ, kênh giá tăng vẫn đang được giữ vững	Mua 01/11	70.0 +17.6%	Doanh thu: 28,598 (+23.2% yoy). LNST cty mẹ: 3,319 (+26.7%)	4.9 -> 12.2
6 	HOSE	Xây dựng	Mid cap OCT31:100.226.329	12.8	1N: +2% 1Thg: -10.5% Beta: 0.65	1.7 -> 7.5 14.8 -> 0.9									
7 	UPCOM	Sản xuất & Phân phối Điện	Mid cap Thanh khoản: Thấp	14.4	1N: +0.2% 1Thg: -6.2% Beta: -0.07	1.7 -> 8.4 11.8 -> 1.2									
8 	HOSE	Thép và sản phẩm thép	Nhóm Tỷ USD OCT31:150.225B320	22.0	1N: +0.5% 1Thg: +3% Beta: 0.66	2.7 -> 8.3 16.6 -> 1.3	Tăng 29/10	20.50 24.00	Mua 29/10	MT: 23.5 (+6.8%) Cắt lỗ: 21.2	Vượt lên trên hai đường EMA(26) và EMA(45) để hình thành xu hướng tăng. KLGD có sự gia tăng mạnh mẽ	Mua 01/11	29.7 +35%	Doanh thu: 67,968 (+21.7% yoy). LNST cty mẹ: 8,612 (+0.5%)	2.9 -> 7.5
9 	HOSE	Thép và sản phẩm thép	Mid cap OCT31:129.204B303	7.4	1N: +2.8% 1Thg: -0.1% Beta: 0.62	0.9 -> 8.6 12.9 -> 0.6						Tích lũy 13/09		Doanh thu: 28,000LNST cty mẹ: 387	0.9 -> 8
10 	HOSE	Bất động sản	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	15.6	1N: -1.3% 1Thg: -3.4% Beta: -0.3	2.1 -> 7.5 13.2 -> 1.2	Sideway 28/10	14.00 16.00			Chạm target trung hạn 17 và đang điều chỉnh xuống.				
11 	HOSE	Khai khoáng	Small cap Thanh khoản: Trung bình	18.8	1N: +3% 1Thg: -14% Beta: -0.84	5.7 -> 3.3 21.8 -> 0.9	Giảm 31/10	18.50 20.00			Phá vỡ đáy cũ 20, có thể giảm sâu thêm nữa trước khi phục hồi kỹ thuật				
12 	HOSE	Bất động sản	Mid cap OCT31:108.233B331	10.7	1N: +0.5% 1Thg: -5.7% Beta: 0.53	2.8 -> 3.8 11.9 -> 0.9	Tăng 07/11	9.90 11.00			Xu hướng tăng mới đang nhen nhóm hình thành.				
13 	UPCOM	Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	Mid cap Thanh khoản: Thấp	23.4	1N: +0.1% 1Thg: -6.6% Beta: -0.03	5.8 -> 4.1 32 -> 0.7						Mua 01/11	29.8 +27.2%	Doanh thu: 8,498 (-5.9% yoy). LNST cty mẹ: 504 (+22.5%)	5.3 -> 4.4
14 	HOSE	Máy công nghiệp	Large cap Thanh khoản: Cao	37.9	1N: 0% 1Thg: +1.3% Beta: 1.01	5.6 -> 6.8 32.1 -> 1.2	Tăng 30/10	37.00 40.00			Điều chỉnh kết thúc, xu hướng tăng ngắn hạn hình thành	Mua 01/11	43.3 +14.2%	Doanh thu: 5,192 (+1.8% yoy). LNST cty mẹ: 1,606 (-10%)	5.2 -> 7.3
15 	HOSE	Bất động sản	Small cap Thanh khoản: Cao	10.2	1N: +2.5% 1Thg: -14% Beta: 0.16	1.7 -> 6.1 17.9 -> 0.6	Giảm 01/11	9.50 10.00			Sắp giảm về hỗ trợ tương đối mạnh quanh 9.5 và có thể phục hồi kỹ thuật.				

PHỤ LỤC

Môi giới 16

Bảng tổng hợp cổ phiếu theo yêu cầu (Tổng số cổ phiếu: 15)

			VNIndex 1Thg: +3.8%			Số lượng cp đạt điều kiện PTKT: 15			Khuyến nghị: Mua 3 vs Bán 0			Thống kê khuyến nghị: tích cực 5 vs tiêu cực 0				
CK	Phân ngành	Nhóm vốn hóa Thanh khoản	Thị giá 06/11	1N: 2+10- 1Thg: 11+4-	EPS -> P/E BV -> P/B	Xu hướng hiện tại	Hỗ trợ Kháng cự	Khuyến nghị	Kỳ vọng 2 tuần	Nhận định kỹ thuật	Khuyến nghị (ngày)	Mục tiêu 1Y	Dự phóng 2019F (đ.v: tỷ đồng)	EPS -> P/E (f)		
1	AAA 	HOSE	Nhựa, cao su & sợi	Mid cap Thanh khoản: Cao	15.7	1N: -1.3% 1Thg: +3.3% Beta: 0.83	2.7 -> 5.8 16.8 -> 0.9	Tăng	14.80 17.00		Xuất hiện nhịp hồi phục sau khi tạo vùng hỗ trợ 14.8 và hướng về vùng 16.5-17					
2	ACB 	HNX	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:103.239M300	24.6	1N: 0% 1Thg: +4.2% Beta: 1.71	3.6 -> 6.9 15.3 -> 1.6	Sideway	22.00 28.00		Sideway trong vùng 23-25 trend trung hạn. Ngắn hạn có dấu hiệu tích cực.	Tích lũy 01/11	27.0 +9.8%	TN hoạt động: 15,843 (+12.9% yoy). LNST Cty mẹ: 6,038 (+17.5%)	3.6 -> 6.8	
3	CCL 	HOSE	Bất động sản	Small cap Thanh khoản: Trung bình	6.9	1N: 0% 1Thg: -7.3% Beta: 0.12	0.9 -> 8 11.6 -> 0.6	Sideway	6.00 7.50	Mua 30/10	MT: 8 (+16.1%) Cắt lỗ: 6.5	Test thành công đường SMA(100). MACD bắt đầu cắt lên trên đường tín hiệu. Xu hướng phục hồi tiếp tục.				
4	CTG 	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.227B326	22.3	1N: -0.4% 1Thg: +8.3% Beta: 1.32	1.6 -> 13.6 20 -> 1.1	Sideway	19.50 24.50	Mua 24/10	MT: 22.5 (+0.9%) Cắt lỗ: 20.6	Chạm trendline trên và dưới sức. Điều chỉnh ngắn hạn.	Nắm giữ 01/11	21.3 -4.5%	TN hoạt động: 39,269 (+36.6% yoy). LNST Cty mẹ: 8,002 (+47.8%)	1.6 -> 14.3
5	DGW 	HOSE	Phân phối hàng chuyên dụng	Small cap Thanh khoản: Cao	26.0	1N: +0.6% 1Thg: +3.2% Beta: 0.95	3.5 -> 7.5 21.3 -> 1.2	Tăng	21.00 27.50		Nhịp tăng có thể nối rộng đến vùng cản 27					
6	FPT 	HOSE	Phần mềm	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Cao	59.5	1N: -0.5% 1Thg: +4.8% Beta: 1.42	4.7 -> 12.7 20 -> 3	Sideway	52.00 60.00		Kiểm tra lại vùng đỉnh cũ, kênh giá tăng vẫn đang được giữ vững	Mua 01/11	70.0 +17.6%	Doanh thu: 28,598 (+23.2% yoy). LNST Cty mẹ: 3,319 (+26.7%)	4.9 -> 12.2	
7	HCM 	HOSE	Môi giới chứng khoán	Mid cap Thanh khoản: Cao	24.8	1N: -0.2% 1Thg: +6.7% Beta: 2.11	1.4 -> 17.1 14.2 -> 1.7	Tăng	22.00 27.00	Mua 04/11	MT: 25.8 (+4.2%) Cắt lỗ: 22.5	Bật tăng mạnh từ ngưỡng hỗ trợ tạo bởi Fibonacci Retracement 50%				
8	HDC 	HOSE	Bất động sản	Mid cap Thanh khoản: Cao	22.8	1N: -0.7% 1Thg: -4% Beta: 1.67	1.7 -> 13.2 14 -> 1.6	Sideway	21.00 24.00		Dao động cân bằng xung quanh vùng giá 22.					
9	HVN 	HOSE	Hàng không	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Cao	35.9	1N: -1.5% 1Thg: +8.3% Beta: 1.52	2 -> 17.8 12.8 -> 2.8	Tăng	34.00 39.00		Nhịp hồi phục mở rộng và hướng đến vùng 38-39					
10	KDH 	HOSE	Bất động sản	Large cap Thanh khoản: Trung bình	27.1	1N: -0.6% 1Thg: +7.3% Beta: 0.21	1.7 -> 15.9 13.3 -> 2	Tăng	26.00 30.00		Xu hướng tăng hướng đến vùng kháng cự mạnh 30					
11	PNJ 	HOSE	Hàng cá nhân	Large cap OCT31:107.200.300	85.0	1N: -0.2% 1Thg: +5.9% Beta: 1.16	4.8 -> 17.6 18.5 -> 4.6	Sideway	82.00 89.00		Đang bị cản và có thể điều chỉnh nhẹ nhưng xu hướng chung vẫn tích cực	Mua 01/11	109.0 +28.2%	Doanh thu: 17,043 (+17% yoy). LNST Cty mẹ: 1,156 (+20.4%)	4.8 -> 17.6	
12	QNS 	UPCOM	Thực phẩm	Mid cap OCT31:111.200.300	29.0	1N: -0.2% 1Thg: -2.5% Beta: 0.36	3.6 -> 8.2 16.8 -> 1.7	Sideway	28.00 36.00		Sideway downtrend trung hạn. Sắp chạm ngưỡng đáy 28. Chưa xuất hiện dấu hiệu hồi phục.	Mua 01/11	40.5 +39.8%	Doanh thu: 7,818 (-2.7% yoy). LNST Cty mẹ: 1,162 (-6.3%)	3.8 -> 7.7	
13	REE 	HOSE	Máy công nghiệp	Large cap Thanh khoản: Cao	37.9	1N: 0% 1Thg: +1.3% Beta: 1.01	5.6 -> 6.8 32.1 -> 1.2	Tăng	37.00 40.00		Điều chỉnh kết thúc, xu hướng tăng ngắn hạn hình thành	Mua 01/11	43.3 +14.2%	Doanh thu: 5,192 (+1.8% yoy). LNST Cty mẹ: 1,606 (-10%)	5.2 -> 7.3	
14	SCI 	HNX	Xây dựng	Small cap Thanh khoản: Trung bình	10.7	1N: +0.9% 1Thg: -3.1% Beta: -1.98	4.6 -> 2.3 16.2 -> 0.7									
15	SSI 	HOSE	Môi giới chứng khoán	Mid cap Thanh khoản: Cao	21.7	1N: -0.5% 1Thg: +0.5% Beta: 1.47	1.7 -> 12.7 19 -> 1.1	Sideway	20.50 24.00		Sideway trong ngắn hạn và có khả năng sẽ sớm tăng trở lại					

PHỤ LỤC

Môi giới 9

Bảng tổng hợp cổ phiếu theo yêu cầu (Tổng số cổ phiếu: 15)

			VNIndex 1Thg: +3.8%			Số lượng cp đạt điều kiện PTKT: 14				Khuyến nghị: Mua 1 vs Bán 0		Thống kê khuyến nghị: tích cực 8 vs tiêu cực 0		
CK	Phân ngành	Nhóm vốn hóa Thanh khoản	Thị giá 06/11	1N: 8+6- 1Thg: 8+7-	EPS -> P/E BV -> P/B	Xu hướng hiện tại	Hỗ trợ Kháng cự	Khuyến nghị	Kỳ vọng 2 tuần	Nhận định kỹ thuật	Khuyến nghị (ngày)	Mục tiêu 1Y	Dự phóng 2019F (đ.v: tỷ đồng)	EPS -> P/E (f)
1 BMP 	HOSE	Vật liệu xây dựng & Nội thất	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	53.5	1N: +1.3% 1Thg: +0.6% Beta: 0.23						Tích lũy 01/11	51.1 -4.5%	Doanh thu: 4,123 (+5.2% yoy). LNST cty mẹ: 518 (+21.2%)	5.4 -> 9.9
2 DGC 	HNX	Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	25.9	1N: +0.4% 1Thg: -5.1% Beta: 0.1									
3 FPT 	HOSE	Phần mềm	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Cao	59.5	1N: -0.5% 1Thg: +4.8% Beta: 1.42	Sideway 25/10	52.00 60.00			Kiểm tra lại vùng đỉnh cũ, kênh giá tăng vẫn đang được giữ vững	Mua 01/11	70.0 +17.6%	Doanh thu: 28,598 (+23.2% yoy). LNST cty mẹ: 3,319 (+26.7%)	4.9 -> 12.2
4 HAH 	HOSE	Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	Small cap Thanh khoản: Trung bình	12.9	1N: -1.5% 1Thg: -9.5% Beta: 0.22	Sideway 24/10	13.50 16.00	Mua 24/10	MT: 15.9 (+23.3%) Cắt lỗ: 13.9	Xu hướng tăng trở lại và tiến đến ngưỡng kháng cự 16.	Mua 01/11	18.0 +39.5%	Doanh thu: 1,093 (+3.7% yoy). LNST cty mẹ: 128 (-5.5%)	2.6 -> 4.9
5 HND 	UPCOM	Sản xuất & Phân phối Điện	Mid cap Thanh khoản: Thấp	14.4	1N: +0.2% 1Thg: -6.2% Beta: -0.07									
6 IJC 	HOSE	Bất động sản	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	15.6	1N: -1.3% 1Thg: -3.4% Beta: -0.3	Sideway 28/10	14.00 16.00			Chạm target trung hạn 17 và đang điều chỉnh xuống.				
7 MWG 	HOSE	Phân phối hàng chuyên dụng	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Cao	124.6	1N: -0.8% 1Thg: +1.3% Beta: 1.1	Sideway 31/10	120.00 130.00			Có nhiều dấu hiệu cho thấy sự suy yếu. Khả năng cao sẽ có nhịp điều chỉnh.	Mua 01/11	167.0 +34%	Doanh thu: 105,327 (+21.7% yoy). LNST cty mẹ: 3,888 (+35.1%)	8.6 -> 14.5
8 NDN 	HNX	Bất động sản	Small cap Thanh khoản: Trung bình	16.6	1N: +0.6% 1Thg: -1.8% Beta: 1.63									
9 NTC 	UPCOM	Bất động sản	Mid cap Thanh khoản: Thấp	176.7	1N: +3.6% 1Thg: +6.1% Beta: 2.42	Tăng 06/11	165.00 180.00			Đang dần khôi phục lại xu hướng tăng, đã vượt lên SMA(100)	Tích lũy 24/10	170.1 -3.7%	Doanh thu: 227 (-57.4% yoy). LNST cty mẹ: 193 (-58.9%)	14.7 - > 12
10 PET 	HOSE	Phân phối hàng chuyên dụng	Small cap Thanh khoản: Trung bình	7.8	1N: -0.3% 1Thg: +2.2% Beta: 0.14									
11 PVD 	HOSE	Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	Mid cap OCT31:100.222M338	16.8	1N: -0.9% 1Thg: -1.2% Beta: 2.5	Sideway 07/11	15.50 20.00			Ngưỡng cản 16 đỡ giá. Xu hướng chính vẫn sideway quanh vùng 16- 18.	Mua 01/11	21.1 +25.4%	Doanh thu: 4,321 (-21.4% yoy). LNST cty mẹ: -38	
12 REE 	HOSE	Máy công nghiệp	Large cap Thanh khoản: Cao	37.9	1N: 0% 1Thg: +1.3% Beta: 1.01	Tăng 30/10	37.00 40.00			Điều chỉnh kết thúc, xu hướng tăng ngắn hạn hình thành	Mua 01/11	43.3 +14.2%	Doanh thu: 5,192 (+1.8% yoy). LNST cty mẹ: 1,606 (-10%)	5.2 -> 7.3
13 TCW 	UPCOM	Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	Small cap Thanh khoản: Thấp	24.0	1N: +0.3% 1Thg: +3% Beta: 1.18						Mua 19/09	44.0 +83.2%	Doanh thu: 670 (+1.5% yoy). LNST cty mẹ: 61 (+5.1%)	4 -> 5.9
14 TDH 	HOSE	Bất động sản	Small cap Thanh khoản: Cao	10.2	1N: +2.5% 1Thg: -14% Beta: 0.16	Giảm 01/11	9.50 10.00			Sắp giảm về hỗ trợ tương đối mạnh quanh 9.5 và có thể phục hồi kỹ thuật.				
15 VCB 	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Cao	91.0	1N: +0.2% 1Thg: +9.6% Beta: 1.09	Tăng 07/11	79.00 100.00			Tạo đỉnh ngắn hạn ở vùng 90, áp lực giảm đang lớn dần.	Nắm giữ 01/11	90.0 -1.1%	TN hoạt động: 47,022 (+19.7% yoy). LNST cty mẹ: 18,698 (+28%)	4.5 -> 20.2

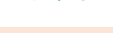
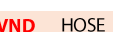
PHỤ LỤC

VN Diamond Bảng tổng hợp cổ phiếu theo yêu cầu (Tổng số cổ phiếu: 13)

			VNIndex 1Thg: +3.8%			Số lượng cp đạt điều kiện PTKT: 13				Khuyến nghị: Mua 2 vs Bán 0		Thống kê khuyến nghị: tích cực 9 vs tiêu cực 0			
CK	Phân ngành	Nhóm vốn hóa Thanh khoản	Thị giá 06/11	1N: 2+9- 1Thg: 9+4-	EPS -> P/E BV -> P/B	Xu hướng hiện tại	Hỗ trợ Kháng cự	Khuyến nghị	Kỳ vọng 2 tuần	Nhận định kỹ thuật	Khuyến nghị (ngày)	Mục tiêu 1Y	Dự phóng 2019F (đ.v: tỷ đồng)	EPS -> P/E (f)	
1	CTG HOSE 	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.227B326	22.3	1N: -0.4% 1Thg: +8.3% Beta: 1.32	1.6 -> 13.6 20 -> 1.1	Sideway 07/11	19.50 24.50	Mua 24/10	MT: 22.5 (+0.9%) Cắt lỗ: 20.6	Chạm trendline trên và dưới sức. Điều chỉnh ngắn hạn.	Nắm giữ 01/11	21.3 -4.5%	TN hoạt động: 39,269 (+36.6% yoy). LNST cty mẹ: 8,002 (+47.8%)	1.6 -> 14.3
2	DXG HOSE 	Bất động sản	Mid cap OCT31:104.241B334	16.2	1N: +2.2% 1Thg: -3% Beta: 2.18	3.1 -> 5.3 13 -> 1.3	Sideway 29/10	15.00 17.00	Mua 29/10	MT: 17.5 (+8%) Cắt lỗ: 15.3	Nhập điều chỉnh có khả năng đã kết thúc và xu hướng tăng sẽ được khôi phục	Mua 01/11	22.0 +35.8%	Doanh thu: 4,439 (-4.5% yoy). LNST cty mẹ: 1,230 (+4.3%)	2.4 -> 6.8
3	FPT HOSE 	Phần mềm	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Cao	59.5	1N: -0.5% 1Thg: +4.8% Beta: 1.42	4.7 -> 12.7 20 -> 3	Sideway 25/10	52.00 60.00			Kiểm tra lại vùng đỉnh cũ, kênh giá tăng vẫn đang được giữ vững	Mua 01/11	70.0 +17.6%	Doanh thu: 28,598 (+23.2% yoy). LNST cty mẹ: 3,319 (+26.7%)	4.9 -> 12.2
4	GMD HOSE 	Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	25.6	1N: -1.4% 1Thg: -1.4% Beta: 0.81	2 -> 12.5 21.1 -> 1.2	Sideway 07/11	25.00 28.00			Đang tích lũy trong vùng 25-26	Tích lũy 01/11	30.0 +17.4%	Doanh thu: 2,859 (+5.6% yoy). LNST cty mẹ: 524 (-71.6%)	1.7 -> 14.7
5	KDH HOSE 	Bất động sản	Large cap Thanh khoản: Trung bình	27.1	1N: -0.6% 1Thg: +7.3% Beta: 0.21	1.7 -> 15.9 13.3 -> 2	Tăng 07/11	26.00 30.00			Xu hướng tăng hướng đến vùng kháng cự mạnh 30				
6	MBB HOSE 	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.217B312	23.6	1N: +1.3% 1Thg: +4% Beta: 1.11	3.2 -> 7.4 15.6 -> 1.5	Sideway 06/11	21.00 24.50			Dao động tích lũy trong biên độ hẹp 22.5-23.5. Đường EMA(26) vẫn đang hỗ trợ tốt cho đà tăng.	Mua 01/11	28.5 +21%	TN hoạt động: 24,060 (+23.2% yoy). LNST cty mẹ: 7,588 (+24.1%)	3.1 -> 7.6
7	MWG HOSE 	Phân phối hàng chuyên dụng	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Cao	124.6	1N: -0.8% 1Thg: +1.3% Beta: 1.1	8.3 -> 15 25.5 -> 4.9	Sideway 31/10	120.00 130.00			Có nhiều dấu hiệu cho thấy sự suy yếu. Khả năng cao sẽ có nhịp điều chỉnh.	Mua 01/11	167.0 +34%	Doanh thu: 105,327 (+21.7% yoy). LNST cty mẹ: 3,888 (+35.1%)	8.6 -> 14.5
8	NLG HOSE 	Bất động sản	Mid cap Thanh khoản: Cao	28.6	1N: -0.3% 1Thg: -1.6% Beta: 0.58	2.1 -> 13.5 18.5 -> 1.5						Mua 01/11	38.7 +35.6%	Doanh thu: 3,263 (-6.2% yoy). LNST cty mẹ: 972 (+27.4%)	3.8 -> 7.6
9	PNJ HOSE 	Hàng cá nhân	Large cap OCT31:107.200.300	85.0	1N: -0.2% 1Thg: +5.9% Beta: 1.16	4.8 -> 17.6 18.5 -> 4.6	Sideway 07/11	82.00 89.00			Đang bị cản và có thể điều chỉnh nhẹ nhưng xu hướng chung vẫn tích cực	Mua 01/11	109.0 +28.2%	Doanh thu: 17,043 (+17% yoy). LNST cty mẹ: 1,156 (+20.4%)	4.8 -> 17.6
10	REE HOSE 	Máy công nghiệp	Large cap Thanh khoản: Cao	37.9	1N: 0% 1Thg: +1.3% Beta: 1.01	5.6 -> 6.8 32.1 -> 1.2	Tăng 30/10	37.00 40.00			Điều chỉnh kết thúc, xu hướng tăng ngắn hạn hình thành	Mua 01/11	43.3 +14.2%	Doanh thu: 5,192 (+1.8% yoy). LNST cty mẹ: 1,606 (-10%)	5.2 -> 7.3
11	TCB HOSE 	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:119.200B342	24.8	1N: 0% 1Thg: +4.9% Beta: 1.39	2.7 -> 9.3 16.8 -> 1.5	Tăng 07/11	24.00 28.00			Đang bị cản và có thể điều chỉnh nhẹ nhưng xu hướng chung vẫn tích cực				
12	TPB HOSE 	Ngân hàng	Large cap Thanh khoản: Trung bình	22.5	1N: -0.2% 1Thg: +0.4% Beta: 0.24	2.9 -> 7.9 14.4 -> 1.6									
13	VPB HOSE 	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.200B311	22.2	1N: -0.4% 1Thg: -0.7% Beta: 0.51	3.4 -> 6.5 16.8 -> 1.3	Sideway 07/11	21.00 23.00			Đã được hỗ trợ gần mức 21.2 và đang trong quá trình tích lũy để hình thành sóng tăng mới	Tích lũy 31/10	25.3 +14.2%	TN hoạt động: n/a. LNST cty mẹ: n/a	

PHỤ LỤC

VNFIN Select Bảng tổng hợp cổ phiếu theo yêu cầu (Tổng số cổ phiếu: 15)

			VNIndex 1Thg: +3.8%			Số lượng cp đạt điều kiện PTKT: 15				Khuyến nghị: Mua 4 vs Bán 0		Thống kê khuyến nghị: tích cực 2 vs tiêu cực 0			
CK	Phân ngành	Nhóm vốn hóa Thanh khoản	Thị giá 06/11	1N: 3+9- 1Thg: 12+3-	EPS -> P/E BV -> P/B	Xu hướng hiện tại	Hỗ trợ Kháng cự	Khuyến nghị	Kỳ vọng 2 tuần	Nhận định kỹ thuật	Khuyến nghị (ngày)	Mục tiêu 1Y	Dự phóng 2019F (đ.v: tỷ đồng)	EPS -> P/E (f)	
1 BID 	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Cao	42.2	1N: -0.7% 1Thg: +4.2% Beta: 1.41	2.1 -> 20.1 19 -> 2.2	Tăng 07/11	41.50 46.00		Xu hướng tích cực sau khi vượt vùng kháng cự 41.5	Nắm giữ 01/11	38.0 -10%	TN hoạt động: 48,199 (+8.4% yoy). LNST cty mẹ: 7,583 (+3.1%)	1.7 -> 24.6	
2 BMI 	HOSE	Bảo hiểm phi nhân thọ	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	27.0	1N: -0.6% 1Thg: +10.2% Beta: 1.41	1.6 -> 16.5 24.5 -> 1.1									
3 BVH 	HOSE	Bảo hiểm nhân thọ	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Trung bình	75.1	1N: -0.1% 1Thg: +3.2% Beta: 1.18	1.8 -> 42.5 22.4 -> 3.4	Tăng 04/11	71.50 80.00	Mua 04/11	MT: 79.5 (+5.9%) Cắt lỗ: 71.5	Có tín hiệu đảo chiều đi lên tại vùng hỗ trợ mạnh 71.x				
4 CTG 	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.227B326	22.3	1N: -0.4% 1Thg: +8.3% Beta: 1.32	1.6 -> 13.6 20 -> 1.1	Sideway 07/11	19.50 24.50	Mua 24/10	MT: 22.5 (+0.9%) Cắt lỗ: 20.6	Chạm trendline trên và đuổi sức. Điều chỉnh ngắn hạn.	Nắm giữ 01/11	21.3 -4.5%	TN hoạt động: 39,269 (+36.6% yoy). LNST cty mẹ: 8,002 (+47.8%)	1.6 -> 14.3
5 EIB 	HOSE	Ngân hàng	Large cap OCT31:102.213.319	17.4	1N: 0% 1Thg: +3% Beta: 0.13	0.5 -> 33.6 12.9 -> 1.4	Tăng 07/11	15.50 18.00		Tăng từ vùng lưỡng lự 16.5 nhưng vẫn nhiều khả năng bị cản tại vùng 18					
6 HDB 	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.200B313	29.1	1N: -1.4% 1Thg: +5.8% Beta: 0.84	3.3 -> 8.7 18.5 -> 1.6	Sideway 07/11	24.00 30.00	Mua 24/10	MT: 30 (+3.1%) Cắt lỗ: 27	Dấu hiệu điều chỉnh ngắn hạn.	Nắm giữ 01/11	29.0 -0.3%	TN hoạt động: 10,828 (+14.7% yoy). LNST cty mẹ: 3,340 (+17.5%)	3.4 -> 8.6
7 MBB 	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.217B312	23.6	1N: +1.3% 1Thg: +4% Beta: 1.11	3.2 -> 7.4 15.6 -> 1.5	Sideway 06/11	21.00 24.50		Dao động tích lũy trong biên độ hẹp 22.5-23.5. Đường EMA(26) vẫn đang hỗ trợ tốt cho đà tăng.	Mua 01/11	28.5 +21%	TN hoạt động: 24,060 (+23.2% yoy). LNST cty mẹ: 7,588 (+24.1%)	3.1 -> 7.6	
8 SSI 	HOSE	Môi giới chứng khoán	Mid cap Thanh khoản: Cao	21.7	1N: -0.5% 1Thg: +0.5% Beta: 1.47	1.7 -> 12.7 19 -> 1.1	Sideway 31/10	20.50 24.00		Sideway trong ngắn hạn và có khả năng sẽ sớm tăng trở lại					
9 STB 	HOSE	Ngân hàng	Large cap OCT31:101.208M315	11.0	1N: +0.5% 1Thg: +5.8% Beta: 0.55	1.5 -> 7.1 14.5 -> 0.8	Sideway 05/11	10.60 11.50	Mua 05/11	MT: 11.6 (+5.5%) Cắt lỗ: 10.6	Điều chỉnh về mốc Fibonacci Retracement 50% và có dấu hiệu tăng trở lại				
10 TCB 	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:119.200B342	24.8	1N: 0% 1Thg: +4.9% Beta: 1.39	2.7 -> 9.3 16.8 -> 1.5	Tăng 07/11	24.00 28.00		Đang bị cản và có thể điều chỉnh nhẹ nhưng xu hướng chung vẫn tích cực					
11 TPB 	HOSE	Ngân hàng	Large cap Thanh khoản: Trung bình	22.5	1N: -0.2% 1Thg: +0.4% Beta: 0.24	2.9 -> 7.9 14.4 -> 1.6									
12 VCB 	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Cao	91.0	1N: +0.2% 1Thg: +9.6% Beta: 1.09	5.3 -> 17.3 21.9 -> 4.2	Tăng 07/11	79.00 100.00		Tạo đỉnh ngắn hạn ở vùng 90, áp lực giảm đang lớn dần.	Nắm giữ 01/11	90.0 -1.1%	TN hoạt động: 47,022 (+19.7% yoy). LNST cty mẹ: 18,698 (+28%)	4.5 -> 20.2	
13 VCI 	HOSE	Môi giới chứng khoán	Mid cap Thanh khoản: Thấp	34.5	1N: -1.1% 1Thg: -0.3% Beta: 0.45	3.8 -> 9 23.1 -> 1.5	Sideway 04/11	31.00 37.00		Tích lũy khá ổn định tại mức 34 và có thể bật tăng khi có cơ hội					
14 VND 	HOSE	Môi giới chứng khoán	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	13.8	1N: 0% 1Thg: -2.1% Beta: 0.77	1.3 -> 10.4 14.9 -> 0.9									
15 VPB 	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.200B311	22.2	1N: -0.4% 1Thg: -0.7% Beta: 0.51	3.4 -> 6.5 16.8 -> 1.3	Sideway 07/11	21.00 23.00		Đã được hỗ trợ gần mức 21.2 và đang trong quá trình tích lũy để hình thành sóng tăng mới	Tích lũy 31/10	25.3 +14.2%	TN hoạt động: n/a. LNST cty mẹ: n/a		

PHỤ LỤC

VNFIN Lead **Bảng tổng hợp cổ phiếu theo yêu cầu** (Tổng số cổ phiếu: 13)

			VNIndex 1Thg: +3.8%			Số lượng cp đạt điều kiện PTKT: 13				Khuyến nghị: Mua 5 vs Bán 0		Thống kê khuyến nghị: tích cực 2 vs tiêu cực 0			
CK	Phân ngành	Nhóm vốn hóa Thanh khoản	Thị giá 06/11	1N: 3+7- 1Thg: 11+2-	EPS -> P/E BV -> P/B	Xu hướng hiện tại	Hỗ trợ Kháng cự	Khuyến nghị	Kỳ vọng 2 tuần	Nhận định kỹ thuật	Khuyến nghị (ngày)	Mục tiêu 1Y	Dự phóng 2019F (đ.v: tỷ đồng)	EPS -> P/E (f)	
1	BVH  HOSE	Bảo hiểm nhân thọ	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Trung bình	75.1	1N: -0.1% 1Thg: +3.2% Beta: 1.18	1.8 -> 42.5 22.4 -> 3.4	Tăng 04/11	71.50 80.00	Mua 04/11	MT: 79.5 (+5.9%) Cắt lỗ: 71.5	Có tín hiệu đảo chiều đi lên tại vùng hỗ trợ mạnh 71.x				
2	CTG  HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.227B326	22.3	1N: -0.4% 1Thg: +8.3% Beta: 1.32	1.6 -> 13.6 20 -> 1.1	Sideway 07/11	19.50 24.50	Mua 24/10	MT: 22.5 (+0.9%) Cắt lỗ: 20.6	Chạm trendline trên và dưới sức. Điều chỉnh ngắn hạn.	Nắm giữ 01/11	21.3 -4.5%	TN hoạt động: 39,269 (+36.6% yoy). LNST cty mẹ: 8,002 (+47.8%)	1.6 -> 14.3
3	EIB  HOSE	Ngân hàng	Large cap OCT31:102.213.319	17.4	1N: 0% 1Thg: +3% Beta: 0.13	0.5 -> 33.6 12.9 -> 1.4	Tăng 07/11	15.50 18.00			Tăng từ vùng lưỡng lự 16.5 nhưng vẫn nhiều khả năng bị cản tại vùng 18				
4	HCM  HOSE	Môi giới chứng khoán	Mid cap Thanh khoản: Cao	24.8	1N: -0.2% 1Thg: +6.7% Beta: 2.11	1.4 -> 17.1 14.2 -> 1.7	Tăng 04/11	22.00 27.00	Mua 04/11	MT: 25.8 (+4.2%) Cắt lỗ: 22.5	Bật tăng mạnh từ ngưỡng hỗ trợ tạo bởi Fibonacci Retracement 50%				
5	HDB  HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.200B313	29.1	1N: -1.4% 1Thg: +5.8% Beta: 0.84	3.3 -> 8.7 18.5 -> 1.6	Sideway 07/11	24.00 30.00	Mua 24/10	MT: 30 (+3.1%) Cắt lỗ: 27	Dấu hiệu điều chỉnh ngắn hạn.	Nắm giữ 01/11	29.0 -0.3%	TN hoạt động: 10,828 (+14.7% yoy). LNST cty mẹ: 3,340 (+17.5%)	3.4 -> 8.6
6	MBB  HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.217B312	23.6	1N: +1.3% 1Thg: +4% Beta: 1.11	3.2 -> 7.4 15.6 -> 1.5	Sideway 06/11	21.00 24.50			Dao động tích lũy trong biên độ hẹp 22.5-23.5. Đường EMA(26) vẫn đang hỗ trợ tốt cho đà tăng.	Mua 01/11	28.5 +21%	TN hoạt động: 24,060 (+23.2% yoy). LNST cty mẹ: 7,588 (+24.1%)	3.1 -> 7.6
7	SSI  HOSE	Môi giới chứng khoán	Mid cap Thanh khoản: Cao	21.7	1N: -0.5% 1Thg: +0.5% Beta: 1.47	1.7 -> 12.7 19 -> 1.1	Sideway 31/10	20.50 24.00			Sideway trong ngắn hạn và có khả năng sẽ sớm tăng trở lại				
8	STB  HOSE	Ngân hàng	Large cap OCT31:101.208M315	11.0	1N: +0.5% 1Thg: +5.8% Beta: 0.55	1.5 -> 7.1 14.5 -> 0.8	Sideway 05/11	10.60 11.50	Mua 05/11	MT: 11.6 (+5.5%) Cắt lỗ: 10.6	Điều chỉnh về mốc Fibonacci Retracement 50% và có dấu hiệu tăng trở lại				
9	TCB  HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:119.200B342	24.8	1N: 0% 1Thg: +4.9% Beta: 1.39	2.7 -> 9.3 16.8 -> 1.5	Tăng 07/11	24.00 28.00			Đang bị cản và có thể điều chỉnh nhẹ nhưng xu hướng chung vẫn tích cực				
10	TPB  HOSE	Ngân hàng	Large cap Thanh khoản: Trung bình	22.5	1N: -0.2% 1Thg: +0.4% Beta: 0.24	2.9 -> 7.9 14.4 -> 1.6									
11	VCB  HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Cao	91.0	1N: +0.2% 1Thg: +9.6% Beta: 1.09	5.3 -> 17.3 21.9 -> 4.2	Tăng 07/11	79.00 100.00			Tạo đỉnh ngắn hạn ở vùng 90, áp lực giảm đang lớn dần.	Nắm giữ 01/11	90.0 -1.1%	TN hoạt động: 47,022 (+19.7% yoy). LNST cty mẹ: 18,698 (+28%)	4.5 -> 20.2
12	VND  HOSE	Môi giới chứng khoán	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	13.8	1N: 0% 1Thg: -2.1% Beta: 0.77	1.3 -> 10.4 14.9 -> 0.9									
13	VPB  HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.200B311	22.2	1N: -0.4% 1Thg: -0.7% Beta: 0.51	3.4 -> 6.5 16.8 -> 1.3	Sideway 07/11	21.00 23.00			Đã được hỗ trợ gần mức 21.2 và đang trong quá trình tích lũy để hình thành sóng tăng mới	Tích lũy 31/10	25.3 +14.2%	TN hoạt động: n/a. LNST cty mẹ: n/a	

KHẢO SÁT Ý KIẾN BẠN ĐỌC

Nhằm nâng cao chất lượng bản tin sáng hàng ngày, chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp về mọi nội dung lẫn hình thức. Xin vui lòng ghi rõ các phần của bản tin mà quý vị muốn góp ý, và ghi ý kiến vào các ô trống dưới đây (thêm/sửa/xóa), rồi gửi về địa chỉ email của Hoàng Thạch Lâm (lan.ht@vdsc.com.vn). Chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

Chương	Nội dung	Ý kiến
Tin tức và bình luận	Tin quốc tế. Vietnam vs Global indexes. Tin trong nước. Tin chứng khoán.	
Thị trường	Diễn biến trong phiên. Biến động giá hôm nay. So với tuần trước. Xu hướng gần đây. Đánh chứng T3 dễ hay khó.	
Giao dịch	Nhận định chỉ số. Vốn hóa tỷ USD. Top10 tuần qua. Top10 dòng tiền 5 phiên. Khuyến nghị kỹ thuật mới (trong T3). Cổ phiếu hôm nay. Theo dõi khuyến nghị kỹ thuật (ngoài T3). Chứng quyền.	
Đầu tư	Danh mục đầu tư (giá mục tiêu và kỳ vọng, dự phóng doanh thu và LNST, dự phóng EPS và P/E forward). Nhóm ngành hôm nay. Cổ phiếu hôm nay.	
Phụ lục	Bảng tổng hợp cổ phiếu (PTKT, PTCB) theo yêu cầu của 1 số phòng môi giới/Chi nhánh	

HỆ THỐNG ICONS

Mục đích: giúp người đọc dễ dàng nắm được các yếu tố quan trọng liên quan đến chỉ số, nhóm ngành hay bất kỳ cổ phiếu cụ thể. Biết được cổ phiếu đang được khuyến nghị mua hay bán, đầu tư hay lướt sóng mà không cần phải tra cứu các bảng khuyến nghị đầu tư hay PTKT. Giúp tiết kiệm không gian đăng tải số liệu liên quan.

1. **Quy mô vốn hóa:** các mã có vốn hóa lớn (large cap) có Giá trị thị trường từ 500 tr.USD trở lên sẽ hiển thị icons, đi kèm với biến động giá trong ngày gần nhất.

	Tăng giá	Đứng giá	Giảm giá
Nhóm vốn hóa 1 tỷ USD trở lên			
Large cap (500 tr.USD trở lên)			

2. **Thanh khoản:** tính theo khối lượng khớp lệnh bình quân 1 tháng gần nhất:

Cao (từ 500.000 cp/ phiên)	Trung bình (từ 50.000 cp/ phiên)	Thấp (dưới 50.000 cp/ phiên)
		

3. **Dòng tiền 5 phiên:** là tổng giá trị giao dịch trong 5 phiên gần nhất, trong đó giá trị mỗi ngày được lấy dấu vào (+) hoặc ra (-) theo biến động giá cổ phiếu so với ngày liền trước.

	Đảo chiều	Tăng	Giảm
Dòng tiền vào (Tổng giá trị 5 phiên là dương)			
Dòng tiền ra (Tổng giá trị 5 phiên là âm)			

4. **Xu hướng ngắn hạn:** là nhận định của nhóm PTKT – TVCN về diễn biến giá cổ phiếu trong ngắn hạn, bao gồm:

Tích cực	Trung lập	Tiêu cực
		
Mua	Bán	
		

5. **Khuyến nghị Mua – Bán theo PTKT:**

6. **Khuyến nghị đầu tư:** được phân thành các nhóm tích cực (mua, thêm, khả quan, tích lũy...), trung lập (nắm giữ) hay tiêu cực (giảm, kém khả quan, bán). Bao gồm:

	Tích cực	Trung lập	Tiêu cực
Rồng Việt			
Một số công ty CK khác			



Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Rong Viet Securities tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu

nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được Rong Viet Securities thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của Rong Viet Securities. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của Rong Viet Securities đều trái luật. **Bản quyền thuộc Rong Viet Securities.**